

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục & Đào tạo**

Hà Nội, tháng 6 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2734 /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập các Hội đồng và Ban thư ký thực hiện tự đánh giá các CTĐT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 30/12/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học GTVT;

Xét Tờ trình của Phòng KT&ĐBCLĐT;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập các Hội đồng và Ban thư ký thực hiện tự đánh giá các CTĐT, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Các Hội đồng và Ban thư ký thực hiện tự đánh giá các CTĐT có trách nhiệm hoàn thành tốt công tác được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị: TCCB, HCTH, TC-KT, TT-PC, KT&ĐBCLĐT; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: HCTH, TCCB.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC

STT	Họ và tên	Chức danh Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS Nguyễn Ngọc Long	Hiệu trưởng		Chủ tịch HĐ
2	PGS.TS Nguyễn Thanh Chương	Phó Hiệu trưởng		Phó CT HĐ TT
3	PGS.TS Nguyễn Văn Long	Chủ tịch HĐT		Phó CT HĐ
4	PGS.TS Nguyễn Hồng Thái	Trưởng khoa	Vận tải - Kinh tế	Phó CT HĐ
5	PGS.TS Nguyễn Thị Hòa	Trưởng phòng	KT&ĐBCLĐT	Ủy viên TT
6	PGS.TS Dương Hữu Tuyển	Phó Trưởng phòng	KT&ĐBCLĐT	Ủy viên Thư ký
7	TS. Phạm Thanh Hà	Trưởng phòng	Đào tạo ĐH	Ủy viên
8	PGS.TS. Nguyễn Duy Tiến	Trưởng phòng	KHCN	Ủy viên
9	TS. Nguyễn Văn Hải	Trưởng phòng	CTCT và SV	Ủy viên
10	TS. Mai Nam Phong	Phó Trưởng phòng	TCCB	Ủy viên
11	TS. Vũ Đức Sỹ	Trưởng phòng	TBQT	Ủy viên
12	PGS.TS. Nguyễn Cao Ý	Trưởng Bộ môn	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Thị Vân Hà	Giảng viên	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
14	ThS. Trần Quang Bằng	Giảng viên	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
15	ThS. Đoàn Trọng Ninh	Giảng viên	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
16	ThS. Trần Thị Hồng Thúy	Chuyên viên	P. KT&ĐBCLĐT	UV - Giúp việc HĐ
17	Nguyễn Hà Giang	Sinh viên	Khóa 61	UV - Đại diện SV

Danh sách gồm có 17 người

**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC**

STT	Họ và tên	Chức danh /Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Cao Ý	Trưởng Bộ môn	BM. Quản trị kinh doanh	Trưởng ban
2	ThS. Chu Tổng Khánh Linh	Giảng viên	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
3	ThS. Trần Quang Bằng	Giảng viên	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
4	ThS. Đoàn Trọng Ninh	Giảng viên	BM. Quản trị kinh doanh	Ủy viên
5	ThS. Trần Thị Hồng Thúy	Chuyên viên	P. KT&ĐBCLĐT	Ủy viên – Giúp việc Ban TK

Danh sách gồm có 05 người.

Số: 2732 /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Nhóm hỗ trợ minh chứng thực hiện tự đánh giá các CTĐT

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 30/12/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học GTVT;

Xét Tờ trình của Phòng KT&ĐBCLĐT;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Nhóm hỗ trợ minh chứng thực hiện tự đánh giá các CTĐT, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nhóm hỗ trợ minh chứng thực hiện tự đánh giá các CTĐT có trách nhiệm hoàn thành tốt công tác được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị: TCCB, HCTH, TC-KT, TT-PC, KT&ĐBCLĐT; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Trường và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: HCTH, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



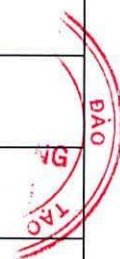
PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

DANH SÁCH

Nhóm hỗ trợ minh chứng thực hiện tự đánh giá các CTĐT

(Kèm theo Quyết định số: 2732 /QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2023)

STT	Họ và tên	Đơn vị, Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Dương Hữu Tuyến	PTP. KT&ĐBCLĐT	Trưởng nhóm
2	ThS. Ngô Thị Thanh Huyền	P. KT&ĐBCLĐT	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Quốc Huy	P. KT&ĐBCLĐT	Thành viên
4	ThS. Trần Thị Hồng Thúy	P. KT&ĐBCLĐT	Thành viên
5	ThS. Cao Thị Hồng Hạnh	P. Đào tạo SDH	Thành viên
6	TS. Nguyễn Thanh Bình	P. Đào tạo Đại học	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Thị Nga Hằng	P. HCTH	Thành viên
8	ThS. Phạm Quốc Hương	P. TCCB	Thành viên
9	CN. Bùi Quỳnh Như	P. CTCT&SV	Thành viên
10	ThS. Đặng Nguyễn Quang Huy	P. TBQT	Thành viên
11	ThS. Nguyễn Thị Mai Hương	P. KHCN	Thành viên
12	ThS. Nông Hải Châu	P. KT và ĐBCLĐT – PH	Thành viên



MỤC LỤC

MỤC LỤC	7
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	18
PHẦN I: KHÁI QUÁT	20
1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học GTVT	23
1.2.2. Các thành tích đã đạt được	24
1.2.3. Cơ cấu tổ chức	24
1.2.4. Cơ sở vật chất và nhân sự của Trường	25
1.2.5. Thành tựu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng giai đoạn 2018 - 2022	26
1.2.6. Hoạt động đảm bảo chất lượng	26
1.2.7. Giới thiệu về Khoa VTKT và Bộ môn phụ trách ngành QTKD	27
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	33
TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT	33
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	33
1. Mô tả	33
2. Điểm mạnh.....	34
3. Điểm tồn tại	34
4. Kế hoạch hành động	35
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.	35
1. Mô tả	35
2. Điểm mạnh.....	36
3. Điểm tồn tại	36
4. Kế hoạch hành động	36
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	36
1. Mô tả	36
2. Điểm mạnh.....	38

3. Điểm tồn tại	38
4. Kế hoạch hành động	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	39
TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	40
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.	40
2. Điểm mạnh.....	41
3. Điểm tồn tại	41
4. Kế hoạch hành động	41
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	42
1. Mô tả:	42
2. Điểm mạnh.....	43
3. Điểm tồn tại	43
4. Kế hoạch hành động	43
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	44
1. Mô tả	44
2. Điểm mạnh.....	45
3. Điểm tồn tại	45
4. Kế hoạch hành động	45
TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	47
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	47
1. Mô tả	47
2. Điểm mạnh.....	48
3. Điểm tồn tại	48
4. Kế hoạch hành động	48
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng. .	50
1. Mô tả	50
2. Điểm mạnh.....	51
3. Điểm tồn tại	51
4. Kế hoạch hành động	52
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	53

1. Mô tả	53
2. Điểm mạnh.....	54
3. Điểm tồn tại	54
4. Kế hoạch hành động	54
TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	56
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	
1. Mô tả	56
2. Điểm mạnh.....	57
3. Điểm tồn tại	57
4. Kế hoạch hành động	58
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn chuẩn đầu ra	
1. Mô tả	59
2. Điểm mạnh.....	60
3. Điểm tồn tại	60
4. Kế hoạch hành động	60
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	
1. Mô tả	61
2. Điểm mạnh.....	62
3. Điểm tồn tại	62
4. Kế hoạch hành động	62
TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC.....	64
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	
1. Mô tả	64
2. Điểm mạnh.....	65
3. Điểm tồn tại	65
4. Kế hoạch hành động	65
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.....	
	65

1. Mô tả	65
2. Điểm mạnh.....	66
3. Điểm tồn tại	66
4. Kế hoạch hành động	66
5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7	67
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	68
1. Mô tả	68
2. Điểm mạnh.....	68
3. Điểm tồn tại	68
4. Kế hoạch hành động	69
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập	70
1. Mô tả	70
2. Điểm mạnh.....	70
3. Điểm tồn tại	70
4. Kế hoạch hành động	70
5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)	71
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.	72
1. Mô tả	72
2. Điểm mạnh.....	72
3. Điểm tồn tại	72
4. Kế hoạch hành động	72
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....	73
TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	74
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	74
1. Mô tả	74
2. Điểm mạnh.....	75
3. Điểm tồn tại	75
4. Kế hoạch hành động	75

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	77
1. Mô tả	77
2. Điểm mạnh.....	77
3. Điểm tồn tại	77
4. Kế hoạch hành động	77
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	79
1. Mô tả	79
2. Điểm mạnh.....	79
3. Điểm tồn tại	79
4. Kế hoạch hành động	79
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.	80
1. Mô tả	80
2. Điểm mạnh.....	81
3. Điểm tồn tại	81
4. Kế hoạch hành động	81
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	81
1. Mô tả	81
2. Điểm mạnh.....	82
3. Điểm tồn tại	82
4. Kế hoạch hành động	82
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	84
1. Mô tả	84
2. Điểm mạnh.....	84
3. Điểm tồn tại	84
4. Kế hoạch hành động	85
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu	

viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	85
1. Mô tả	85
2. Điểm mạnh.....	85
3. Điểm tồn tại	85
4. Kế hoạch hành động	86
TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	88
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	
1. Mô tả	88
2. Điểm mạnh.....	88
3. Điểm tồn tại	89
4. Kế hoạch hành động	89
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	
1. Mô tả	89
2. Điểm mạnh.....	90
3. Điểm tồn tại	90
4. Kế hoạch hành động	90
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.	
1. Mô tả	90
2. Điểm mạnh.....	91
3. Điểm tồn tại	91
4. Kế hoạch hành động	91
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	
1. Mô tả	92
2. Điểm mạnh.....	92
3. Điểm tồn tại	92
4. Kế hoạch hành động	92
5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7	92
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học	

và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	93
1. Mô tả	93
2. Điểm mạnh.....	94
3. Điểm tồn tại	94
4. Kế hoạch hành động	94
5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7	94
TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	96
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	96
1. Mô tả	96
2. Điểm mạnh.....	97
3. Điểm tồn tại	97
4. Kế hoạch hành động	97
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.	98
1. Mô tả	98
2. Điểm mạnh.....	99
3. Điểm tồn tại	99
4. Kế hoạch hành động	100
5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7	100
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	101
1. Mô tả	101
2. Điểm mạnh.....	102
3. Điểm tồn tại	102
4. Kế hoạch hành động	102
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....	104
1. Mô tả	104
2. Điểm mạnh.....	107
3. Điểm tồn tại	107
4. Kế hoạch hành động	107

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	109
1. Mô tả	109
2. Điểm mạnh.....	109
3. Điểm tồn tại	110
4. Kế hoạch hành động	110
TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	112
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	112
1. Mô tả	112
2. Điểm mạnh.....	114
3. Điểm tồn tại	115
4. Kế hoạch hành động	115
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	115
1. Mô tả	115
2. Điểm mạnh.....	118
3. Điểm tồn tại	118
4. Kế hoạch hành động	118
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	119
1. Mô tả	119
2. Điểm mạnh.....	120
3. Điểm tồn tại	120
4. Kế hoạch hành động	120
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	120
1. Mô tả	120
2. Điểm mạnh.....	123
3. Điểm tồn tại	123
4. Kế hoạch hành động	123
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....	124

1. Mô tả	124
2. Điểm mạnh.....	126
3. Điểm tồn tại	126
4. Kế hoạch hành động	126
TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....	129
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đại học	
1. Mô tả	129
2. Điểm mạnh.....	129
3. Điểm tồn tại	130
4. Kế hoạch hành động	130
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến	
1. Mô tả	130
2. Điểm mạnh.....	131
3. Điểm tồn tại	131
4. Kế hoạch hành động	131
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	
1. Mô tả	132
2. Điểm mạnh.....	133
3. Điểm tồn tại	133
4. Kế hoạch hành động	133
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.	
1. Mô tả	134
2. Điểm mạnh.....	135
3. Điểm tồn tại	135
4. Kế hoạch hành động	135
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến. ...	
1. Mô tả	135
2. Điểm mạnh.....	136

3. Điểm tồn tại	136
4. Kế hoạch hành động	136
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến	137
1. Mô tả	137
2. Điểm mạnh.....	138
3. Điểm tồn tại	138
4. Kế hoạch hành động	138
TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA	140
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	140
1. Mô tả	140
2. Điểm mạnh.....	140
3. Điểm tồn tại	140
4. Kế hoạch hành động	140
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	141
1. Mô tả	141
2. Điểm mạnh.....	142
3. Điểm tồn tại	142
4. Kế hoạch hành động	142
5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7	142
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	143
1. Mô tả	143
2. Điểm mạnh.....	143
3. Điểm tồn tại	144
4. Kế hoạch hành động	144
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến chất lượng	146
1. Mô tả	146
2. Điểm mạnh.....	147
3. Điểm tồn tại	148

4. Kế hoạch hành động	148
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	149
1. Mô tả	149
2. Điểm mạnh.....	151
3. Điểm tồn tại	151
4. Kế hoạch hành động	152
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT	154
CỦ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH	154

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCN	Ban chủ nhiệm
BGH	Ban giám hiệu
CB-GV-NV	Cán bộ - Giảng viên - Nhân viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CCVC	Công chức Viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLC	Chất lượng cao
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CV	Công văn
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
ĐHGTVT	Đại học Giao thông Vận tải
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDCN	Giáo dục chuyên nghiệp
GDĐC	Giáo dục đại cương
GV	Giảng viên
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
KT&ĐBCLĐT	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo
LĐ	Lãnh đạo
MC	Minh chứng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NH	Người học
NXB	Nhà xuất bản

NV	Nhân viên
P. TH	Phòng Thực hành
P.CTCT&SV	Phòng Công tác chính trị và sinh viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPDH	Phương pháp dạy học
PVCD	Phục vụ cộng đồng
ĐTĐH	Đào tạo Đại học
KHCN	Khoa học Công nghệ
TBQT	Thiết bị Quản trị
SV	SV
TĐG	Tự đánh giá
TKB	Thời khóa biểu
TC	Tín chỉ
TCCB	Tổ chức cán bộ
THPT	Trung học phổ thông

PHẦN I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng CTĐT đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của một Trường Đại học, chất lượng của một chuyên ngành đào tạo. Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, GDĐH nói riêng trong bối cảnh của xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới ảnh hưởng sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, việc nâng cao chất lượng CTĐT ngành QTKD càng trở nên bức thiết. Việc đảm bảo chất lượng CTĐT ngành QTKD đã được Nhà trường, Khoa/Bộ môn QTKD phụ trách thường xuyên quan tâm kể từ khi ngành/chuyên ngành đào tạo được mở và tuyển sinh từ năm 1996, nhiều giải pháp đã và đang được Nhà trường, Khoa Vận tải Kinh tế, Bộ môn QTKD đưa ra nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành QTKD. Để đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT của ngành QTKD, hiệu quả của các giải pháp đã được áp dụng và triển khai trong việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, Nhà trường và Khoa Vận tải Kinh tế đã tiến hành TĐG. Công tác TĐG CTĐT đã được thực hiện theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH và ngày 28/06/2016, công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng CTĐT, Nhà trường và Khoa Vận tải Kinh tế đã chọn đội ngũ cán bộ cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động TĐG. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị cấp trường về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng trong GDĐH, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về công tác này. Hội đồng tự đánh giá ngành QTKD gồm 17 thành viên, Ban thư ký giúp việc Hội đồng gồm 05 thành viên đã được Nhà trường thành lập phục vụ cho công tác TĐG. Hội đồng TĐG và Ban thư ký gồm các cán bộ chủ chốt, có kinh nghiệm quản lý, am hiểu về GDĐH và công tác ĐBCL nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng từ Khoa, Bộ môn QTKD, các phòng ban chức năng của Nhà trường và đại diện NH.

Tự đánh giá CTĐT ngành QTKD giúp Nhà trường, Khoa/ Bộ môn QTKD tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành, có được một bức tranh toàn cảnh về CTĐT ngành QTKD một cách chân thực, toàn diện về mọi mặt hoạt động làm cơ sở để xây dựng triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT của ngành, điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn kế tiếp theo hướng tốt hơn. Tự đánh giá CTĐT ngành QTKD là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Bộ công cụ 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT) được sử dụng trong việc triển khai thực hiện TĐG CTĐT ngành QTKD. Dựa trên các tiêu chí đã được Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng TĐG đã triển khai các

các kế hoạch công việc cụ thể tiến hành TĐG, làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Công tác TĐG CTĐT ngành QTKD có sự phối hợp, tham gia tích cực của CB-GV-CNV và NH của Nhà trường và các bên liên quan ở ngoài trường.

Hội đồng TĐG CTĐT ngành QTKD được thành lập theo Quyết định số 2731 ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học GTVT gồm Ban Giám hiệu (BGH), GV Khoa Vận tải Kinh tế/Bộ môn QTKD, LĐ các phòng ban chức năng trong trường. Phòng KT&ĐBCLĐT là đơn vị thường trực về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường có nhiệm vụ tổ chức tập huấn, hướng dẫn, lên kế hoạch thực hiện; các nhóm công tác phối hợp với các đơn vị trong trường để hoàn thiện báo cáo TĐG và kèm hồ sơ minh chứng. Thông tin phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, GV, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng,...) cũng được thu thập và sử dụng, cung cấp dữ liệu cho việc thực hiện TĐG.

Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD có cấu trúc gồm 4 phần:

- Phần I. Khái quát
- Phần II. TĐG theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí
- Phần III. Kết luận
- Phần IV. Phụ lục

Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành với 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra (CDR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của NH; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ cán bộ GV và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đạt được của cả CTĐT ngành QTKD trong chu kì đánh giá.

Mỗi tiêu chí được đánh giá với hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm được mã hóa theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, công thức mã hóa minh chứng được sử dụng là: **Hn.ab.cd.ef**; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: MC.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016), đưa ra báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác phục vụ cho công tác đào tạo NCKH và chuyển giao công nghệ; Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của ngành QTKD trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để đạt được tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH, xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng uy tín trong nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành QTKD theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QTKD.

Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động TĐG CTĐT được thực hiện tại Khoa Vận tải Kinh tế, Bộ môn QTKD của Nhà trường, trong chu kỳ từ năm 2017 đến năm 2022.

Quy trình tự đánh giá: Quy trình TĐG được thực hiện theo các bước chính như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Quá trình thực hiện TĐG được thực hiện từ tháng 12/2022, theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11 bám sát *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH* của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016). Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí với các nội dung chính: 1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá. Các nhóm công tác thực hiện TĐG ngành QTKD được phân công kèm theo quyết định số 2731 ngày 30 tháng 12 năm 2022 với các tiêu chuẩn phụ trách khác nhau.

Kế hoạch thực hiện và phân công công việc được thực hiện rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng,...* Các cán bộ thực hiện và hoàn thành công việc dưới sự phân công của nhóm trưởng. Trong quá trình thực hiện, nội dung và tiến độ công việc được báo cáo thường xuyên với Ban lãnh đạo, Hội đồng

TĐG để nắm bắt tình hình và chỉ đạo công việc. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất, tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong nhóm công tác. Với sự hỗ trợ nhiệt tình từ các đơn vị của Nhà trường và tất cả các thành viên trong Hội đồng TĐG.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Dựa trên thông tin, minh chứng thu thập được từ các bên liên quan trong và ngoài trường, bản TĐG CTĐT ngành QTKD được thực hiện theo phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh, đối chiếu theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng ban, Khoa /Bộ môn, và các bên liên quan; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung về trường Đại học GTVT

Trường Đại học GTVT là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; Trường Đại học GTVT có:

SỨ MẠNG: “**Trường Đại học Giao thông vận tải** có sứ mạng đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành GTVT và đất nước”.

TẦM NHÌN: “Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực GTVT, có uy tín và chất lượng ngang tầm châu Á”.

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT: “Phát triển Trường Đại học GTVT thành trường đại học tự chủ, đa ngành theo định hướng nghiên cứu, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á”.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI: **Tiên phong – Chất lượng – Trách nhiệm – Thích ứng**

- **Tiên phong:** Luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và NCKH, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội.
- **Chất lượng:** Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín.
- **Trách nhiệm:** Đối với cán bộ, GV, NH, cộng đồng, xã hội và quốc tế.
- **Thích ứng:** Đổi mới theo điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển.

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học GTVT

Trường ĐH GTVT (ĐH GTVT) có tiền thân là trường Cao đẳng Công chính Việt Nam được khai giảng lại dưới chính quyền Cách mạng vào ngày 15 tháng 11 năm 1945 theo Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường là một trong những trường có truyền thống trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam.

Ngày 24/3/1962, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã có nghị định 42/CP về việc thành lập Trường ĐH GTVT nhằm đáp ứng cho yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 27/4/1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quyết định về việc thành lập cơ sở 2 của Trường tại Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH về GTVT của các tỉnh phía Nam. Ngày 15/7/2016, thành lập Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2419/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên nền Cơ sở II.

1.2.2. Các thành tích đã đạt được

Nhà trường là một trong những đơn vị đi đầu trong các hoạt động xã hội, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục Đào tạo, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ghi nhận những đóng góp của Trường ĐH GTVT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Đảng và nhà nước đã trao tặng Nhà trường nhiều phần thưởng cao quý như:

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (2011)
- Danh hiệu Anh hùng Lao động (2007)
- Huân chương Hồ Chí Minh (2005)
- 02 Huân chương Độc lập Hạng Nhất (2000 và 2015)
- Huân chương Độc lập Hạng Nhì (1995)
- Huân chương Độc lập Hạng Ba (1986)
- 03 Huân chương Lao động Hạng Nhất (1982, 1990, 2020)
- 02 Huân chương Lao động Hạng Nhì (1977 và 2004)
- 02 Huân chương Lao động Hạng Ba (1966 và 1999)
- Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì (1973).

1.2.3. Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào Luật giáo dục 2005 và Điều lệ trường đại học Việt Nam, Trường ĐH GTVT là trường đại học công lập, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, NCKH về các ngành kỹ thuật, công nghệ cũng như kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong ngành GTVT và các lĩnh vực có liên quan.

Bộ máy tổ chức của Trường ĐH GTVT hiện nay bao gồm Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, như sơ đồ dưới đây:

khởi hành chính và các Khoa, bộ môn, các phòng thí nghiệm, thực hành cũng được đầu tư, nâng cấp hiện đại.

Về đội ngũ, với trên 70 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, tuyển dụng giảng viên, đảm bảo tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ. Tính đến 31/12/2022, Trường ĐHGTVT có 1067 cán bộ, giảng viên, chuyên viên và nhân viên trong danh sách. Trong đó có 805 giảng viên cơ hữu (gồm 99 giáo sư và phó giáo sư, 344 tiến sĩ, 436 thạc sĩ).

1.2.5. Thành tựu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng giai đoạn 2018 -2022

Tính đến tháng 12 năm 2022, Trường đại học GTVT có 31 ngành đào tạo trình độ đại học, 23 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ với quy mô đào tạo trên 27 nghìn người học. Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một trong các hoạt động quan trọng nhất của một trường đại học. Giai đoạn vừa qua, Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong việc triển khai thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ (KHCN). Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ khoa học của giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khẳng định vị trí và uy tín của nhà trường trước xã hội. Trong giai đoạn 2018 -2022, trung bình mỗi năm trường thực hiện trên 150 nhiệm vụ KHCN các cấp với kinh phí thực hiện khoảng 20 tỷ VNĐ, số lượng các công bố khoa học cũng không ngừng tăng lên hàng năm với khoảng 450 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín.

1.2.6. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Chiến lược đảm bảo chất lượng

Trong giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến 2030, Nhà Trường đã xác định mục tiêu chiến lược phát triển, bao gồm: Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu; Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế. Để thực hiện mục tiêu đó, Nhà trường đã xác định 8 nhóm giải pháp chính, tập trung vào nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất...

Cam kết chất lượng

Trong mọi hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ, Trường Đại học GTVT cam kết: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động, với sự tham gia của các bên liên quan trong suốt quá trình đào tạo; Mang lợi ích cao nhất cho người học dựa trên sự quan tâm, tôn trọng và thấu hiểu các nguyện vọng người học; Người học là đối tượng trung tâm của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, được tạo mọi điều kiện để phát triển bản thân; Không ngừng đào tạo, phát triển đội ngũ lãnh đạo, giảng viên, nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với Nhà trường, người học và cộng đồng, có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp. Duy trì và phát triển môi trường làm việc công khai, minh bạch, bảo đảm mọi thành viên của nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình; Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác; Duy trì và liên tục cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của

quốc gia và quốc tế.

Nguyên tắc Đảm bảo chất lượng

Trong hoạt động đảm bảo chất lượng, mọi hoạt động của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường thực hiện nguyên tắc: Cá nhân, đơn vị trong toàn Trường có trách nhiệm chính về chất lượng của hoạt động, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; cùng tham gia tích cực vào hoạt động ĐBCL của Trường; Hoạt động của Trường đảm bảo phù hợp tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Trường trong từng giai đoạn; hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và nhu cầu của các bên liên quan; Hoạt động của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường phải đảm bảo tuân thủ quy trình: Lập kế hoạch – Tổ chức thực hiện - Đánh giá – Cải tiến; Đảm bảo hoạt động ĐBCL theo 2 cấp độ, cụ thể:

ĐBCL Trường: là cấp ĐBCL toàn diện, tổng thể, có tính hệ thống với mọi hoạt động của Trường: ĐBCL về tổ chức quản lý; ĐBCL về đào tạo, ĐBCL về nghiên cứu khoa học, ĐBCL về tài chính, ĐBCL về cơ sở vật chất, ĐBCL về nguồn lực và ĐBCL về kết nối và phục vụ cộng đồng.

ĐBCL chương trình đào tạo: là cấp ĐBCL cụ thể, trực tiếp, tương thích có định hướng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT.

Kiểm định chất lượng

Đối với kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, năm 2008, Trường đại học GTVT đã tự đánh giá/ đánh giá ngoài và được công nhận chất lượng bởi Hội đồng Kiểm định chất lượng quốc gia, Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Trường tiếp tục thực hiện tự đánh giá cấp trường/ kiểm định và được cấp giấy chứng nhận chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường của Bộ GD&ĐT, Việt Nam. Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá/kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng cơ sở giáo dục. Đối với kiểm định chất lượng CTĐT, từ 2016 đến nay, Nhà trường đã tiến hành kiểm định 8 CTĐT (trong đó có 5 CTĐT được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và 03 CTĐT được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của AUN-QA) và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

1.2.7. Giới thiệu về Khoa VTKT và Bộ môn phụ trách ngành QTKD

1.2.7.1. Giới thiệu về Khoa Vận tải – Kinh tế

Khoa Vận tải – Kinh tế, trực thuộc Trường ĐH GTVT, được thành lập vào tháng 11 năm 1963, với lịch sử hơn 60 năm phát triển, Khoa Vận tải – Kinh tế là một trong những trung tâm NCKH hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải. Thời gian qua các GV trong Khoa đã chủ trì và tham gia hàng chục đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ và cấp thành phố; hàng trăm đề tài cấp trường. Kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao và đã đóng góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành GTVT của đất nước.

Hiện nay, Khoa VTKT có chức năng đào tạo và NCKH trong các lĩnh vực Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Kinh tế, QTKD, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kế toán và Tài chính - ngân hàng. CTĐT đại học được thiết kế theo chuẩn 4 năm cấp bằng cử nhân. CTĐT đại học của các ngành do Khoa quản lý mới được chỉnh sửa đảm bảo tính hệ thống, có tính liên thông giữa các bậc, các hệ đào tạo và được áp dụng từ Khóa 59. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Khoa VTKT đã đào tạo hàng vạn cử nhân, hàng nghìn Thạc sĩ

(ThS), hàng chục Tiến sĩ (TS) đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước.

Về mặt số lượng: số lượng viên chức của khoa hiện nay 82 người, Trong đó có 11 người đang học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ ở nước ngoài. Như vậy, thời điểm hiện tại số lượng viên chức thực tế đang làm việc ở Hà Nội là 71 người. Cơ cấu viên chức của khoa xét về giới tính và độ tuổi như bảng 1.

Tỷ lệ GV nữ cao chiếm 57,1%; tỷ lệ GV độ tuổi từ 31 – 40 cao - 51,2%; tỷ lệ GV độ tuổi 41 – 50 thấp, tỷ lệ GV trẻ (dưới 30) thấp nhất. Cơ cấu độ tuổi của GV như trên vừa là điểm thuận lợi và cũng là điểm khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ; đồng thời đặt ra bài toán về nhân lực của khoa trong giai đoạn sau 15 đến 20 năm tới.

Bảng 1.1: Cơ cấu đội ngũ viên chức khoa VT – KT xét theo giới tính và độ

Tổng số viên chức của Khoa	Trong đó											
	Cơ cấu theo giới tính				Cơ cấu theo độ tuổi							
	<i>Nam</i>		<i>Nữ</i>		<i>Trên 50</i>		<i>41 - 50</i>		<i>31 - 40</i>		<i>Đến 30</i>	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
82	35	42,7	47	57,3	11	13,4	21	25,6	43	52,5	7	8,5

Về mặt trình độ: Số lượng GV có trình độ từ tiến sĩ trở lên đạt gần 44%. Tuy nhiên, tỷ lệ GV có trình độ cao có sự khác biệt giữa các bộ môn. Cơ cấu đội ngũ về mặt trình độ thể hiện ở bảng 2 và bảng 3.

Bảng 1.2: Cơ cấu đội ngũ viên chức khoa VT–KT xét theo trình độ chuyên môn

Tổng số viên chức của khoa	Trong đó									
	TS và TSKH				Thạc sỹ				Kỹ sư và Cử nhân	
	<i>Tổng số</i>		<i>Trong đó GS, PGS</i>		<i>Tổng số</i>		<i>Trong đó NCS</i>			
	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
82	36	43,9	11	13,4	46	56,1	10	12,2	0	0

Bảng 1.3: Cơ cấu đội ngũ viên chức khoa Vận tải – Kinh tế theo các bộ môn

TT	Các bộ môn và VPK	Tổng số viên chức	Trong đó								
			Đang ở nước ngoài	GS, PGS		Tiến sĩ		Thạc sĩ		Kỹ sư và cử nhân	
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	VT và Kinh tế ĐS	8	2	3	37,5	4	50	1	12,5	-	-
2	Vận tải ĐB và TP	9	2	2	22,2	5	55,6	2	22,2	-	-
3	Kinh tế vận tải và DL	10	-	2	20,0	1	10,0	7	70,0	-	-
4	Quản trị kinh doanh	12	2	1	8,3	4	33,3	7	58,3	-	-
5	Kinh tế BC – VT	8	1	1	12,5	2	25	5	62,5	-	-
6	QH và QL GTVT	7	2	-	-	5	71,4	2	28,6	-	-
7	Kinh tế vận tải	8	1	0	0	2	25	6	75 %	-	-
8	Cơ sở KT và QL	10	0	1	10	1	10	8	80	-	-
9	Kế toán – Kiểm toán	8	0	1	12,5	1	12,5	6	75 %	-	-
10	Văn phòng khoa	02	-	-	-	-	-	2	100	-	-
	Tổng số	82	10	11	13,4	25	30,5	46	56,1	0	0

1.2.7.2. Giới thiệu về Bộ môn Quản trị kinh doanh

Bộ môn Quản trị kinh doanh (BM QTKD) là một trong 9 bộ môn (BM) trực thuộc Khoa VTKT. Bộ môn được thành lập từ năm 1996 đào tạo kỹ sư QTKD GTVT và sau này là cử nhân QTKD. Từ năm 2010 BM có mở lớp chuyên ngành tại PH TP. Hồ Chí Minh. Ở bậc sau đại học, từ năm 2005 bắt đầu đào tạo ThS chuyên ngành QTKD. Từ năm học 2020-2021 đào tạo cử nhân QTKD Việt Anh.

Hiện nay, BM QTKD được giao nhiệm vụ đào tạo và NCKH thuộc lĩnh vực QTKD. Về đào tạo, BM được giao phụ trách đào tạo chuyên môn:

- Đào tạo đại học: Ngành QTKD bao gồm 5 chuyên ngành: QTKD GTVT, QTDN Xây dựng, QTDN Vận tải, QTKD Bưu chính viễn thông, QT Logistics từ khóa 61 trở về trước, và từ khóa 62 là đào tạo theo ngành với tên gọi ngành QTKD và chương trình chất lượng cao QTKD Việt - Anh.

- Đào tạo cao học: Ngành QTKD với 4 hướng chuyên sâu là QT Nhân lực trong DN; QT Chiến lược DN; QT Tài chính doanh nghiệp; QT Marketing.

Về NCKH, BM QTKD có nhiều công trình NCKH được công bố trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Tham gia và chủ trì nhiều đề tài NCKH các cấp và các đề tài NCKH theo đặt hàng của các cơ quan quản lý nhà nước.

Giới thiệu về BM QTKD trên website của Trường:

<https://tuyensinh.utc.edu.vn/tuyensinh.utc.edu.vn/?q=content/qu%E1%BA%A3n-tr%E1%BB%8B-kinh-doanh> và trên website của Ngành QTKD: <http://qtkd.utc.edu.vn/Gioi-thieu-365447>

Về đội ngũ: Tính đến tháng 12/2022, BM QTKD có 12 GV giảng dạy tại Hà nội và 3 GV giảng dạy tại PH TP. Hồ Chí Minh. Đội ngũ GV có trình độ cao, gồm 2 PGS.TS, 3 TS, 10

ThS trong đó có 2 ThS đang làm NCS trong nước. Đội ngũ GV được đào tạo tại các trường đại học chất lượng cao trong nước và quốc tế. Cơ sở vật chất được trang bị tốt, đảm bảo khả năng đào tạo cử nhân QTKD có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu cao của xã hội.

Về quan hệ hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước trong các hoạt động đào tạo và NCKH, BM có nhiều hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp trong nước như: Công ty cổ phần giao nhận vận tải con ong (Bee Logistics),..

Khoa VTKT, BM QTKD xác định chất lượng CTĐT ngành QTKD là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến chất lượng đào tạo của Khoa, Nhà trường. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT ngành QTKD là hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT cho phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn lực xã hội hiện nay.

Bảng 1.4: Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo:	Quản trị kinh doanh
- Chức danh tốt nghiệp:	Cử nhân
- Năm mở ngành:	Năm 1996
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	142 tín chỉ
- Thời gian đào tạo trung bình:	4 năm (8 học kỳ)
- Lần được kiểm định gần nhất:	
- Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
- Tên Khoa/Viện quản lý:	Khoa VTKT
- Tên trường:	Trường ĐH GTVT

a. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐH GTVT cũng như mục tiêu đào tạo của khoa VTKT và phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH. Mục tiêu của CTĐT là đào tạo các Cử nhân có kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực, có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược kinh doanh, tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nguồn nhân lực mà xã hội cần. Mục tiêu của ngành được đăng trên website Khoa VTKT (<https://fte.utc.edu.vn/?q=bo-mon/quan-tri-kinh-doanh/gioi-thieu>) và trên website Ngành QTKD (<http://qtkd.utc.edu.vn/ma-tran-cdr-va-muc-tieu-nam-2021>) đồng thời giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng.

Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là chuẩn đầu ra (CDR). Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đó là có kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực; có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng lập luận và giải quyết các vấn đề, kỹ năng thực nghiệm và ứng dụng tri thức, kỹ năng suy luận và tư duy cá nhân, kỹ năng giao tiếp xã hội, làm việc theo nhóm; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, làm việc theo tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và nghiêm túc.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD phản ánh được yêu cầu của GV, NH, cựu NH, nhà tuyển dụng thông qua việc lấy ý kiến phản hồi và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

b. Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành QTKD đầy đủ thông tin, cập nhật

theo quy định, được rà soát điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận (<http://qtkd.utc.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao>). Bản mô tả CTĐT giúp cho NH, nhà tuyển dụng, GV, cựu NH hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của các học phần vào CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

c. Cấu trúc và nội dung chương trình học

Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên CĐR với phương pháp giảng dạy và đánh giá NH góp phần hỗ trợ việc đạt được các CĐR. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành QTKD là rõ ràng thể hiện trong ma trận tích hợp CĐR của các học phần. Mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho NH có liên quan đến ngành QTKD. Chương trình dạy học ngành QTKD có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần.

d. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành QTKD được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học các học phần của ngành QTKD được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Phương pháp giảng dạy được thay đổi từ đọc chép khiến SV thụ động trong quá trình học sang phương pháp dạy thuyết trình kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận, làm dự án kinh doanh hoặc làm việc nhóm góp phần thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng thích ứng cũng như học tập suốt đời của NH.

e. Đánh giá kết quả học tập của NH

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành QTKD. Điểm học phần là tổng hợp của điểm quá trình (hệ số 0,3) và điểm thi kết thúc học phần (hệ số 0,7) đối với các Khoa từ K60 trở về trước. Từ K61 trở lại đây thì đã có sự chuyển đổi trong cách tính điểm học phần là tổng hợp của điểm quá trình (hệ số 0,5) và điểm thi kết thúc học phần (hệ số 0,5).

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH qua website, sổ tay NH...và NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng cho NH và kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập: quy định về thời gian chấm thi, thông báo kết quả cho NH...

f. Chất lượng đội ngũ GV

Trường ĐH GTVT đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội ngũ GV. Đội ngũ này được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ GV ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt, thường xuyên được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Đội ngũ GV ngành QTKD đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH thể hiện ở tỷ lệ NH/GV đáp ứng tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT và khối lượng công việc mà mỗi một GV đảm nhận hàng năm.

g. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), cán

bộ văn phòng Khoa VTKT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của Nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai. Đội ngũ này thường xuyên được Nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm đảm bảo chất lượng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

h. Người học và hoạt động hỗ trợ NH

Ngành QTKD tuyển sinh theo ngành với chỉ tiêu được công bố công khai và được cập nhật. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá. Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa được duy trì đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho NH.

i. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng làm việc của BM QTKD, phòng học và các phòng chức năng có liên quan được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho GV làm việc, NCKH và SV học tập, thực hành, cập nhật thông tin đào tạo.

j. Nâng cao chất lượng

Thông qua thông tin phản hồi từ phía Nhà trường, SV, cựu SV và người tuyển dụng để ngành QTKD thiết kế lại, điều chỉnh và phát triển CTĐH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của ngành QTKD. Các kết quả NCKH mang tính ứng dụng được đưa vào để cải tiến công tác dạy và học.

k. Kết quả đầu ra

Ngành QTKD có tỷ lệ buộc thôi học thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời gian thiết kế đào tạo rất cao và đa phần SV đều đi làm ngay khi ra trường ở những đơn vị đúng ngành được đào tạo. Mức độ hài lòng của người tuyển dụng, của NH, cựu SV, GV được thống kê hàng năm nhằm giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD.

Bản báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường để xin ý kiến rộng rãi toàn thể CB-GV-CNV, NH trong toàn trường. Ngoài ra, bản báo cáo TĐG này được gửi đến Cục QLCL - Bộ GD&ĐT và đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

TIÊU CHUẨN 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Căn cứ vào nhiệm vụ của Trường ĐH GTVT về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế giao thông vận tải. Năm 1996, ngành QTKD được thành lập với mục tiêu không chỉ trang bị khối kiến thức về QTKD cho SV, mà còn phát triển các CTĐT ở bậc cử nhân, thạc sĩ ngành QTKD [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. CTĐT Cử nhân ngành QTKD được xây dựng và tổ chức đào tạo từ năm 1996 theo ngành đào tạo trước đây được quy định từ khi thành lập Trường và sau này theo Thông Tư số 14/2010/TT-BGDĐT, ngành QTKD đã được Bộ GD&ĐT ra quyết định cấp mã ngành đào tạo [H1.01.01.03]. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng giúp CTĐT ngành QTKD phát triển và quảng bá hình ảnh của mình với các bên liên quan. Từ đó đến nay, ngành QTKD dưới sự chỉ đạo chung của Nhà trường đã nhiều lần xây dựng, cập nhật, rà soát CTĐT một cách hệ thống, tổng thể và toàn diện. Từ năm 2017 đến nay, có 3 điểm mốc quan trọng của Nhà trường về rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật [H1.01.01.04] và ban hành CTĐT đó là các năm 2017, 2019 và 2021 [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT Cử nhân ngành QTKD được Hiệu trưởng ban hành [H1.01.01.05], [H1.01.01.06] đã xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QTKD.

Mục tiêu chung của CTĐT ngành QTKD là đào tạo cử nhân QTKD có năng lực chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và đánh giá điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh quốc tế. Cử nhân QTKD ra trường cần có khả năng thích nghi và áp dụng các tri thức và năng lực hoạt động nghề nghiệp với trình độ chuyên môn tiên tiến để quản trị các hoạt động kinh doanh phù hợp với yêu cầu xã hội và hội nhập quốc tế, có khả năng tự học để có thể hoạt động chuyên môn liên ngành; có phẩm chất chính trị, đạo đức sức khỏe và trình độ ngoại ngữ tốt.

Mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QTKD là: Mục tiêu 1: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn trong ngành QTKD và khả năng học tập ở trình độ cao hơn. Mục tiêu 2: Có kiến thức vững chắc về ngành QTKD: hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát và đánh giá điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh quốc tế. Mục tiêu 3: Có kỹ năng cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm đủ để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia. Mục tiêu 4: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD đã được trình bày chi tiết, cụ thể hóa thành các CĐR của CTĐT [H1.01.01.05], [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT Cử nhân ngành QTKD phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường đã được công bố trong Chiến lược phát triển của trường ĐH GTVT giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030. **[H1.01.01.07]**.

So sánh mục tiêu của CTĐT với sứ mạng và tầm nhìn của Trường giai đoạn 2020-2030 cho thấy, mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường đã được công bố trong Chiến lược phát triển của Nhà trường.

Mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QTKD được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Điều 5 của Luật Giáo dục đại học. Bên cạnh các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, các quy định của Bộ GD&ĐT, cơ sở pháp lý quan trọng làm căn cứ để Ngành QTKD xây dựng mục tiêu và các CDR của CTĐT là Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu chung của CTĐT hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học được quy định tại Điều 5 Luật Giáo dục như: *“Đào tạo nhân lực”, “NCKH” nhằm “phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu”; “có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp” và “có ý thức phục vụ nhân dân”*.

Trong mục tiêu cụ thể của CTĐT đã xác định rõ việc trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận chính trị, khoa học xã hội- tự nhiên và an ninh quốc phòng; kiến thức về cơ sở ngành và chuyên sâu ngành về QTKD và phân tích kinh tế nhằm tạo cho SV có khả năng thực hành tốt kỹ năng nghề nghiệp, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và QTKD, cũng như phát triển các kỹ năng cá nhân để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tế. Đồng thời, có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, trách nhiệm và tin cậy trong công việc và có năng lực điều phối, quản lý các nguồn lực... Các mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành QTKD đã đáp ứng được các yêu cầu của mục tiêu cụ thể về giáo dục đại học được quy định tại điểm a) và b) mục 2 Điều 5 của Luật Giáo dục đại học **[H1.01.01.06]**, **[H1.01.01.08]**.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD đã cụ thể hóa và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học và các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. CTĐT liên tục được rà soát, cập nhật đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội **[H1.01.01.05]**, **[H1.01.01.06]**. Trong quá trình xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT, mục tiêu của CTĐT đã lấy ý kiến của các nhà khoa học, GV, các cán bộ quản lý, đại diện đơn vị sử dụng lao động **[H1.01.01.09]**, cũng như khảo sát các thông tin liên quan về thị trường lao động **[H1.01.01.10]**. Đồng thời, mục tiêu CTĐT Cử nhân ngành QTKD được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như qua trang thông tin điện tử của Ngành QTKD, Khoa VTKT và Trường ĐH GTVT **[H1.01.01.02]**, đề án tuyển sinh và thông tin tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt công dân đầu khóa **[H1.01.01.11]** để người học, cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT Cử nhân ngành QTKD được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học. Mục tiêu CTĐT được văn bản hóa và công khai rộng rãi, được rà soát cập nhật 2 năm một lần theo hướng đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc quản lý và thu thập thông tin phản hồi ý kiến của cựu SV, nhà tuyển

dụng và các bên liên quan, phục vụ cho xây dựng, cập nhật CTĐT còn hạn chế.

Chưa có tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu ý kiến phản hồi một cách đầy đủ về các cá nhân, tổ chức, đơn vị hiện đang là nhà tuyển dụng SV đã tốt nghiệp tại CTĐT. Tiếp tục mở rộng việc lấy ý của các nhà tuyển dụng đầy đủ và đa dạng hơn.	Ngành QTKD	Từ tháng 7 đến tháng 9/2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát triển và duy trì kết nối chặt chẽ giữa Ngành QTKD và các nhà tuyển dụng. Dự kiến tiến hành hoạt động như ngày hội việc làm, tri ân cộng đồng các doanh nghiệp, các tổ chức là các nhà tuyển dụng SV của CTĐT đã tốt nghiệp. Tiếp tục tiến hành rà soát, bổ sung, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT theo hướng đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu của các bên liên quan.	Ngành QTKD	Từ tháng 5 đến tháng 7/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả

CĐR là sự cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT Cử nhân ngành QTKD. Việc xây dựng CĐR của CTĐT thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học [H1.01.02.01]. Trước khi ban hành chính thức CĐR, Ngành QTKD đã tổ chức xin ý kiến các bên liên quan thuộc một số đơn vị có cựu SV đang làm việc [H1.01.02.02]. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Ngành QTKD hoàn thiện CĐR, trình Hiệu trưởng phê duyệt [H1.01.02.01].

CĐR của CTĐT xác định rõ ràng các mức độ đạt được của SV sau tốt nghiệp, bao gồm các năng lực về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp. CĐR cũng xác định các vị trí việc làm mà người tốt nghiệp sau khi ra trường sẽ làm việc [H1.01.02.01].

CĐR của CTĐT còn được thể hiện thông qua các CĐR của học phần thuộc CTĐT, cũng như thể hiện rõ trong ma trận kỹ năng phản ánh mối quan hệ giữa CĐR và các học phần [H1.01.02.03]. Điều này làm tăng tính khả thi của các CĐR cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR và từng học phần trong CTĐT.

Theo kế hoạch của Nhà trường và định kỳ 2 năm một lần [H1.01.02.04], Ngành QTKD đã tiến hành rà soát và cập nhật CTĐT thông qua khảo sát thông tin thị trường lao động [H1.01.02.05], tổ chức họp lấy ý kiến của các bên liên quan để thẩm định CĐR của CTĐT ngành QTKD [H1.01.02.06]. Đồng thời, CĐR của CTĐT Cử nhân ngành QTKD được công bố rộng rãi đến CBQL, GV, người học, nhà sử dụng lao động thông qua: Website của Ngành QTKD, Khoa VTKT, Website của Trường [H1.01.02.07], [H1.01.02.08], thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến về CĐR và CTĐT [H1.01.02.09]. Riêng đối với CĐR ngoại ngữ và tin học Nhà trường có ban hành các CĐR chung và áp dụng CĐR ra này cho tất cả các SV toàn trường, trong đó có SV ngành QTKD [H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

CĐR ngành QTKD được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT ngành QTKD mới có phiên bản tiếng Việt, chưa có phiên bản tiếng Anh. Điều này làm giảm khả năng tiếp cận của các SV quốc tế đối với CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phiên bản CĐR và CTĐT bằng tiếng Anh nhằm thu hút các học viên quốc tế đăng ký học tại CTĐT	Ngành QTKD	Từ tháng 7 đến tháng 9/2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CĐR của CTĐT theo hướng quốc tế hóa.	Ngành QTKD	Từ tháng 7 đến tháng 9/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và thị trường lao động, trước hết, Ngành QTKD đã thực hiện một số khảo sát thông tin thị trường dựa trên một số nghiên cứu về thị trường lao động trong nước và quốc tế trước yêu cầu của thời đại công nghệ 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế. Các phân tích trong nước cho thấy, nguồn nhân lực chất lượng cao về QTKD đang được các hãng công nghệ tìm kiếm, tuy nhiên, trên thị trường vẫn có hiện tượng vừa “khát” và “thừa nhân lực chất lượng cao”. Đồng thời, dựa trên khảo sát của Trung tâm Giáo dục Toàn cầu tại Viện Brookings đối với 92 quốc gia trên thế giới tổng kết, trong thế kỷ 21, ngoài yêu cầu về nhóm kỹ năng liên quan đến yêu cầu về công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để đáp ứng cánh mạng công nghiệp 4.0 thì các nhóm kiến thức sau đây cũng đóng vai trò hết sức quan trọng đó là nhóm các kỹ năng như: nhóm tư duy gồm sức sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, và khả năng tự học suốt đời; nhóm kỹ năng làm việc như: khả năng giao tiếp và hợp tác làm việc theo nhóm; và nhóm cuối cùng là kỹ năng sống (thích nghi) trong xã hội toàn cầu, bao gồm vấn đề ý thức công dân, cuộc sống và sự nghiệp, trách nhiệm cá nhân và xã hội, gồm cả vấn đề hiểu biết tính đa dạng văn hóa **[H1.01.03.01]**. Đây là những thông tin tốt giúp Ngành QTKD có chiến lược điều chỉnh CTĐT và CDR cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Khi cập nhật, cải tiến CDR và CTĐT, Ngành QTKD thực hiện theo đúng các bước của Quy trình xây dựng CDR và CTĐT theo hướng dẫn của Nhà trường **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**, **[H1.01.03.05]** và Quy định của Bộ GD&ĐT, Ngành QTKD đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan như cán bộ quản lý, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục hệ thống CDR và cấu trúc CTĐT. Việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng được Ngành QTKD triển khai bằng nhiều hình thức như: khảo sát online, trao đổi, qua các đợt liên hệ cho SV đi kiến tập, thực tập, ... Đây là những ý kiến được Ngành QTKD tham khảo để điều chỉnh CDR trong các CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng, tăng cơ hội việc làm cho SV tốt nghiệp **[H1.01.03.06]**, **[H1.01.03.07]**, **[H1.01.03.08]**.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Ngành QTKD đã cập nhật, cải tiến CDR của CTĐT. Bởi vậy, CDR của CTĐT được ban hành năm 2021 đã thể hiện một cách rõ ràng hơn và cụ thể hơn so với các CDR của CTĐT được ban hành năm 2017 và các năm trước đó **[H1.01.03.09]**.

Việc rà soát, điều chỉnh CDR và nâng cao chất lượng CTĐT Cử nhân ngành QTKD được thực hiện định kỳ 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường **[H1.01.03.02]**, **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.04]**, **[H1.01.03.05]** và có thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan để có những hiệu chỉnh phù hợp. Từ năm 2017 đến nay, có 3 điểm mốc quan trọng của Nhà trường về rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật CTĐT đó là các năm 2017, 2019 và 2021 **[H1.01.03.09]**, **[H1.01.03.10]**. Đặc biệt, sau mỗi đợt kiểm định CLGD Trường, Nhà trường đã đẩy mạnh công tác rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT. Cụ thể:

+ Bộ CTĐT 2017 được tiếp tục rà soát và cập nhật lần đầu với các Quy định về chuẩn đầu ra của các ngành theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT **[H1.01.03.03]**, **[H1.01.03.10]**, **[H1.01.03.11]**. Tuy nhiên, vào thời điểm đó CDR và CTĐT chủ yếu được rà soát và hoàn chỉnh về mặt kỹ thuật, việc lấy ý kiến các bên liên quan để chỉnh sửa CDR và CTĐT còn hạn chế chủ yếu được thực hiện thông qua lấy ý kiến của một số chuyên gia, nhà tuyển dụng và GV trong Ngành QTKD **[H1.01.03.07]**.

+ Bộ CTĐT 2019 tiếp tục được rà soát bổ sung các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành đào tạo theo quy định của TT 22/2017/TT-BGDĐT và hoàn thiện tổ

chức đào tạo theo danh mục giáo dục đào tạo cấp IV của TT 24/2017/TT-BGDĐT [H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.10]. Đây là Bộ CTĐT tương đối hoàn chỉnh và toàn diện so với các phiên bản của các năm trước. Bởi việc rà soát, xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT đã được tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan rộng hơn và bằng nhiều hình thức hơn [H1.01.03.06].

CĐR và CTĐT Cử nhân ngành QTKD sau khi điều chỉnh đã được Hội đồng Ngành QTKD thông qua, trình Hiệu trưởng ra quyết định ban hành và được công bố công khai trên nhiều phương tiện khác nhau như trên Website của Trường, của Ngành QTKD [H1.01.03.12], [H1.01.03.13], trong tài liệu sổ tay SV đầu khoá trường ĐH GTVT [H1.01.03.14], cũng như qua các buổi họp về xây dựng CĐR của CTĐT [H1.01.03.15] để các bên liên quan được biết (<https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuan-dau-ra> ; <http://qtkd.utc.edu.vn/1586885240>).

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT Cử nhân ngành QTKD được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Ngành QTKD đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sâu về nhu cầu của thị trường lao động đối với NH tốt nghiệp CTĐT để làm căn cứ điều chỉnh CĐR và CTĐT đáp ứng linh hoạt hơn nữa nhu cầu nhân lực của thị trường và các bên liên quan.	Ngành QTKD	Từ tháng 7 đến tháng 9/2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm phát huy, duy trì và phát triển các kênh thu thập ý kiến phản hồi và công bố công khai CĐR và CTĐT cho các bên liên quan.	Ngành QTKD	Từ tháng 7 đến tháng 9/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Mục tiêu CTĐT Cử nhân ngành QTKD được xây dựng phù hợp với tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học. Mục tiêu CTĐT được văn bản hóa và thông báo rộng rãi.

CĐR ngành QTKD được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

CĐR của CTĐT Cử nhân ngành QTKD được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện định kỳ theo quy định của Trường, trong đó có tiếp thu các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Việc quản lý và thu thập thông tin phản hồi ý kiến của cựu SV, nhà truyền dựng và các bên liên quan, phục vụ cho xây dựng, cập nhật CTĐT còn hạn chế. CĐR của CTĐT mới có phiên bản tiếng Việt, chưa có phiên bản tiếng Anh. Điều này làm giảm khả năng tiếp cận của các SV quốc tế đối với CTĐT.

Ngành QTKD đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng hiệu quả còn hạn chế.

TIÊU CHUẨN 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT Cử nhân ngành QTKD phiên bản năm 2017, năm 2019 và đặc biệt là năm 2021 cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng cho người học và các đối tượng quan tâm, làm cơ sở cho sự lựa chọn về ngành học, nội dung của Bản mô tả CTĐT có cấu trúc gồm 3 phần: Phần thứ nhất là thông tin chung về CTĐT: tên CSGD, tên văn bằng, tên CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, thời gian đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp. Phần hai gồm: mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, cấu trúc của CTĐT, tiến trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của CTĐT và phần cuối cùng là phần hướng dẫn thực hiện [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Sự khác biệt giữa ba phiên bản năm 2017, 2019 và 2021 nằm ở những thay đổi nội hàm trong từng nội dung trong khi cấu trúc vẫn được đảm bảo. Các thông tin này được trình bày theo một tuần tự logic và rõ ràng giúp cho người đọc hiểu được những vấn đề cốt lõi của một quá trình đào tạo từ mục tiêu tổng quát đến chi tiết, từ CDR mong muốn đến nội dung chương trình và cấu trúc chương trình đáp ứng CDR, từ yêu cầu đối với người học đến cam kết về cơ sở vật chất và đội ngũ GV, cán bộ hỗ trợ [H2.02.01.01], [H2.02.01.03], [H2.02.01.04].

Ngoài ra, các bản mô tả của CTĐT Cử nhân ngành QTKD đã được trình bày một phần bằng song ngữ Việt - Anh ở mục kế hoạch giảng dạy đối với tên các học phần trong CTĐT, đây là các thông tin quan trọng để nhằm giúp các SV nước ngoài cũng có thể nắm được nội dung chính của CTĐT Cử nhân ngành QTKD [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT Cử nhân ngành QTKD theo định kỳ hai năm rà soát và điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới chuyên sâu về QTKD. Hoạt động cập nhật, rà soát được thực hiện định kỳ theo quy định của Nhà trường [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07], [H2.02.01.08]. So sánh với bản mô tả CTĐT Cử nhân ngành QTKD phiên bản năm 2017, năm 2019, phiên bản năm 2021 cho thấy những thay đổi đáng kể. Trong khi phiên bản năm 2017, năm 2019, những thông tin về mục tiêu, CDR đã chi tiết nhưng chưa cụ thể thì phiên bản 2021 đã được thiết kế dựa theo thang năng lực Bloom cho kiến thức, thang năng lực Dave cho kỹ năng và thang năng lực Krathwohl cho đạo đức và trách nhiệm để cung cấp thông tin ở mức chi tiết theo chuẩn mực tới người học. Phiên bản 2021 còn thể hiện một bước tiến đáng kể khi cung cấp ma trận kỹ năng mô tả mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với các học phần [H2.02.01.02].

Ngoài ra, Bản Mô tả CTĐT phiên bản năm 2021 có bổ sung thông tin về đối sánh với CTĐT của các CTĐT trong nước và quốc tế [H2.02.01.09].

Bảng mô tả CTĐT của Ngành QTKD được tiến hành đối sánh với bảng mô tả CTĐT của một số ngành tương ứng ở trong và ngoài nước. Mục tiêu của Ngành QTKD là hoàn thiện hơn nữa bản mô tả CTĐT dựa trên ưu điểm của chương trình đào tạo khác [H2.02.01.09]. Nhìn chung, bản mô tả CTĐT của Ngành QTKD thiết kế chi tiết, rõ ràng, và dựa theo các chuẩn mực hơn so với các CTĐT khác. Tuy nhiên, bản mô tả các CTĐT khác cũng có những ưu điểm mà Ngành QTKD của trường ĐH GTVT cần tiếp thu để hoàn thiện bản mô tả CTĐT trong thời gian tiếp theo. Cụ thể, Ngành QTKD cũng có thể thiết kế các đường link website để truy cập trực tiếp tới

thông tin chi tiết của môn học như giáo trình, nội dung giảng dạy, GV... Điều này sẽ giúp người học dễ dàng hơn trong việc tiếp cận thông tin để hiểu rõ hơn nội dung các môn học trong CTĐT.

Ngành QTKD đã căn cứ vào mục tiêu đào tạo, CDR để điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường kiến thức thực hành và chuyên môn cho SV thông qua bổ sung thêm các môn học tự chọn và chuyên sâu, hoặc sắp xếp lại trật tự các môn học cho đúng logic và khả năng thực hiện của các bộ môn [H2.02.01.01], [H2.02.01.03]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, bổ sung và cập nhật CTĐT, Ngành QTKD đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT và CDR của CTĐT [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

Khi CTĐT có thay đổi, cập nhật thì bản mô tả CTĐT cũng được cập nhật theo [H2.02.01.10], [H2.02.01.11]. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT, nội dung văn bản này được Nhà trường đăng tải trên Website của Trường và của Ngành QTKD, được cập nhật trong các tài liệu quảng bá tuyển sinh, Những điều SV ĐHGTVT cần biết và phổ biến trong tuần lễ sinh hoạt công dân đầu 4 khoá của tân SV [H2.02.01.12], [H2.02.01.13], [H2.02.01.14], [H2.02.01.15].

2. Điểm mạnh

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT Cử nhân Ngành QTKD đầy đủ, tường minh và cập nhật và công khai, qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT. Nội dung CTĐT định kỳ được rà soát, cập nhật và bổ sung và đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chưa có phiên bản hoàn toàn bằng tiếng Anh, bởi vậy SV quốc tế có thể bị hạn chế trong việc tiếp cận được đầy đủ những thông tin của CTĐT. Việc cập nhật Bản mô tả CTĐT trên trang thông tin điện tử đôi khi còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	CTĐT chưa có phiên bản hoàn toàn bằng tiếng Anh để đối tác nước ngoài và SV quốc tế tiếp cận.	Cán bộ phụ trách web cấp 2 của Ngành QTKD và Trường	Từ tháng 7/2023-12/2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung cập nhật các môn mới. Bản mô tả có thể cung cấp thêm link trực tiếp cho từng môn học nhằm hỗ trợ người học tiếp cận dễ dàng và có được đầy đủ thông tin. Tiếp tục rà soát để cập nhật những thay đổi của các CTĐT trong và ngoài nước để	Ngành QTKD	Từ tháng 7/2023-12/2023	

		xác định hướng thay đổi và chuẩn bị nội dung để thực hiện cập nhật cho bản mô tả CTĐT năm 2023. Đồng thời, hoàn thiện các môn học dựa theo những cập nhật mới nhất về các môn học của các chương trình đào tạo của các nước tiên tiến trên thế giới			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả:

Đối với các ĐCCT học phần trong CTĐT đã được phê duyệt, trường ĐH GTVT có quy định về cấu trúc cơ bản gồm: Mục tiêu; CĐR; Nội dung; Vai trò của học phần đối với CTĐT; Kết nối học phần với CĐR; Hoạt động dạy-học và phương pháp kiểm tra, đánh giá [H2.02.02.01].

Theo đó, tất cả các ĐCCT học phần trong CTĐT có đầy đủ các thông tin sau:

(1) tên học phần; (2) mã học phần; (3) số tín chỉ; (4) các học phần tiên quyết; (5) thông tin đơn vị/GV (6) mô tả tóm tắt nội dung học phần; (7) mục tiêu của học phần; (8) CĐR của học phần; (9) phương pháp dạy và học; (10) phương pháp đánh giá (11) nội dung chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy; (12) ma trận liên kết nội dung chương mục với các CĐR; (13) tài liệu chính và tài liệu tham khảo của học phần và các yêu cầu của học phần. Từng mục tiêu trong ĐCCT học phần cần chỉ rõ mục tiêu đó tương ứng với CĐR nào của CTĐT và ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR của học phần. Phương pháp kiểm tra, đánh giá bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần, cấu trúc đề thi của các học phần được thể hiện rõ trong đề cương, qua đó, người học biết được chính xác các yêu cầu, nắm được cụ thể hình thức, tính chất, mục đích kiểm tra, thời lượng kiểm tra và các trọng số của từng hình thức kiểm tra [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04], [H2.02.02.05]. Phương pháp dạy-học được thiết kế cho CTĐT ngành nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ tự chủ tự chịu trách nhiệm. Để SV tốt nghiệp có thể đạt được CĐR, CTĐT của Ngành QTKD đã tích hợp đa dạng các phương pháp và hình thức giảng dạy và học tập khác nhau: chiến lược dạy học trực tiếp (thuyết giảng và câu hỏi gợi mở); chiến lược dạy học tương tác/hợp tác (bài tập nhóm và thuyết trình); chiến lược dạy kỹ năng tư duy (nghiên cứu tình huống); chiến lược tự học (nghiên cứu bài học, tài liệu; bài tập cá nhân và học theo dự án) và chiến lược dạy học dựa vào hoạt động (thảo luận, thực tập, đi thực tế) [H2.02.02.03]. Đồng thời, bản cập nhật mới nhất các ĐCCT học phần của CTĐT ban hành năm 2021 đã được công bố trên Website của Trường và của Ngành QTKD. Bên cạnh đó, SV có thể thông qua tài khoản cá nhân được Nhà trường cấp để đăng tiếp cận được toàn bộ ĐCCT học phần [H2.02.02.06], [H2.02.02.07], [H2.02.02.08].

Việc cập nhật các ĐCCT của CTĐT ngành QTKD được tiến hành thường xuyên, nhất là các thông tin về nội dung học phần, danh mục tài liệu học tập. Đồng

thời, theo định kỳ 2 năm/1 lần, Nhà trường đều có Công văn hướng dẫn rà soát, bổ sung/cập nhật và điều chỉnh ĐCCT các học phần [H2.02.02.01], [H2.02.02.09], [H2.02.02.10], [H2.02.02.11]. Hơn nữa, Ngành QTKD cũng tiến hành tổ chức khảo sát công khai với các bên liên quan để lấy ý kiến đánh giá phục vụ cho quá trình cập nhật cho ĐCCT [H2.02.02.12]. ĐCCT học phần là bản mô tả quá trình giảng dạy và đóng vai trò quan trọng giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. CDR chi tiết của từng học phần luôn gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Các ĐCCT học phần đảm bảo thể hiện được CDR của môn học, PPGD để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp kiểm tra, đánh giá để đánh giá mức độ đạt CDR của học phần. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, Ngành QTKD đã tổ chức họp Hội đồng khoa học Ngành về việc xây dựng đề cương các học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu do Ngành quản lý theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Nhà trường, trong đó có khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các GV có kinh nghiệm [H2.02.02.13], [H2.02.02.14].

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã 3 lần rà soát và cập nhật các ĐCCT theo hướng cập nhật nội dung mới, đổi mới phương pháp giảng dạy và cách đánh giá nhằm tăng hiệu quả của quá trình dạy và học. Hơn nữa, sau khi Trường Đại học GTVT được cấp *chứng nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành*, Nhà trường đã đẩy mạnh công tác hướng dẫn các đơn vị tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện ĐCCT theo hướng đảm bảo các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục. [H2.02.02.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.04].

Trong học kỳ I năm học 2022-2023, CTĐT đã tiếp tục triển khai rà soát, đánh giá hệ thống môn học, học phần đại học chính chính quy và hệ thống giáo trình học liệu theo kế hoạch nhằm tiếp tục hoàn thiện các nội dung ĐCCT học phần và triển khai viết các học liệu của môn học và học phần còn thiếu [H2.02.02.15], [H2.02.02.16].

2. Điểm mạnh

Các ĐCCT các học phần đầy đủ thông tin và được rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ theo đúng kế hoạch của Nhà trường. CDR của học phần đã được rà soát để đảm bảo CDR của học phần đáp ứng được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan cơ bản là đề cập đến nội dung rà soát, cập nhật CTĐT và CDR. Các ý kiến góp ý từ phía nhà tuyển dụng về nội dung của các ĐCCT học phần còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng thêm các kênh tiếp nhận ý kiến đóng góp của các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng trong quá trình cập nhật, chỉnh sửa ĐCCT các học phần. Nội dung thu thập cũng cần đầy đủ và đa dạng để có được nhiều thông tin hơn.	Ngành QTKD và tổ công tác do Ngành QTKD thành lập	Học kỳ II năm học 2022 – 2023 và năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần trong CTĐT theo hướng khuyến khích gia tăng tính thực tiễn của học phần, đáp ứng với yêu cầu giảng dạy trong bối cảnh mới. Tiến hành rà soát và hiệu chỉnh bảng hỏi để thực hiện các khảo sát từ các bên liên quan.	Ngành QTKD và tổ công tác do Ngành QTKD thành lập	Học kỳ II năm học 2022 – 2023 và năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT và tất cả các ĐCCT học phần trong CTĐT sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành chính thức [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03] đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau đến GV, SV, cơ quan chủ quản, nhà tuyển dụng và các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên Website của Trường, Website của Khoa, Website của Ngành QTKD (<http://qtkd.utc.edu.vn/de-cuong-chi-tiet-hoc-phan-nam-2021>) [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], các tài liệu tư vấn tuyển sinh, trong buổi gặp mặt SV đầu khoá học [H2.02.03.06], [H2.02.03.07], [H2.02.03.08].

Việc công bố công khai và rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau như trên đã giúp GV, SV, cơ quan chủ quản, nhà tuyển dụng và các bên liên quan...đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất, cụ thể:

+ *Học sinh THPT và phụ huynh* có thể tham khảo Bản mô tả CTĐT, thông tin học phần qua các tài liệu quảng bá tuyển sinh, tài liệu giới thiệu thông tin tuyển sinh và trên Website để định hướng lựa chọn ngành học và nghề nghiệp đúng đắn [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

+ *Người học (SV)* có được những thông tin hữu ích trong học tập, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Trong suốt quá trình học, thông qua CVHT, cẩm nang SV, SV luôn được hướng dẫn và tiếp cận đầy đủ thông tin về học phần trước khi đăng ký môn học, nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học [H2.02.03.02], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]. Ngay từ buổi học đầu tiên, tất cả GV phải phổ biến ĐCCT học phần đến SV trong lớp học

[H2.02.03.03]. Như vậy, việc công khai bằng nhiều hình thức khác nhau sẽ giúp người học có nhiều kênh khác nhau để tiếp cận nội dung của từng học phần thông qua ĐCCT học phần.

+ GV (GV) chuẩn bị kế hoạch giảng dạy, nắm được nội dung giảng dạy của các môn học mình phụ trách và các học phần khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần. Đầu mỗi học kỳ, Ngành QTKD gửi đến từng GV Bộ CTĐT và ĐCCT học phần bản cập nhật mới nhất **[H2.02.03.01], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05]**. Bản mô tả chương trình CTĐT và các ĐCCT định kỳ được điều chỉnh dựa trên ý kiến phản biện của các chuyên gia trong và ngoài Trường, từ việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối. Ngành QTKD cũng tổ chức khảo sát để lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần **[H2.02.03.09]**. Đây là một kênh để phổ biến nội dung của Bản mô tả CTĐT và ĐCCT trong CTĐT tới các bên liên quan. Các bên liên quan khác như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu người học... đều có thể tiếp cận với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT một cách dễ dàng và rất thuận tiện bằng nhiều hình thức như truy cập vào Website của UTC mục Ba công khai (<https://www.utc.edu.vn/bao-cai-ba-cong-khai-nam-hoc-2019-2020>) hoặc Website cấp 2 của Phòng ĐTDH (<https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao>) và Ngành QTKD (<http://qtkd.utc.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao>) **[H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.08]**.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và tất cả ĐCCT học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và nhà tuyển dụng trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp giữa Khoa và đơn vị quản lý website chưa tốt, bởi vậy đôi khi Bản mô tả CTĐT hoặc các ĐCCT được chỉnh sửa, cập nhật nhưng lại chậm được cập nhật trên Website.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy nhanh việc cập nhật những thay đổi về CTĐT và các ĐCCT học phần lên Website.	Ngành QTKD, Phòng ĐTDH, Bộ phận truyền thông của trường	Kỳ I Năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh việc công khai và quảng bá bản mô tả CTĐT và ĐCCT. Đa dạng hóa các kênh quảng bá mới nhằm phổ biến thông tin hiệu quả hơn. Ngành QTKD sẽ đẩy mạnh hơn nữa quá trình phối hợp và làm việc nhiều hơn với các bên liên quan, các đơn vị quản lý để đảm bảo quá trình thay đổi và cập nhật thông tin được kịp thời.	Ngành QTKD, Phòng ĐTDH, Bộ phận truyền thông của trường	Học kỳ I năm học 2023-2024	
---	--------------------	--	---	----------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT Cử nhân Ngành QTKD là đầy đủ và tường minh qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT. Nội dung CTĐT định kỳ được rà soát, cập nhật và bổ sung và đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế.

Các ĐCCT các học phần đầy đủ thông tin và được rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ theo đúng kế hoạch của Nhà trường. CĐR của học phần đã được rà soát để đảm bảo chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng được CĐR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và nhà tuyển dụng trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

CTĐT chưa có phiên bản đầy đủ bằng tiếng Anh, bởi vậy SV quốc tế có ý định theo học tại trường khó tiếp cận được những thông tin của CTĐT. Việc cập nhật Bản mô tả CTĐT trên trang thông tin điện tử đôi khi còn chậm.

Việc lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan cơ bản là đề cập đến nội dung rà soát, cập nhật CTĐT và CĐR. Các ý kiến góp ý từ phía nhà tuyển dụng về nội dung của các ĐCCT học phần còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa Ngành QTKD và đơn vị quản lý Website chưa tốt, bởi vậy đôi khi Bản mô tả CTĐT hoặc các ĐCCT được chỉnh sửa, cập nhật nhưng lại chậm được cập nhật trên Website.

TIÊU CHUẨN 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Căn cứ vào các CĐR, Ngành QTKD đã thiết kế, xây dựng CTĐH: xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT; xây dựng CTĐH đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp. CTĐH được thiết kế tuân thủ đúng theo hướng dẫn của Nhà trường ban hành **[H3.03.01.01]**. Sự phù hợp của các môn học trong Chương trình với các CĐR được thể hiện ở Ma trận kỹ năng **[H3.03.01.02]**, **[H3.03.01.03]**.

Tất cả các học phần trong CTĐH Cử nhân Ngành QTKD được thiết kế dựa trên CĐR, đã xác định rõ kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ và chịu trách nhiệm của người học cần thiết để đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Trong ĐCCT các học phần, mục tiêu học phần và CĐR tương ứng với CTĐT đều được xác định rõ **[H3.03.01.03]**, **[H3.03.01.04]**. Để hoàn thành CTĐT SV cần tích lũy đủ 140 tín chỉ, trong đó bao gồm 38 TC kiến thức giáo dục đại cương, 68 TC kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành, 34 TC kiến thức chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC) nhằm trang bị cho SV những kỹ năng tổng quát. Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (GDCN) giúp cho SV đáp ứng được các CĐR của CTĐT hướng tới mục tiêu đào tạo những SV ra trường có đủ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cơ bản và kỹ năng mềm để làm việc tại các doanh nghiệp kinh doanh thuộc các hình thức pháp lý và sở hữu trong và ngoài nước.

Tất cả CĐR trong CTĐT được đáp ứng 100% bởi các học phần trong các khối kiến thức. Để đảm bảo sự gắn kết giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất, các học phần được bố trí qua 8 học kỳ, sắp xếp các môn học có kiến thức phát triển theo thang năng lực trong đó có lưu ý đến các học phần học trước, học phần song hành; đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, thể hiện được tính hệ thống của các học phần, tính linh hoạt còn được thể hiện qua sự lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp của người học. Điều này được thể hiện trong kế hoạch dạy học và Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của CTĐT QTKD **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**. Trong quá trình xây dựng, rà soát CTĐH, CĐR và ĐCCT học phần, góp ý và phản hồi của tất cả chủ thể liên quan đều được tham khảo, tiếp thu, cụ thể là: nhà sử dụng lao động, GV, người học, cựu người học **[H3.03.01.07]**. Ý kiến đóng góp các bên liên quan được thảo luận tại các cuộc họp chuyên môn cấp Bộ môn và cấp Ngành. Việc biên soạn ĐCCT các học phần được thực hiện bởi các GV giảng dạy trực tiếp các học phần trong chương trình đào tạo chuyên ngành QTKD **[H3.03.01.08]**.

Hoạt động dạy-học được thiết kế cho CTĐH nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ tự chịu trách nhiệm. **[H3.03.01.02]**, **[H3.03.01.03]**.

Phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy của CTĐT ngành QTKD giúp SV có thể vận dụng tốt kiến thức được học, phân tích những vấn đề QTKD trong thực tiễn bối cảnh doanh nghiệp.

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV ngành QTKD được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐH GTVT **[H3.03.01.09]**, **[H3.03.01.10]**.

Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm, phạm vi kiểm tra và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần, trong đó: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%); điểm kiểm tra giữa kỳ tùy thuộc vào đặc thù của mỗi học phần được thiết kế (40%) có thể là điểm bài kiểm tra cá nhân, điểm thảo luận/thuyết trình/trình bày nhóm; điểm thi hết học phần (50%) **[H3.03.01.04]**.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, đề án môn học, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần. Nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết xung đột, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng lập kế hoạch công việc, kỹ năng quản lý thời gian v.v... **[H3.03.01.04]**.

2. Điểm mạnh

CTĐH Cử nhân ngành QTKD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, Ngành QTKD đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý.

3. Điểm tồn tại

Các học phần được dạy theo phương pháp phân tích tình huống và áp dụng hình thức đánh giá SV dựa vào bài thuyết trình cá nhân/nhóm còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát tất cả các ĐCCT học phần và điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học. Khuyến khích các học phần giảng dạy theo phương pháp phân tích tình huống và đánh giá người học dựa vào bài thuyết trình cá nhân/nhóm.	Hội đồng ngành QTKD	Kỳ I Năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức trao đổi kinh nghiệm giữa các GV trong Ngành về phương pháp giảng dạy tích cực để nâng cao hơn nữa mức độ đáp ứng các CĐR của các học phần trong CTĐT	Ngành QTKD	Kỳ I Năm học 2023-2024	
---	--------------------	---	------------	---------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

Toàn bộ các học phần trong CTĐH Cử nhân Ngành QTKD đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của chương trình. CĐR và CTĐT được ban hành theo quyết định của Trường [H3.03.02.01]. CTĐH Cử nhân Ngành QTKD được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành đến ngành và chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao [H3.03.02.02].

Mỗi học phần đều được xây dựng ĐCCT và đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, nó cũng phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐH Cử nhân Ngành QTKD. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi CĐR đều được thiết kế gắn với các học phần tương ứng nhằm đạt được CĐR đó. Sự gắn kết giữa CĐR của mỗi học phần với CĐR của CTĐH được thể hiện rõ thông qua Ma trận kỹ năng và chi tiết hóa trong đề cương các học phần [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của SV với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học, cũng như tăng theo mức độ chuyên sâu của học phần. 100% đề cương chi tiết đều xác định rõ ràng mục tiêu, CĐR của học phần và xác định mức độ đóng góp của học phần để đạt được CĐR của CTĐT thông qua Ma trận CĐR của học phần với CĐR CTĐT [H3.03.02.02]. Trước khi công bố chính thức, từng ĐCCT được góp ý chi tiết tại Bộ môn và thông qua Hội đồng Ngành QTKD [H3.03.02.04], sau đó trình Hiệu trưởng phê duyệt [H3.03.02.05].

Các học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Đồng thời, cung cấp kiến thức cơ bản cho quá trình học tập và tiếp thu các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, các học phần cơ sở ngành là nền tảng cho các học phần chuyên ngành và kiến thức chuyên sâu. Các học phần ở những học kỳ trước đóng vai trò làm nền tảng cho các học phần ở học kỳ sau. Đề án chuyên sâu và chuyên đề thực tập tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết theo mức độ tăng dần giúp người học không chỉ được trang bị nền tảng kiến thức vững chắc mà còn có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT [H3.03.02.06], [H3.03.02.07], [H3.03.02.08]. Phần nội dung và mục tiêu của ĐCCT học phần nêu rõ học phần đó đóng góp gì về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học để đạt được CĐR. Ma trận kỹ năng cũng đã chỉ ra một cách cụ thể từng học phần trong CTĐH góp phần đáp ứng những chuẩn đầu ra của CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Toàn bộ các học phần trong CTĐH Cử nhân Ngành QTKD được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Từng học phần của CTĐH Cử nhân Ngành QTKD đều có ĐCCT học phần, trong đó có thiết kế hoạt động dạy và học cũng như các hình thức kiểm tra, thi được thể hiện cụ thể và được GV công bố trực tiếp ở buổi đầu tiên của lớp học. Hơn nữa, khi xây dựng ĐCCT, Ngành QTKD đảm bảo đề cương có mục tiêu và CĐR rõ ràng, tương ứng với CĐR nào của CTĐH Cử nhân Ngành QTKD; mỗi bài/chương phải đáp ứng CĐR nào của học phần [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. Việc đánh giá SV được thực hiện bằng nhiều phương

pháp nhằm mục đích đạt được CĐR của CTĐH. Cụ thể, ở mỗi học phần điểm đánh giá SV được thực hiện thông qua 2 thành phần: đánh giá quá trình và thi kết thúc học phần. Để đánh giá quá trình học tập, ĐCCT quy định các thành phần khác nhau tùy học phần như: Tham gia lớp học của SV, Làm bài tập nhóm, Thuyết trình, Kiểm tra cá nhân. Thi kết thúc học phần, hình thức trắc nghiệm thường được áp dụng với những học phần cung cấp kiến thức đại cương, hình thức tự luận được áp dụng với những học phần đòi hỏi kỹ năng phân tích và khả năng vận dụng thực tế [H3.03.02.09], [H3.03.02.10], [H3.03.02.11]. Trọng số của thi kết thúc học phần trong điểm tổng kết chung được xác định ở mức 50% trở lên đối với các học phần, nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc đánh giá kết quả học tập của người học [H3.03.02.01], [H3.03.02.03]. Dựa trên các tiêu chí đánh giá SV được quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, quy định đào tạo của Nhà trường, Ngành QTKD đã chi tiết hoá thành văn bản hướng dẫn về Báo cáo thực tập tổng hợp, Chuyên đề thực tập tốt nghiệp cũng như phương pháp đánh giá cụ thể nhằm đảm bảo đạt được CĐR của NH [H3.03.02.05].

Ngoài việc nội dung từng các học phần trong CTĐH Cử nhân Ngành QTKD thể hiện việc đạt được CĐR nào của CTĐH, việc thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến nội dung học phần là rất cần thiết, đặc biệt là ý kiến của GV - những người trực tiếp giảng dạy. Từ năm 2017, Ngành QTKD đã rà soát, chỉnh sửa ĐCCT các học phần, tài liệu học tập cho SV, tạo điều kiện cho người học cập nhật kiến thức mới một cách liên tục [H3.03.02.04]. Cùng với việc xây dựng CTĐH và CĐR, ĐCCT học phần cũng được xây dựng, rà soát theo định kỳ của Nhà trường [H3.03.02.12], [H3.03.02.13], [H3.03.02.14], [H3.03.02.15]. Trên cơ sở đó, cùng với các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan khác, Ngành QTKD cập nhật, cải tiến nội dung học phần nhằm đảm bảo học phần đang được giảng dạy là bản cập nhật mới nhất [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

ĐCCT học phần cùng các quy định, quy chế của Trường về đánh giá SV được Ngành QTKD phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và SV. Đối với GV, Bộ môn QTKD thông báo cho từng GV qua địa chỉ email của GV trong Bộ môn. Ngoài ra, GV có thể tìm hiểu những thông tin này qua website của Ngành QTKD. Đối với SV, thông qua website của Ngành QTKD (<http://qtkd.utc.edu.vn/de-cuong-chi-tiet-hoc-phan-nam-2021>) [H3.03.02.16], trang thông tin điện tử của Phòng ĐTDH (<https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao>) [H3.03.02.17], tài liệu Những điều SV ĐH GTVT cần biết [H3.03.02.18].

Ngành QTKD cũng thường xuyên lấy ý kiến của SV về nội dung và phương pháp giảng dạy đối với các học phần thông qua các buổi đối thoại với SV [H3.03.02.19]. Các ý kiến trao đổi đều cho thấy nội dung và phương pháp giảng dạy đã đáp ứng tốt nhu cầu của người học.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng, xác định nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá của các học phần do Ngành QTKD phụ trách được chuẩn hóa và đáp ứng tốt các CĐR. Việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV. Ngành QTKD đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐH cử nhân Ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Quá trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan khác (nhà tuyển dụng) về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR đã được triển khai nhưng còn

hạn chế và chưa được mở rộng các kênh thu thập thông tin.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và mở rộng các kênh thu thập thông tin phản hồi đa dạng để cập nhật đầy đủ hơn nữa sự phản hồi của các bên liên quan về việc đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR.	Ngành QTKD	Kỳ I Năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy tích cực cho SV	Ngành QTKD	Kỳ I Năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các học phần trong CTĐH cử nhân Ngành QTKD được cấu trúc có sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua 3 lần điều chỉnh CĐR năm 2017, 2019 và 2021, CTĐH cử nhân Ngành QTKD cũng được điều chỉnh tương ứng.

CTĐT Cử nhân ngành QTKD được thiết kế bao gồm 38 tín chỉ (TC) khối kiến thức giáo dục đại cương và 102 tín chỉ kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được phân tách thành kiến thức cơ sở ngành (25TC), kiến thức ngành (43TC), kiến thức chuyên sâu (24TC) và chuyên đề tốt nghiệp (10TC). Các học phần kiến thức ngành, kiến thức chuyên sâu do Ngành QTKD giảng dạy được thảo luận cấp Bộ môn QTKD và Hội đồng Ngành QTKD nhằm đảm bảo tính tích hợp liên môn, với trình tự logic rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cần trang bị cho người học trong suốt quá trình đào tạo. Việc rà soát, đánh giá chương trình đào tạo được Ngành QTKD thực hiện theo đúng hướng dẫn và kế hoạch của Trường ĐH GTVT [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Việc rà soát CTĐH cũng được Ngành QTKD lấy ý kiến của các bên liên quan về nội dung học phần [H3.03.03.05], trên cơ sở đó Thầy Cô phụ trách chuyên môn tổ chức xây dựng đề cương các học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu [H3.03.03.06]. Cụ thể như sau:

Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các học phần chung về Lý luận chính trị, ngoại ngữ, Toán kinh tế, pháp luật đại cương, Kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1, lý thuyết xác suất và thông kê toán, lý thuyết tài chính tiền tệ, quản trị học và tin học đại cương. Các học phần này đảm bảo cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản cần thiết để có thể tiếp thu tốt các học phần trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm ba khối: (1) Khối kiến thức cơ sở ngành; (2) Khối kiến thức của ngành và (3) khối kiến thức chuyên sâu. Trong đó các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và ngành là các học phần trang bị các kiến thức căn bản cho khối kiến thức chuyên sâu ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên sâu ngành QTKD nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu hơn mang tính nền tảng trong phân tích kinh doanh, cũng như khả năng nghiên cứu, học nâng cao trình độ [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H3.03.03.09].

Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng [H3.03.03.07], [H3.03.03.08], [H3.03.03.09].

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTĐH ngành QTKD được tiến hành định kỳ theo quy định của Nhà trường [H3.03.03.01], [H3.03.03.03], [H3.03.03.10], [H3.03.03.11]. CTĐH Cử nhân Ngành QTKD được rà soát gần đây nhất được tiến hành vào năm 2017, 2019 và 2021 [H3.03.03.08], [H3.03.03.09]. Để đảm bảo định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật CTĐH ít nhất 2 năm 1 lần. Hội đồng Ngành QTKD dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra, từ sự phản hồi của các bên liên quan cập nhật những kiến thức trong CTĐH đảm bảo cung cấp cho người học những kiến thức có tính thực tiễn cao, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhà sử dụng lao động. Trong lần cập nhật CTĐH năm 2021, Hội đồng Ngành QTKD đã đồng

ý những nội dung chỉnh sửa bổ sung CTĐH và trình Hiệu trưởng phê duyệt những thay đổi chỉnh sửa CTĐH [H3.03.03.12].

Việc điều chỉnh CTĐH ngành QTKD theo định kỳ không chỉ dựa trên phản hồi từ các bên liên quan mà còn được tham khảo các CTĐH của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước như CTĐH của Đại học Florida - Mỹ (https://catalog.ufl.edu/UGRD/colleges-schools/UGBUS/BUS_UMN/); Đại học Queensland – Úc (<https://my.uq.edu.au/programs-courses/requirements/program/2171/2023>) nhằm cập nhật những kiến thức mới nhất trong ngành nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhà sử dụng lao động. Trên cơ sở đó, ĐCCT học phần cũng được điều chỉnh và cập nhật vào CTĐH [H3.03.03.09], [H3.03.03.13]. Điều này giúp cho CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH GTVT có được tính tích hợp và liên thông quốc tế, tạo điều kiện tốt để SV có thể học chuyên tiếp sau đại học tại các trường ĐH uy tín quốc tế. Tuy nhiên, một điểm hạn chế của CTĐH là một số học phần do các khoa khác trong Trường phụ trách còn chậm điều chỉnh để tương thích với CTĐT ngành QTKD.

Trong năm học 2020-2021, để thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá hệ thống môn học của Trường [H3.03.03.14], Ngành QTKD đã thực hiện đánh giá, hoàn thiện học liệu cho các học phần cho đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H3.03.03.15]. Đây là căn cứ quan trọng để Ngành QTKD tiến hành rà soát và cập nhật CTĐT trong lần rà soát định kỳ tiếp theo.

2. Điểm mạnh

CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTĐH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu của ngành QTKD đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

3. Điểm tồn tại

Tính cập nhật và tích hợp của một số học phần do các khoa khác phụ trách còn chậm điều chỉnh so với các yêu cầu cập nhật trong CTĐH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thiết lập cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin với các khoa khác trong Trường để đảm bảo tính kế thừa, tích hợp liên môn và cập nhật các ĐCCT học phần theo các nội dung trong bản CTĐH cập nhật.	Ngành QTKD	Kỳ I Năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Khảo sát những thay đổi trong nhu cầu trên thị trường lao động thời kỳ CMCN 4.0 để cập nhật CTĐH	Ngành QTKD	Kỳ I Năm học 2023-2024	
---	--------------------	--	------------	------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

CTĐH Cử nhân Ngành QTKD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học. Đồng thời, để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR, Ngành QTKD đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý.

Việc xây dựng, xác định nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá của các học phần do Ngành QTKD phụ trách được chuẩn hóa và đáp ứng tốt các CĐR. Việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV Ngành QTKD đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT Cử nhân Ngành QTKD.

CTĐT có cấu trúc và logic rõ ràng, các học phần trong CTĐH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành và chuyên sâu của ngành QTKD đảm bảo tính tích hợp và có nội dung cập nhật.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Các học phần được dạy theo phương pháp phân tích tình huống và áp dụng hình thức đánh giá SV dựa vào bài thuyết trình cá nhân/nhóm còn chưa nhiều.

Quá trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan khác (nhà tuyển dụng) về sự đóng góp của các học phần trong việc đạt được CĐR đã được triển khai nhưng còn hạn chế và chưa được mở rộng các kênh thu thập thông tin.

Tính cập nhật và tích hợp của một số học phần do các khoa khác phụ trách còn chậm điều chỉnh so với các yêu cầu cập nhật trong CTĐH.

TIÊU CHUẨN 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được xác định trong Chiến lược phát triển của trường ĐH GTVT giai đoạn 2008 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó mục tiêu giáo dục chung của Nhà trường đó là: “Trường Đại học GTVT phấn đấu đến năm 2020 trở thành một trường đại học đa ngành về khoa học kỹ thuật, công nghệ và kinh tế với nhiều cấp và loại hình đào tạo khác nhau; duy trì vị trí đầu ngành trong lĩnh vực GTVT và trở thành trường đại học trọng điểm trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Đến năm 2020 hội nhập với các trường tiên tiến trong khối ASEAN và một số nước Châu Á, có uy tín về đào tạo và NCKH và đẳng cấp về lĩnh vực GTVT.” Các mục tiêu cụ thể trong hoạt động đào tạo của Nhà trường cũng được xác định: “Nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH làm trọng tâm trên cơ sở đổi mới CTĐT theo chương trình tiên tiến trên thế giới phù hợp với đặc điểm và điều kiện của Việt Nam” **[H4.04.01.01]**. Những mục tiêu giáo dục này một lần nữa được Nhà trường văn bản hóa và được tuyên bố chính thức trong Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2021 - 2030 và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan, đó là: “*Phát triển Trường ĐH GTVT thành trường đại học tự chủ, đa ngành theo định hướng nghiên cứu, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á*” **[H4.04.01.02]**, **[H4.04.01.03]**.

Triết lý giáo dục của trường ĐH GTVT đã được xác định trong Chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2021 – 2030 và cũng được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan: “Trường ĐH GTVT hướng tới đào tạo NH trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế. Hoạt động đào tạo giúp NH phát triển toàn diện về đức – trí – thể - mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ KH&CN của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng Tổ quốc. Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp NH xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo” **[H4.04.01.04]**.

Từ triết lý giáo dục và mục tiêu đã được xác định rõ và cụ thể trong chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT, Ngành QTKD đã tiếp thu và cụ thể hóa trong CTĐT của Ngành. Cụ thể, mục tiêu đào tạo ngành QTKD nhằm giúp NH có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và QTKD; có các kiến thức chuyên sâu về quản lý doanh nghiệp và cập nhật với tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, đồng bộ và đa ngành, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có các kỹ năng và công cụ phân tích kinh tế chuyên sâu, hiện đại và có đủ năng lực nghiên cứu, hoạch định, thực thi các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc **[H4.04.01.05]**, **[H4.04.01.06]**.

Cùng với việc công bố mục tiêu giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi trên Website của trường (<https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/chien-luoc-phat-trien>), thông qua các buổi Đại hội CCVC, các buổi lễ kỷ niệm, mục tiêu giáo dục của UTC

cũng được phổ biến đến tất cả CB-GV-NV trong Trường để mọi thành viên hiểu rõ và thực hiện **[H4.04.01.07]**. Đồng thời, mục tiêu giáo dục và mục tiêu của CTĐT cũng được Ngành QTKD được gửi đến tất cả CB-GV-NV và công bố công khai trên Website của Ngành QTKD (<http://qtkd.utc.edu.vn/ma-tran-cdr-va-muc-tieu-nam-2021>) để SV, GV, nhà tuyển dụng và các bên liên quan được biết và góp ý xây dựng **[H4.04.01.08]**, **[H4.04.01.09]**.

Đối với GV, việc được truyền tải đầy đủ mục tiêu giáo dục và mục tiêu của CTĐT sẽ giúp GV lựa chọn phương pháp dạy và học phù hợp với CTĐH nhằm đạt được CDR **[H4.04.01.10]**.

Đối với NH, ngay từ năm thứ nhất NH nhập học, mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới NH trong tuần sinh hoạt Công dân đầu khóa ở cả cấp trường do Phòng CTCT&SV chủ trì và ở cấp Khoa. Qua tuần sinh hoạt này sẽ giúp NH hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường. Trong buổi gặp gỡ tân SV của Khoa Vận tải Kinh tế, BCN Khoa, Cố vấn học tập đã cung cấp đầy đủ các thông tin về CTĐT, mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CDR, các phương pháp kiểm tra đánh giá cũng như chia sẻ của các thầy cô, các anh chị khóa trước về triết lý giáo dục, về kinh nghiệm học tập **[H4.04.01.11]**. Theo quy định của Nhà trường, các GV là cố vấn học tập sinh hoạt với NH theo kỳ **[H4.04.01.12]**, giúp NH hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa Vận tải Kinh tế nói chung và Ngành QTKD nói riêng, giúp các SV có chiến lược đăng ký môn học phù hợp. Ngoài ra, NH có thể tiếp cận dễ dàng các nội dung về mục tiêu giáo dục, mục tiêu của CTĐT, phương pháp dạy và học, thông qua trang Website của Trường (<https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao>) và Ngành QTKD (<http://qtkd.utc.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao>) **[H4.04.01.03]**, **[H4.04.01.08]**. Thông qua Đoàn thanh niên, Hội SV, các Câu lạc bộ khác trong Trường, Chi đoàn Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại giúp NH hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của NH trong quá trình học tập **[H4.04.01.13]**.

Hơn nữa, mỗi GV của Ngành QTKD khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình đảm nhận, đều có trách nhiệm dành thời gian ở buổi đầu tiên của học phần để giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy-học, CDR của môn học và tiêu chí đánh giá **[H4.04.01.06]**, **[H4.04.01.10]**. Đối với nhà tuyển dụng, các chuyên gia làm việc tại các cơ quan tuyển dụng được mời tham gia góp ý kiến trong quá trình xây dựng, bổ sung, cập nhật và đánh giá CTĐT. Nội dung về chiến lược, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và mục tiêu CTĐT của Khoa Vận tải Kinh tế nói chung và Ngành QTKD nói riêng vì thế cũng được phổ biến và cung cấp đến các bên liên quan thông qua các buổi tọa đàm **[H4.04.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐH GTVT, của ngành QTKD được văn bản hóa, được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Các kênh truyền thông của Khoa Vận tải Kinh tế nói chung và Ngành QTKD còn hạn chế, do đó một số nhà tuyển dụng biết đến Trường, Khoa và Ngành QTKD ở mức độ chung chung và còn hạn chế trong việc tiếp cận với mục tiêu giáo dục của Nhà trường và CTĐT của Khoa, của Ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa Vận tải Kinh tế cùng Ngành QTKD phối hợp với Phòng KHCN Phòng CTCTSV xây dựng và mở rộng các kênh truyền thông nhằm giới thiệu mục tiêu giáo dục của trường, khoa và Ngành đến các bên liên quan.	BCN Khoa VTKT & Ngành QTKD	Tháng 10-11/2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức 3-4 buổi tọa đàm về đổi mới CTĐT để qua đó xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan được đa dạng hơn. Thường niên tổ chức tri ân các nhà tuyển dụng nhằm mục tiêu vừa gia tăng sự kết nối giữa Khoa, Ngành và nhà tuyển dụng, và qua đó truyền thông cho nhà tuyển dụng hiểu rõ về mục tiêu giáo dục.	BCN Khoa VTKT & Ngành QTKD	Tháng 10-11/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Để đạt CDR và phù hợp với mục tiêu giáo dục của Đại học GTVT, CTĐT đã thiết kế các tổ hợp các PPGD đa dạng, hiệu quả, được thể hiện qua ĐCCT ngành QTKD [H4.04.02.01]. GV tham gia CTĐT có thể linh hoạt phối hợp các phương pháp khác nhau hướng đến giúp NH đạt CDR. Tuy nhiên, tùy mục tiêu các môn học mà các GV sẽ phối hợp các hoạt động dạy và học khác nhau.

Các GV đã thay đổi phương pháp dạy và học từ kiểu truyền thống làm người học thụ động trong quá trình học sang phương pháp giảng dạy mới. Cụ thể: GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn người học chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và hướng dẫn người học tự hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Trong quá trình giảng dạy, GV tham gia CTĐT tích cực liên hệ thực tế sinh động, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của người học [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Khoa Vận tải Kinh tế nói chung và Ngành QTKD nói riêng luôn khuyến khích GV ứng dụng CNTT vào giảng dạy như cung cấp tài liệu học, bài giảng... [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

GV hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Cụ thể như sau: - Các GV rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho NH thông qua các bài tập nhóm, các buổi trình bày theo nhóm [H4.04.02.01], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. - GV cũng hướng dẫn cách tự học cho NH nhằm giúp NH biết cách tìm hiểu và tra cứu tài liệu, xử lý thông tin để trở thành tri thức của mình [H4.04.02.01], [H4.04.02.07].

Để giúp NH của CTĐT liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, NH được tham gia các hoạt động thực tập thực tế vào kỳ cuối cùng trong 04 năm học. Đây là một phần bắt buộc của chương trình đào tạo, gồm 2 phần: (i) Đồ án tốt nghiệp (ii) Chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Đồ án tốt nghiệp nhằm giúp NH khả năng tự khám phá kiến thức, rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu, khả năng phân tích, tổng hợp tài liệu mà họ tiếp cận; kỹ năng áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề, các tình huống đặt ra trong thực tế [H4.04.02.01], [H4.04.02.08]. Việc thực tập thực tế của NH để viết chuyên đề tốt nghiệp tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, kỹ năng) được nêu rõ trong tài liệu hướng dẫn thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp. NH được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn [H4.04.02.01] [H4.04.02.09]. Chương trình thực tập tốt nghiệp của NH đều nhằm rèn luyện cho NH khả năng tư duy, ứng dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới dành cho công việc. NH có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp qua quá trình học, rèn luyện khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp.

Để nâng cao năng lực tự nghiên cứu, Ngành QTKD đã khuyến khích NH của CTĐT tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học SV, tham gia các hội thảo cấp Khoa, cấp Trường. Cụ thể: - Hoạt động NCKH: NH được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ nhất, có nhiều NH năm thứ nhất đã đạt giải cấp Khoa, cấp Trường. Mỗi đề tài do NH tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV [H4.04.02.10]. - Hội thảo cấp Khoa, Trường: NH được khuyến khích phối hợp cùng các GV trong Ngành QTKD viết bài và tổ chức hội

thảo, làm các tài liệu trình bày tại hội thảo, tham gia tổ chức hội thảo để nâng cao năng lực lập kế hoạch, năng lực quản lý tổ chức, năng lực tự nghiên cứu, năng lực trình bày [H4.04.02.11], [H4.04.02.012].

Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Phòng KT&ĐBCLĐT tổ chức lấy ý kiến của NH về sự hài lòng đối với sự đa dạng về các hình thức giảng dạy cũng như sự phù hợp của PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả điều tra SV đang học tại CTĐT vào kỳ II năm học 2021-2022 cho thấy hầu hết SV đang học hài lòng và rất hài lòng với các phương pháp giảng dạy của GV [H4.04.02.13], [H4.04.02.14], [H4.04.02.15].

2. Điểm mạnh

Tổ hợp các Phương pháp dạy-học đa dạng, linh hoạt được triển khai để đạt CDR của học phần và CTĐT. Các hoạt động dạy học có sự kết hợp giữa mô hình giảng dạy truyền thống và mô hình giảng dạy trực tuyến với sự hỗ trợ của phần mềm Microsoft-Team. Các phương pháp dạy học thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với từng năm học nhằm đạt CDR của học phần và CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp dạy và học “Học theo dự án” được triển khai trong quá trình giảng dạy còn nhiều hạn chế. Một số GV chưa thực sự nhuần nhuyễn khi ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm dạy và học “Học theo dự án” trong nội bộ ngành QTKD để ngày càng nhiều các GV hiểu và ứng dụng phương pháp này. Xây dựng Bộ câu hỏi định hướng cho một số các môn học có thể áp dụng “Dạy và học theo dự án” Đào tạo kỹ năng làm việc nhóm cho cả GV và NH làm cơ sở cho triển khai “Dạy và học theo dự án” hiệu quả	Ngành QTKD	Từ tháng 4/2023 - tháng 8/2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Ngành QTKD tiến hành tổ chức các buổi trao đổi chia sẻ kinh nghiệm giữa các Thầy Cô trong Ngành về các kỹ năng ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy nhằm đẩy nhanh quá trình triển khai các phương pháp dạy học theo hướng tích hợp công nghệ vào các tiết giảng	Ngành QTKD	Từ tháng 4/2023 - tháng 8/2023	
---	--------------------	--	------------	--------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Dựa trên chỉ đạo của Trường ĐH GTVT, Ngành QTKD đã quán triệt và triển khai đồng bộ các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp ... Điều này thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT Cử nhân ngành QTKD và trong tất cả ĐCCT các học phần của ngành QTKD [H4.04.03.01], [H4.04.03.02], [H4.04.03.03]. Chiến lược dạy và học của Ngành QTKD là lấy NH làm trung tâm, bởi vậy các phương pháp dạy và học tích cực luôn được lựa chọn sử dụng trong từng môn học thể hiện trong kế hoạch lên lớp nhằm kích thích tính chủ động của NH trong học tập. Tất cả đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm của NH. 100% các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và được các GV triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, các kỹ năng mềm cho NH [H4.04.03.02], [H4.04.03.03].

Hầu hết ĐCCT các môn học/học phần nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Để giúp NH rèn luyện những kỹ năng này, trong từng ĐCCT học phần đều yêu cầu hoạt động dạy và học cho từng nội dung bài học/chương cùng các yêu cầu bài tập cá nhân/bài tập nhóm [H4.04.03.03], [H4.04.03.04].

Bên cạnh đó, Ngành QTKD cũng tổ chức hoạt động thực tập cho NH. Hoạt động này đòi hỏi NH phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể giúp khả năng tự nghiên cứu của NH tốt hơn [H4.04.03.05], [H4.04.03.06]. Ngành QTKD thường xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học giúp NH nâng cao khả năng tự học thông qua học hỏi người khác [H4.04.03.07].

GV giảng dạy các môn chuyên sâu Ngành QTKD sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học như: phương pháp giải quyết vấn đề thông qua tình huống bài tập nhóm; tương tác trực tiếp/thực hành để giải quyết

vấn đề,... Trong đó, phương pháp giảng dạy bằng tình huống, tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề được đa số các GV lựa chọn áp dụng cho những môn học chuyên ngành [H4.04.03.02], [H4.04.03.03]. Một số GV sử dụng rất đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, video, ứng dụng phần mềm LMS vào hỗ trợ SV học trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả các phương pháp giảng dạy [H4.04.03.08], [H4.04.03.09], [H4.04.03.10].

Kết quả khảo sát ý kiến từ cựu SV trong học kỳ II năm học 2021-2022 cho thấy trên 90% ý kiến phản hồi của NH hài lòng về có khả năng ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn công việc [H4.04.03.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành QTKD đã tạo điều kiện cho NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Việc kết hợp các phương pháp dạy học nhằm kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm cho NH của một số GV trẻ vẫn còn hạn chế do các GV này chưa có nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Yêu cầu các GV trẻ dự giờ các GV có thâm niên và nhiều kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy ở Ngành QTKD để học hỏi kinh nghiệm qua đó giúp các GV này có thể đưa ra được các hoạt động dạy và học phù hợp nhằm nâng cao kỹ năng học tập suốt đời cho NH. Hằng tháng tổ chức đào tạo nhằm tăng cường kỹ năng cho các GV trẻ, tập trung vào các chủ đề “Kỹ năng trình bày và thuyết phục”; “Kỹ năng phản biện”; “Kỹ năng giải quyết vấn đề”	Ngành QTKD	Bắt đầu từ tháng 6/2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dạy và học theo hướng tăng cường rèn luyện cho NH các khả năng tự học để hình thành kỹ năng học tập suốt đời của người học. Tổ chức các buổi tọa đàm để GV và NH chia sẻ các kinh nghiệm về tự học, duy trì các thói quen học tốt, và rèn luyện các kỹ năng mềm liên quan đến tăng khả năng tư duy	Ngành QTKD	Từ tháng 5/2023 - tháng 12/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường ĐH GTVT được văn bản hóa, được Nhà trường tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

Tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập của CTĐT được xây dựng đa dạng, linh hoạt để đạt CĐR của học phần và CTĐT. Các hoạt động dạy học có sự kết hợp giữa mô hình giảng dạy truyền thống và mô hình giảng dạy trực tuyến với sự hỗ trợ của phần mềm LMS và Microsoft-Team. Các phương pháp dạy học thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT ngành QTKD đã tạo điều kiện cho NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các kênh truyền thông của Ngành QTKD còn hạn chế, do đó một số nhà tuyển dụng biết đến Ngành QTKD ở mức độ chung và còn hạn chế trong việc tiếp cận với mục tiêu giáo dục của CTĐT.

Phương pháp dạy và học “Học theo dự án” đang không được quá nhiều GV sử dụng trong quá trình giảng dạy. Một số GV chưa thực sự nhuần nhuyễn khi ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy.

Việc kết hợp các phương pháp dạy học nhằm kích lệ các khả năng tư duy phản biện, các kỹ năng mềm cho NH của một số GV trẻ vẫn còn hạn chế do các GV này chưa có nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động dạy và học.

TIÊU CHUẨN 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Căn cứ vào quy định chung của trường ĐH GTVT về việc đánh giá kết quả người học [H5.05.01.01] Ngành QTKD thực hiện đánh giá kết quả người học hướng tới đánh giá mức độ đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học.

Ngành QTKD có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của SV, bao gồm quy trình đánh giá trong quá trình đào tạo và thi/chấm chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Đối với việc đánh giá trong quá trình học, mỗi học phần trong CTĐT đều nêu rõ những quy định về hình thức, nội dung, phương pháp và kế hoạch thực hiện đánh giá kết quả học tập cho học phần đó [H5.05.01.02]. Theo đó, SV theo học CTĐT Cử nhân Ngành QTKD sẽ được đánh giá kết quả học tập dựa trên ba loại điểm là chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ. [H5.05.01.03] [H5.05.01.04]. Đối với việc đánh giá đầu ra tốt nghiệp, Ngành QTKD xây dựng quy trình và kế hoạch cụ thể dựa trên Quy chế về thực tập và chuyên đề thực tập đối với SV đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐH GTVT [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Theo đó, SV sau khi hoàn thành tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết sẽ đăng ký thực tập tại cơ sở thực tập và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài tốt nghiệp, chọn GV hướng dẫn hoặc Ngành QTKD sẽ phân công GV hướng dẫn. SV làm việc theo sự hướng dẫn của GV hướng dẫn để hoàn thiện Đồ án tốt nghiệp. SV phải bảo vệ kết quả tốt nghiệp trước Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp [H5.05.01.07], [H5.05.01.08].

Ngành QTKD xây dựng CTĐT và ĐCCT các học phần theo quy định trong quy chế đào tạo và hướng dẫn xây dựng ma trận CDR học phần với các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá; CDR của CTĐT và CDR của các học phần [H5.05.01.01], [H5.05.01.09], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11]. Theo đó, ĐCCT các học phần đều xác định rõ mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học đối với học phần đó [H5.05.01.02], [H5.05.01.10], [H5.05.01.11]. Từ những mục tiêu này, Ngành QTKD thiết kế hình thức, nội dung và phương pháp đánh giá cụ thể cho phù hợp với từng học phần, đảm bảo việc đánh giá CDR theo quy trình chặt chẽ, tuân thủ quy định của Trường [H5.05.01.12], [H5.05.01.13]. Các đề thi/ ngân hàng câu hỏi cũng thường xuyên được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp [H5.05.01.14].

Để đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng và kiến thức chuyên sâu của Ngành QTKD, khi đánh giá tốt nghiệp, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ dựa trên sản phẩm là đồ án tốt nghiệp của SV với tiêu chí đánh giá như với một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập [H5.05.01.07]. Bên cạnh đó, quy trình đánh giá còn hướng tới đánh giá CDR về kỹ năng của người học thông qua các hình thức thuyết trình, làm bài tập nhóm, bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước Hội đồng, kỹ năng ngoại ngữ, tin học [H5.05.01.15], [H5.05.01.16], [H5.05.01.17]. SV cũng được đánh giá mức độ đạt được CDR về thái độ và năng lực tự chủ thông qua đánh giá kết quả rèn luyện hằng năm và kết quả rèn luyện của SV là cơ sở để xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và là căn cứ để xếp loại kết quả rèn luyện của SV toàn khóa [H5.05.01.18].

2. Điểm mạnh

Có các quy trình rõ ràng về hình thức, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CDR của CTĐT và của từng học phần. Hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường mức độ đạt CDR của học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế phương pháp kiểm tra, đánh giá cho một số học phần chưa bám sát ma trận đề thi, do đó chưa đánh giá được các CDR một cách toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng Ma trận đề thi các môn cơ sở ngành dựa trên Ma trận CDR của CTĐT.	Ngành QTKD	Trong năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát ma trận CDR và CTĐT, từ đó cập nhật và điều chỉnh ngân hàng các đề thi cho phù hợp với CDR của từng học phần.	Ngành QTKD	Trong năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Căn cứ vào các quy định chung về việc tổ chức thực hiện đánh giá kết quả người học của trường ĐH GTVT, Ngành QTKD xây dựng nội dung, kế hoạch cụ thể, rõ ràng cho quy trình đánh giá kết quả người học theo từng học phần và chuyên đề tốt nghiệp. Đối với từng học phần cụ thể, các quy định về đánh giá kết quả học tập của học phần đó bao gồm hình thức đánh giá điểm quá trình, cơ cấu/ trọng số từng thành phần điểm, hình thức kiểm tra/ thi, lịch kiểm tra/ thi luôn được GV công bố đến SV ngay trong buổi đầu học kỳ và được nêu trong ĐCCT từng học phần [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03]. Tiêu chí cụ thể để đánh giá học phần được nêu cụ thể trong ĐCCT của từng học phần [H5.05.02.03]. Phòng ĐTĐH thông báo lịch thi cho các Khoa và SV trên website của Trường cũng như trong phần mềm quản lý đào tạo.[H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06].

Mỗi túi bài thi được phân công cho 2 GV chấm độc lập tại Bộ môn theo đáp án đã được Bộ môn thảo luận và thống nhất. Phiếu chấm điểm sau đó được Trưởng Bộ môn ký xác nhận và gửi lên Phòng ĐTĐH, Văn phòng Khoa VTKT và lưu lại tại

Bộ môn theo thời hạn quy định. Tất cả điểm thành phần các học phần sau đó sẽ do Bộ môn phụ trách nhập điểm lên hệ thống và được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử dành cho SV. Bài thi được lưu trữ tại Ngành QTKD đến hết khóa học [H5.05.02.07].

Đối với Chuyên đề thực tập tốt nghiệp, Ngành QTKD có các quy định về điều kiện đăng ký tham gia thực tập và viết chuyên đề thực tập của cụ thể [H5.05.02.06], [H5.05.02.08], [H5.05.02.09]. Trước mỗi đợt xét tốt nghiệp, Văn phòng Khoa VTKT và cố vấn học tập của mỗi lớp đều thông báo lại đến những SV có đủ điều kiện đăng ký thực tập để toàn bộ SV nắm chắc được quy trình thực tập và xét tốt nghiệp. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài tốt nghiệp, chọn GV hướng dẫn hoặc Ngành QTKD sẽ phân công GV hướng dẫn, SV làm việc theo sự hướng dẫn của GV hướng dẫn để hoàn thiện đề tài tốt nghiệp. Ngành QTKD gửi thông tin về quy định bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, tiêu chí chấm và thời gian bảo vệ chuyên đề thực tập tốt nghiệp đến từng SV thông qua Cố vấn học tập. Tiêu chuẩn đánh giá Chuyên đề thực tập tốt nghiệp được quy định rõ trong Quy định về thực tập và chuyên đề thực tập đối với SV đại học [H5.05.02.06].

Tất cả các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần thông qua GV và ĐCCT học phần và được công bố công khai trên cơ sở dữ liệu Nhà trường [H5.05.02.10], [H5.05.02.11].

Hàng năm, Khoa VTKT có tổ chức đối thoại với SV của CTĐT. Kết quả đối thoại giữa Khoa VTKT với SV các năm cho thấy, SV khẳng định được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.02.12].

2. Điểm mạnh

Quy trình đánh giá kết quả học tập được công khai đến người học thông qua các kênh thông tin của trường, hoặc kênh thông tin của Ngành QTKD để hiểu rõ và được giải đáp về việc đánh giá kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí quy định đánh giá trong bài tập nhóm, thuyết trình do từng GV phụ trách các lớp tự xây dựng và áp dụng riêng cho các lớp học nên chưa đảm bảo tính thống nhất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng các tiêu chí, thang điểm chung để đánh giá cho các bài tập lớn, thuyết trình, bài tập nhóm nhằm đảm bảo công bằng cho người học	Ngành QTKD	Trong năm học 2022-2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sử dụng website của Ngành QTKD để đăng tải các nội dung liên quan đến học tập, trong đó có các hoạt động kiểm tra đánh giá QKHT trong tiến trình học.	Ngành QTKD	Trong học kỳ II năm học 2022-2023	
---	--------------------	--	------------	-----------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Ngành QTKD xác định việc xây dựng hệ thống các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đóng một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo và mức độ đạt các CĐR của CTĐT. Kết quả học tập của người học được đánh giá dựa trên hệ thống các phương pháp khác nhau, phù hợp với yêu cầu về CĐR của CTĐT nói chung và của từng học phần nói riêng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV hiện nay được sử dụng trong CTĐT gồm: kiểm tra viết tại lớp (tự luận hoặc trắc nghiệm), làm bài tập (cá nhân, nhóm); thuyết trình; viết đề án môn học; báo cáo thực tập tổng hợp; viết đồ án tốt nghiệp; bảo vệ đồ án tốt nghiệp [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03]. Đối với đồ án tốt nghiệp SV được yêu cầu phải hoàn thành đồ án tốt nghiệp theo quy định của một nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh và kết quả được đánh giá trước hội đồng của Ngành QTKD [H5.05.03.03].

Để các phương pháp kiểm tra đánh giá người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng, Ngành QTKD thực hiện chặt chẽ việc đánh giá kết quả học tập từ khâu ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, công bố kết quả đối với mỗi học phần và phúc khảo, giải đáp thắc mắc của SV. Ngành QTKD thực hiện các khâu của quá trình biên soạn đề và duyệt đề thi kết thúc học phần, in sao và đóng gói, bảo quản, lưu trữ đề thi kết thúc học phần, phân công cán bộ coi thi kết thúc học phần và tổ chức chấm thi đều được thực hiện theo các hướng dẫn của trường ĐH GTVT [H5.05.03.04]. Đáp án và thang điểm được quy định chi tiết và rõ ràng [H5.05.03.05]. Phiếu chấm điểm sau đó được Trưởng Bộ môn ký xác nhận và đảm bảo chất lượng giáo dục theo thời hạn quy định. Tất cả điểm thành phần các học phần sau đó sẽ do Bộ môn phụ trách nhập điểm lên hệ thống và được đăng tải công khai SV biết trên cổng thông tin điện tử dành cho SV [H5.05.03.04]. Đối với công tác phúc khảo sau chấm thi, SV sau khi nhận được kết quả đánh giá môn học trên hệ thống, nếu có thắc mắc thì sẽ thực hiện phúc khảo theo thông báo [H5.05.03.06]. [H5.05.03.07].

Nhìn chung, các phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng [H5.05.03.07], [H5.05.03.08], [H5.05.03.09]. Tuy nhiên, công tác phân tích kết quả thi đánh giá SV còn chậm nên việc điều chỉnh phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá còn chậm.

Bên cạnh tổ chức thực hiện đánh giá kết quả các học phần, Ngành QTKD tổ chức đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp cũng như đồ án tốt nghiệp của SV với các yêu cầu cụ thể về quy cách làm đồ án tốt nghiệp. [H5.05.03.08] [H5.05.03.10], [H5.05.03.11].

2. Điểm mạnh

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập NH của Ngành QTKD đảm bảo đa dạng, nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của Ngành QTKD; đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

3. Điểm tồn tại

Ngành QTKD mới chỉ phân tích kết quả thi các học phần do Ngành phụ trách. Ngoài ra, công tác phân tích kết quả thi đánh giá SV còn chậm nên việc điều chỉnh phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng rubrics phục vụ đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần và tốt nghiệp.	Ngành QTKD	Trong học kỳ I năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường phân tích kết quả đánh giá SV của mỗi môn học ngay sau khi có điểm các môn để tiến hành điều chỉnh ngân hàng câu hỏi/ đề thi	Ngành QTKD	Trong học kỳ I năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Nhà trường đã có quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học, GV thực hiện đánh giá kết quả học tập của người học theo văn bản hướng dẫn chung của Nhà trường nhằm tạo động lực cho SV và điều chỉnh quá trình giảng dạy phù hợp [H5.05.04.01], [H5.05.04.02], [H5.05.04.03].

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến GV và NH để thực hiện và kiểm tra giám sát. Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của NH được phổ biến ngay từ đầu năm học tới từng SV thông qua sổ tay SV [H5.05.04.03], [H5.05.04.04]. Với điểm đánh giá quá trình sẽ được GV công bố công khai trước khi kết thúc học phần. [H5.05.04.03]. KQHT của SV được nhập chính xác, lưu trữ đầy đủ, đúng quy trình tại Phòng ĐTDH bằng bản giấy và trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.04.05]. Những quy định về thi, đánh giá KQHT của NH được Nhà trường công bố công khai đến GV và NH và công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Thông tin phản hồi về đánh giá KQHT được SV sử dụng để cải thiện việc học tập. Dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kỳ; căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ hàng kỳ để SV lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 kỳ liên tiếp [H5.05.04.01], [H5.05.04.03].

Trong buổi đối thoại SV, BCN Khoa VTKT cùng lãnh đạo các bộ môn trong khoa rất quan tâm đến các ý kiến phản hồi của SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về cơ sở vật chất, chất lượng GV và CBQL Khoa VTKT.... trong đó có tiêu chí phản hồi kết quả học tập. Trên cơ sở đó, Khoa VTKT và các bộ môn sẽ có biện pháp hoàn thiện công tác giảng dạy, đánh giá và thông báo kết quả học tập cho SV [H5.05.04.06], [H5.05.04.07]. Nội dung phân tích và đánh giá được thể hiện thông qua biên bản họp sơ kết học kỳ I và tổng kết năm học của Bộ môn [H5.05.04.08]. [H5.05.04.09].

2. Điểm mạnh

KQHT của người học được thông báo kịp thời, đúng quy định và được lưu trữ đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo chính xác, an toàn và hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT.

3. Điểm tồn tại

SV chưa được lấy ý kiến, hoặc có kênh chính thức để phản hồi về việc công bố kết quả học tập, và mức độ hài lòng của người học về cách thức, thời gian công bố kết quả học tập một cách thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến người học chi tiết hơn trong đó có phản hồi của SV về việc công bố kết quả có kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập hay không.	Phòng KT & ĐBCL TT ứng dụng CNTT và các đơn vị chức năng của Nhà trường	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về thông báo kết quả học tập cho người học.	Ngành QTKD	Trong năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả

Để thống nhất việc tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học, đảm bảo độ giá trị, công bằng và khách quan trong công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, các khiếu nại về kết quả học tập của người học được quy định và hướng dẫn rõ ràng trong Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐH GTVT [H5.05.05.01], [H5.05.05.02].

Người học CTĐT được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. SV được phổ biến và giải đáp thắc mắc về các quy định của Nhà trường trong đào tạo, bao gồm cả nội dung về quy trình khiếu nại về kết quả học tập [H5.05.05.03], [H5.05.05.04]. Ngoài ra, người học có thể dễ dàng truy cập quy định và thông tin về phúc tra bài thi trên website của Trường [H5.05.05.05] [H5.05.05.06].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phúc khảo, Nhà trường có ban hành các mẫu đơn phúc khảo [H5.05.05.07].

Kết quả khiếu nại về kết quả học tập của người học hằng năm không nhiều và được giải quyết kịp thời. Sau khi hoàn thành công tác chấm lại, Trường các bộ môn sẽ gửi kết quả học phần tới bộ phận chức năng để thông báo tới người dự thi, đồng thời gửi kết quả xem lại bài thi học phần và 1 bản sao bài thi đã chấm lại (nếu có thay đổi về điểm) tới đơn vị quản lý đào tạo để cập nhật điểm cho người học. [H5.05.05.08].

Theo thống kê, số SV của CTĐT nộp đơn xin phúc khảo điểm thi kết thúc học phần các môn chuyên ngành QTKD là gần như không có. [H5.05.05.08]. Từ kết quả số lượng phúc khảo cho thấy, đa số SV hài lòng với hoạt động đánh giá KQHT.

2. Điểm mạnh

Các quy định, quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập đầy đủ rõ ràng và thông tin rộng rãi, công khai cho người học. Người học dễ dàng phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập, nhất là khi có bộ phận một cửa, hơn nữa số NH khiếu nại về kết quả học tập ít và các khiếu nại được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3. Điểm tồn tại

Khoảng thời gian cho phép SV nộp khiếu nại là khá ngắn nên đôi khi có SV chưa kịp nộp đơn khiếu nại kết quả mặc dù có nhu cầu xem lại bài thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thu thập đánh giá của người học về việc xử lý khiếu nại của Nhà trường	Phòng KT & ĐBCLĐT	Trong học kỳ II năm học 2022-2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về phúc tra bài thi.	Ngành QTKD	Trong học kỳ II năm học 2022-2023	
---	--------------------	--	------------	-----------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Nhà trường có các quy định rõ ràng về hình thức, kế hoạch, tiêu chí đánh giá kết quả học tập theo các CĐR của CTĐT và của từng học phần. Tất cả quy định này đều được phổ biến và công khai đến SV. Quy trình đánh giá kết quả học tập của SV được xây dựng bám sát theo các yêu cầu về CĐR đối với kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTĐT. Các phương pháp đánh giá được thiết kế phù hợp để có khả năng đo lường được mức độ đạt các CĐR.

Quy trình đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng và được công khai tới tất cả người học. Tất cả người học dễ dàng tiếp cận các thông tin về quy trình đánh giá kết quả học tập thông qua các kênh thông tin của trường, hoặc kênh thông tin của Ngành QTKD.

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của Ngành QTKD đảm bảo đa dạng, nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo của Ngành QTKD; đánh giá được mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

KQHT của người học được thông báo kịp thời, đúng quy định và được lưu trữ đầy đủ dưới nhiều hình thức khác nhau đảm bảo chính xác, an toàn và hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT.

Các quy định, quy trình giải quyết khiếu nại kết quả học tập đầy đủ rõ ràng và thông tin rộng rãi, công khai cho người học. Người học dễ dàng phản ánh các khiếu nại về kết quả học tập, nhất là khi có bộ phận một cửa, hơn nữa số NH khiếu nại về kết quả học tập ít và các khiếu nại được giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Việc thiết kế phương pháp đánh giá cho một số học phần chưa đánh giá được các CĐR một cách toàn diện. Cụ thể, câu hỏi kiểm tra và thi sử dụng trong đánh giá kết quả học tập các môn thuộc khối kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành mới chủ yếu dừng lại ở việc đánh giá việc tiếp thu kiến thức ở mức biết, hiểu và vận dụng mà chưa đánh giá được mức độ kiến thức ở những bậc thang cao hơn.

Ngành QTKD chưa phân tích đầy đủ tất cả các học phần trong CTĐT, mới chỉ phân tích kết quả thi các học phần do Ngành QTKD phụ trách. Ngoài ra, công tác phân tích kết quả thi đánh giá SV còn chậm nên việc điều chỉnh phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá còn chậm. SV chưa được lấy ý kiến, hoặc có kênh chính thức để phản hồi về việc công bố kết quả học tập, và mức độ hài lòng của người học về cách thức, thời gian công bố kết quả học tập một cách thường xuyên.

TIÊU CHUẨN 6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đối với GV như: Chiến lược Phát triển Trường [H6.06.01.01], Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức của Trường ĐH GTVT [H6.06.01.02]. Trên cơ sở đó hằng năm, Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng của ĐH GTVT, thông báo và tổ chức tuyển dụng [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Hằng năm, Ngành QTKD tổ chức đánh giá nhu cầu, khối lượng công việc cụ thể của GV tham gia CTĐT (Giảng dạy, NCKH và PVCĐ), tình hình biến động nhân sự do nghỉ chế độ, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ,... trên cơ sở đó đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng, trình lãnh đạo Nhà trường [H6.06.01.05]. Một trong những tiêu chí ưu tiên tuyển dụng GV cho CTĐT Cử nhân QTKD là tuyển dụng GV có học vị tiến sĩ, được đào tạo từ nước ngoài, đặc biệt hướng vào những GV có năng lực nghiên cứu khoa học tốt, đã được chứng minh thông qua các bài báo, công bố quốc tế [H6.06.01.06]. Trên cơ sở đề xuất của Ngành QTKD, Phòng Tổ chức xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định thông báo tuyển GV với các yêu cầu cụ thể về trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Sau khi được tuyển dụng, các GV phải thực hiện chế độ tập sự 01 năm theo quy định. Ngành QTKD sẽ phân công 01 GV có năng lực và kinh nghiệm làm GV hướng dẫn tập sự giúp cho GV mới chuẩn bị bài giảng. Ngoài ra, trong thời gian này, GV tập sự còn phải tham gia học và thi để có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, tham gia với nhiệm vụ trợ giảng các lớp học phần của Ngành QTKD. Hết một năm tập sự Ngành QTKD sẽ họp xét tập sự đưa ra các nhận xét, đánh giá, từ đó quyết định xem có cho GV kết thúc tập sự và ký tiếp hợp đồng lao động hay không [H6.06.01.02], [H6.06.01.07].

Trong giai đoạn 2017-2022, Ngành QTKD không tuyển thêm GV mới do quy mô đào tạo ổn định, không phát sinh nhu cầu tuyển dụng thêm GV [H6.06.01.08]. [H6.06.01.09].

Hằng năm, Ngành QTKD phối hợp với Phòng TCCB rà soát những GV sắp đến tuổi nghỉ hưu để chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch nhân sự cho Ngành QTKD. Đối với những GV đến tuổi nghỉ hưu nhưng có sức khỏe và có nguyện vọng kéo dài thời gian công tác và đáp ứng đủ điều kiện về kéo dài thời gian công tác theo quy định của Nhà nước, đều được Ngành QTKD xem xét và tạo điều kiện kéo dài thời gian làm việc vì đây là các GV tâm huyết, có trình độ cao (từ TS trở lên) [H6.06.01.10].

Đối với GV thuộc diện ký hợp đồng có thời hạn: Hằng năm, Ngành QTKD đánh giá kết quả hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong thời gian thực hiện Hợp đồng. Trên cơ sở đó, Ngành QTKD đề xuất Trường ký hoặc không ký tiếp hợp đồng đối với GV đó [H6.06.01.11].

Ngành QTKD rất quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Trong quá trình công tác, GV Ngành QTKD được tạo điều kiện tham gia

học tập bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ. Hiện nay các GV trong Ngành QTKD đều đã có các bằng cấp, chứng chỉ nghề nghiệp cần thiết, tạo tiền đề nâng cao chất lượng đào tạo. Ngành QTKD khuyến khích GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, tăng cường giao lưu học hỏi với các trường ĐH trên thế giới [H6.06.01.12], [H6.06.01.13]. Hiện tại, Ngành QTKD có 5 TS và 2 ThS đã từng được đào tạo ở nước ngoài. Sau khi trở về nước, các GV này đã phát huy tác dụng tốt và có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và giảng dạy các môn học mới, các môn học giảng dạy bằng tiếng Anh, thực hiện nhiều các nghiên cứu và có nhiều công bố trong nước và quốc tế [H6.06.01.14] [H6.06.01.15].

Ngành QTKD cũng rất quan tâm, tạo điều kiện và khuyến khích các GV có năng lực và có nhiều đóng góp cho sự phát triển hoạt động đào tạo và NCKH của Ngành QTKD tích cực chuẩn bị các điều kiện và nộp hồ sơ xét duyệt bổ nhiệm chức danh. Số lượng GV trong Ngành QTKD được bổ nhiệm chức danh PGS, GV cao cấp, GVC liên tục tăng lên. Hiện tại Ngành QTKD có 2 PGS, 2 GVC [H6.06.01.15]. Đây là nhóm GV đóng vai trò then chốt trong các hoạt động đào tạo và NCKH của Ngành QTKD. Ngành QTKD còn mời thêm những nhà Khoa học, nhà Doanh Nghiệp có kinh nghiệm chuyên môn từ các cơ quan nghiên cứu, quản lý nhà nước, các doanh nghiệp đến giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi kiến thức với SV [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Tuy nhiên, do các thủ tục hành chính và chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng, nên số lượng GV thỉnh giảng và cộng tác viên của CTĐT còn hạn chế.

Việc phân công nhiệm vụ của GV trong Ngành QTKD được căn cứ vào trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng và phù hợp với nhu cầu của CTĐT để đảm bảo phát huy tối đa năng lực phục vụ cho các hoạt động của CTĐT [H6.06.01.18].

2. Điểm mạnh

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV có hiệu quả. Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng các cơ chế đặc biệt nhằm tạo điều kiện thu hút nhân tài cho các trường hợp như GV thỉnh giảng, GV người nước ngoài tại Ngành QTKD còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần có cơ chế đặc thù để thu hút GV thỉnh giảng là những nhà khoa học đầu ngành	ĐH GTVT	Từ năm học 2023-2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện cho các GV trẻ hoàn thành chương trình học NCS	Ngành QTKD	Từ học kỳ II năm học 2022-2023	
---	--------------------	---	------------	--------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT thực hiện báo cáo 3 công khai đối với toàn xã hội [H6.06.02.01], trong đó thể hiện rõ số lượng GV, SV để các đơn vị liên quan và xã hội giám sát. Nhà trường đồng thời cập nhật số lượng GV, SV hằng năm dưới sự giám sát của Bộ GD&ĐT. Hiện nay số lượng GV cơ hữu của Ngành QTKD là 15 người bao gồm 2 PGS, 3 TS, 2 NCS và 8 Ths. [H6.06.02.02], [H6.06.02.03]. [H6.06.02.04].

Mỗi học kỳ, trên cơ sở tổng số lớp được Nhà trường giao theo kế hoạch, Ngành QTKD tiến hành phân công cho các GV một cách công bằng nhằm đảm bảo cho các GV hoàn thành định mức giờ giảng. Ngoài ra, mỗi GV còn phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo định mức được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.02.05], [H6.06.02.06]. Hoạt động đào tạo và NCKH của GV luôn được sự quan tâm và quản lý sát sao của Ngành QTKD. Ngành QTKD thông qua các hoạt động hướng dẫn SV nghiên cứu, làm chuyên đề tốt nghiệp... Theo quy định về chế độ làm việc đối với GV, khối lượng công việc được tính trên định mức giờ giảng và giờ nghiên cứu của cá nhân theo năm học [H6.06.02.05], [H6.06.02.06], [H6.06.02.07]. Tất cả các công việc NCKH mà GV đạt được như xuất bản sách, bài báo, bài tạp chí, chủ nhiệm hay tham gia đề tài khoa học, hướng dẫn thạc sĩ và đề tài SV nghiên cứu khoa học đều được tính đến trong định mức và góp phần đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV.

Định mức giảng dạy và NCKH là hai cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV trong mỗi năm học. Ngoài ra, các đơn vị chức năng như Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng ĐTĐH, Ban Quản lý giảng đường, Phòng Khoa học Công nghệ....cùng tham gia giám sát và đánh giá việc tuân thủ kỷ luật lao động cũng như tiến độ thực hiện công việc của GV [H6.06.02.08].

Ngoài việc áp dụng các quy định chung trong thực hiện đánh giá GV, Nhà trường còn có các quy định về tiêu chí đánh giá năng lực cán bộ quản lý, GV và chuyên viên [H6.06.02.04]. Kết quả được sử dụng để đánh giá năng lực của cán bộ quản lý (CBQL), GV và chuyên viên trong Trường; khuyến khích cán bộ quản lý, GV và chuyên viên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ..

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV của Ngành QTKD có năng lực chuyên môn cao, đáp ứng tốt khối lượng công việc được giao. Tỷ lệ GV/NH luôn được đảm bảo đáp ứng nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng và chất lượng CV của gv được giám sát, đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Ở thời điểm hiện tại, việc trả thu nhập tăng thêm cho GV chỉ dựa vào giờ giảng vượt định mức mà chưa thực hiện việc hoán đổi giữa giờ NCKH và giờ giảng cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện trả lương theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhằm ghi nhận đầy đủ hơn những đóng góp của GV.	ĐH GTVT	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng đội ngũ GV thỉnh giảng có uy tín từ các đơn vị ngoài trường nhằm gắn kết giữa hoạt động giảng dạy của Ngành QTKD với hoạt động thực tiễn.	Ngành QTKD	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT có quy trình tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng được quy định trong Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức của Nhà Trường. **[H6.06.03.01].**

Nhằm xây dựng đội ngũ nghiên cứu mạnh, đồng thời cũng hướng tới việc đào tạo SV có năng lực nghiên cứu QTKD tốt, Ngành QTKD luôn ưu tiên tuyển dụng những ứng viên thành thạo tiếng Anh, có học vị tiến sĩ được đào tạo bài bản ở các nước phát triển **[H6.06.03.02]**. Đối với những GV đang là thạc sĩ, Ngành QTKD và Trường yêu cầu GV xây dựng kế hoạch và cam kết lộ trình trở thành tiến sĩ **[H6.06.03.03]**, Trường có kế hoạch hỗ trợ các thủ tục, kinh phí và thời gian đi đào tạo **[H6.06.03.04]**. Ngoài những tiêu chuẩn tuyển dụng theo Quy chế, Ngành QTKD và Trường ưu tiên tuyển dụng những người có bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trên thế giới, đã tham gia giảng dạy tại các trường đại học quốc tế, được đào tạo tại các trường đại học uy tín ở nước ngoài, có thể giảng dạy bằng tiếng Anh đối với các môn học chuyên ngành, có học vị tiến sĩ đúng chuyên ngành đào tạo, phù hợp với chủ trương, nhu cầu tuyển dụng. Để làm được điều này, thông qua các mạng lưới nghiên cứu, các hội thảo được tổ chức, mỗi khi có cơ hội thì Ngành QTKD luôn tận dụng để quảng bá nhằm thu hút nhân tài, đặc biệt là các cựu SV của Ngành QTKD đang được đào tạo sau đại học ở các nước tiên tiến **[H6.06.03.01], [H6.06.03.02]**

Các thông tin tuyển dụng, chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường **[H6.06.03.05], [H6.06.03.06]**.

Trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường luôn công khai thông tin từng bước tương ứng trong quá trình tuyển dụng để ứng viên nắm bắt một cách nhanh nhất. **[H6.06.03.07].**

Hiện nay, Trường ĐH GTVT đang xây dựng đề án vị trí việc làm để có căn cứ thực hiện, xác định lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển cho phù hợp **[H6.06.03.08]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐH GTVT có kế hoạch, tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV rõ ràng, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thực tế. Các GV được tuyển chọn có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu của CTĐT, phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển của đơn vị trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Đề án vị trí việc làm mới của Nhà trường sắp được triển khai. Bởi vậy, Ngành QTKD khó đưa ra các điều kiện cạnh tranh, hấp dẫn để thu hút các GV, chuyên gia xuất sắc đến làm việc. Các quy định còn chưa được cập nhật đầy đủ và kịp thời cho phù hợp trong từng vị trí tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế các chính sách, cơ chế đặc thù để thu hút các ứng viên thành thạo tiếng Anh và có học vị tiến sĩ ở các nước phát triển.	Trường ĐH GTVT	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các kênh quảng cáo tuyển dụng như việc làm 24h, vnexpress,...	Phòng TCCB, ĐH GTVT	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Đội ngũ GV của CTĐT đạt chuẩn về trình độ theo quy định. Các GV của CTĐT đều có chuyên môn phù hợp với môn học giảng dạy được minh chứng thông qua Lý lịch khoa học của GV [H6.06.04.01].

Về trình độ, năng lực ngoại ngữ, tin học, 100% số lượng GV đạt trình độ về ngoại ngữ, tin học và có bằng cấp đạt yêu cầu trong hồ sơ viên chức [H6.06.04.02].

Về trình độ tin học, yêu cầu tối thiểu đối với GV của Trường là phải có chứng chỉ tin học cơ bản. Ngoài ra, phần lớn GV của Trường giảng dạy tại các hệ đào tạo đều sử dụng thành thạo các công cụ tin học, CNTT trong quá trình giảng dạy (Office, trình chiếu, Excel, Stata,...). [H6.06.04.01].

Các GV của CTĐT đều có khả năng nghiên cứu khoa học tốt thể hiện ở chỗ có nhiều sản phẩm khoa học được công bố. [H6.06.04.01], [H6.06.04.03].

Các GV cho CTĐT Cử nhân QTKD có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy [H6.06.04.01]. Nhà trường đã chú trọng thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục; hằng năm đều cử nhiều GV đi đào tạo trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ ở nước ngoài [H6.06.04.04].

Công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cũng được chú ý. Nhà trường đã tổ chức một số lớp đại học ngoại ngữ hệ văn bằng 2; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II); bồi dưỡng lý luận chính trị,.... [H6.06.04.05].

Mỗi kỳ học hằng năm, để có thông tin phản hồi nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy của GV cũng như chất lượng phục vụ đào tạo của các phòng ban liên quan, Nhà trường triển khai công tác lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV và chỉ đạo phòng KT & ĐBCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác này [H6.06.04.06]. Kết quả lấy ý kiến người học thuộc các hệ đào tạo của trường được tổng hợp và quy đổi ra điểm số, gửi tới từng GV để tự phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, đồng thời cũng được gửi tới lãnh đạo bộ môn, lãnh đạo trường để kịp thời khuyến khích những trường hợp được người học đánh giá cao hoặc chấn chỉnh những GV còn nhiều tồn tại, yếu kém. Kết quả khảo sát ý kiến người học về công tác giảng dạy do Phòng KT&ĐBCLĐT thực hiện trong giai đoạn 2017-2022 cho thấy đội ngũ GV của CTĐT đã đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo của chương trình [H6.06.04.06], [H6.06.04.07].

Để nâng cao năng lực cho GV trẻ, tăng cường sự gắn kết và hỗ trợ người học, một số GV trẻ còn được phân công là CVHT [H6.06.04.08]. Cuối mỗi năm học,

Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi về CVHT. Kết quả cho thấy, GV không những có năng lực giảng dạy tốt mà còn có kỹ năng, nhiệt tình hỗ trợ SV trong hoạt động giảng dạy và đào tạo [H6.06.04.09].

Trường quy định định mức giờ chuẩn và định mức NCKH đối với GV [H6.06.04.10]. Đồng thời, Trường rà soát và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ vào cuối kỳ và năm học để GV có cơ sở tự đánh giá và Khoa VTKT, Ngành QTKD đánh giá, bình xét để Hội đồng thi đua khen thưởng xếp loại thi đua [H6.06.04.11], [H6.06.04.12] theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Những điều này được quy định cụ thể trong [H6.06.04.13]. Kết quả đánh giá là cơ sở giúp GV có định hướng tự bồi dưỡng nâng cao năng lực và đăng ký tham gia các nhiệm vụ của nhà Trường theo đúng sở trường. 100% GV của Ngành QTKD được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, các tiêu chí đánh giá ít được điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp với những sự thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế về GDĐH và CMCN lần thứ 4.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV được thực hiện thường xuyên. Quá trình đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch. Các kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ GV đầy đủ và bài bản. Việc lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng GV và kết quả đánh giá hàng năm cho thấy đội ngũ GV có năng lực hoạt động giảng dạy và triển khai CTĐT một cách có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí đánh giá ít được điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp với những sự thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế về GDĐH và CMCN lần thứ 4.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chi tiết được cập nhật hàng năm. Bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá, phản hồi từ SV.	Phòng KT&ĐBCLĐT	Học kỳ II năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về GV	Phòng KT&ĐBCLĐT	Từ học kỳ II năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Là trường ĐH định hướng nghiên cứu nên Nhà trường và Ngành QTKD đặc

biệt quan tâm đến nhu cầu, đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó nêu rõ quyền của công chức, viên chức, người lao động **[H6.06.05.01]**.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch nhiệm vụ, BM QTKD căn cứ vào nguyện vọng của GV và nhiệm vụ được giao đề xuất nhu cầu đào tạo - bồi dưỡng GV của đơn vị mình. Trong các cuộc họp ở cấp BM QTKD, các GV trong BM QTKD sẽ được khảo sát về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn trong từng học kỳ **[H6.06.05.02]**. Nhu cầu này được xác định theo các chỉ tiêu chính như: phát triển cán bộ đạt chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; phát triển GV đạt chuẩn trình độ tiến sĩ thông qua cử đi đào tạo dài hạn trong và ngoài nước; GV tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước **[H6.06.05.03]**, **[H6.06.05.04]**.

Từ kết quả khảo sát này, Ngành QTKD sẽ tổng hợp và lập kế hoạch đào tạo cho từng năm **[H6.06.05.05]**. Trường luôn khuyến khích các GV phối hợp và liên kết với các GV từ các trường đại học có uy tín ở nước ngoài để trao đổi, nâng cao trình độ nghiên cứu, giảng dạy và học tập, đặc biệt ở các quốc gia như Mỹ, Úc, Anh,... Đồng thời, Trường cử các GV tham dự các khóa đào tạo ở nước ngoài.... Trường hỗ trợ tìm kiếm các nguồn thông tin về các lớp, khóa đào tạo. Phòng HTQT và NCPT đã tìm kiếm và gửi thông tin đến email cá nhân của từng GV. Các buổi tọa đàm, tập huấn,...thường xuyên được tổ chức để đáp ứng nhu cầu phát triển của đội ngũ GV **[H6.06.05.06]**.

Hàng năm, Khoa VT-KT đều tổ chức các buổi tọa đàm bồi dưỡng chuyên môn cho GV trong Khoa VTKT nói chung và Ngành QTKD nói riêng giúp GV cập nhật các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu mới cũng như cập nhật tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế **[H6.06.05.05]**. **[H6.06.05.07]**.

2. Điểm mạnh

Căn cứ vào các quy định cụ thể về việc xác định nhu cầu đào tạo của đội ngũ GV, Ngành QTKD xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ GV rõ ràng. GV của Ngành QTKD tích cực tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Điểm tồn tại

Còn bộ phận GV chưa thực sự tiếp cận được với các cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là việc học tập ở nước ngoài. Các GV sau khi được đào tạo ở nước ngoài trở về, chưa tích cực tổ chức các hoạt động trao đổi, phổ biến chia sẻ kinh nghiệm với các GV trong Ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường cử GV trẻ tham gia học tập, trao đổi ngắn hạn và dài hạn tại các trường đại học uy tín trên thế giới để nâng cao khả năng chuyên môn và giảng dạy bằng tiếng Anh.	Ngành QTKD và ĐH GTVT	Từ năm học 2022-2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tổ chức các buổi toạ đàm bồi dưỡng chuyên môn cho GV trong Ngành QTKD	Ngành QTKD		
---	-----------------------------	---	------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá công việc của GV. Ngành QTKD đã triển khai thực hiện đánh giá hiệu quả công việc của GV theo quy trình, tiêu chí của Nhà trường đã ban hành [H6.06.06.01], [H6.06.06.02].

Việc đánh giá kết quả công việc của GV được Ngành QTKD thực hiện công khai, minh bạch [H6.06.06.03]. Quy trình được thực hiện theo trình tự: GV tự đánh giá, tập thể Bộ QTKD môn đánh giá, Khoa VTKT đánh giá, Nhà trường đánh giá căn cứ vào hiệu quả công việc và được xếp theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.06.04]. Từ kết quả đánh giá, Nhà trường và Khoa VTKT bình xét các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT...) [H6.06.06.05], để xét lương tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.06]. Kết quả đánh giá và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tập thể và cá nhân được thông báo đến các đơn vị bằng văn bản [H6.06.05.07] và được công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H6.06.06.08]. Tuy nhiên, việc phân công nhiệm vụ, giám sát GV thực hiện kế hoạch cá nhân chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả chưa cao.

Đầu mỗi kỳ học, Ngành QTKD căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của Trường giao cho để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV.

100% GV được tham gia góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc [H6.06.06.09], [H6.06.06.10]

Hàng năm, nhiều GV của Ngành QTKD hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được nhận Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở/cấp Bộ. [H6.06.06.11], [H6.06.06.12], [H6.06.06.13].

Vào gần cuối kỳ 2 của năm học, Nhà trường tiến hành thông báo thực hiện đăng ký và xét duyệt, công nhận sáng kiến năm học của từng GV [H6.06.06.14]. Sáng kiến của GV sẽ được Hội đồng sáng kiến cấp Khoa và cấp Trường xét duyệt và công bố công khai kết quả công nhận sáng kiến năm học. Nhiều cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có sáng kiến cải tiến trong năm học đều được tặng giấy khen Hiệu trưởng [H6.06.06.15]. Toàn bộ quy trình đăng ký, xét duyệt sáng kiến năm học đều được quản lý thực hiện trên phần mềm Usmart (<https://usmart.utc.edu.vn/qlhc/nckh>) của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các quy định về quản trị kết quả công việc của GV này đã được triển khai và chấp hành tốt tại Ngành QTKD. Việc đánh giá xếp loại GV, bình bầu các hình thức khen thưởng tại Ngành QTKD được thực hiện minh bạch và công bằng có tác dụng khuyến khích các GV của CTĐT nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Kết quả đánh giá chưa được phân tích triệt để và sử dụng trong việc cải tiến chất lượng công việc. Quy trình đánh giá cũng chưa được cập nhật đủ liên tục để đảm bảo phản ánh chính xác các hoạt động của GV, phù hợp với các bước phát triển của đơn vị cũng như Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy nhanh triển khai đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của theo đề án vị trí việc làm và bổ sung, cập nhật bộ tiêu chí thực sự phù hợp với hoạt động của GV.	ĐH GTVT	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc quản trị công việc theo kết quả đầu ra của GV ở mức báo cáo theo tháng để kịp thời đưa ra những điều chỉnh phù hợp.	ĐH GTVT	Trong năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Quy định về NCKH cũng như các loại hình số lượng công trình NCKH được xây dựng và phổ biến rộng rãi tới toàn thể GV trong Nhà trường, được đăng tải đầy đủ trên website phòng Khoa học CN [H6.06.07.01], [H6.06.07.02], [H6.06.07.03]. Các hoạt động NCKH mà GV của phải thực hiện gồm: chủ trì hoặc tham gia đề tài các cấp (Nhà nước, Bộ và tương đương, Thành phố, Cơ sở); Bài báo công bố trên các tạp chí chuyên ngành, Kỷ yếu các Hội thảo khoa học; Xuất bản sách, giáo trình, tài liệu tham khảo...; Hướng dẫn SV NCKH; viết đề xuất nghiên cứu, viết thuyết minh đề tài... [H6.06.07.04]. Định mức nhiệm vụ nghiên cứu của GV Trường nói chung và của Khoa VTKT nói riêng được xác định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH GTVT; được quy đổi ra giờ chuẩn và tính theo năm tài chính. [H6.06.07.03].

Kết quả thống kê tổng hợp giờ nghiên cứu hằng năm phục vụ cho công tác giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của GV, đồng thời là căn cứ đánh giá, xét thi đua - khen thưởng các năm học. Kết thúc mỗi năm học, căn cứ số lượng công trình NCKH và giờ tham gia, Nhà trường luôn có đánh giá hoạt động NCKH của GV, có đối chiếu so sánh với hoạt động của các năm trước [H6.06.07.05].

Trong 5 năm gần nhất, các cán bộ, GV Ngành QTKD đã công bố 102 bài báo trên các tạp chí quốc tế và các tạp chí trong nước [H6.06.07.06], [H6.06.07.07].

2. Điểm mạnh

Trường có quy định rõ ràng về định mức hoạt động nghiên cứu để giao và đánh giá kết quả thực hiện của GV. GV của Ngành QTKD luôn vượt định mức số giờ NCKH của Trường đề ra. GV càng ngày càng nhận thức và nâng tầm bài viết ở các tạp chí uy tín, chỉ số trích dẫn cao.

3. Điểm tồn tại

Các công bố quốc tế chủ yếu tập trung vào một số GV có nhiều kinh nghiệm trong Ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện hình thức quy đổi giữa giờ NCKH và giờ giảng để khuyến khích các GV tăng cường NCKH.	ĐH GTVT	Trong năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tác động lan tỏa hoạt động NCKH, đặc biệt là công bố quốc tế trong Ngành QTKD	Ngành QTKD	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ GV có hiệu quả. Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của CTĐT.

Đội ngũ GV của Ngành QTKD có năng lực chuyên môn cao, đáp ứng tốt khối lượng công việc được giao. Tỷ lệ GV/NH phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng và chất lượng CV của GV được giám sát, đánh giá và cải tiến.

Nhà trường có kế hoạch, tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm GV rõ ràng, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thực tế. Các GV được tuyển chọn có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu của Khoa và Nhà trường, phù hợp với định hướng và nhu cầu phát triển của đơn vị trong tương lai.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV được thực hiện thường xuyên. Quá trình đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch. Các kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ GV đầy đủ và bài bản. Việc lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng GV và kết quả đánh giá hằng năm cho thấy đội ngũ GV có năng lực hoạt động giảng dạy và triển khai CTĐT một cách có hiệu quả.

Ngành QTKD đã xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ GV rõ ràng. GV của Ngành QTKD tích cực tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

Các quy định về quản trị kết quả công việc của GV được triển khai và chấp hành tốt tại Ngành QTKD. Việc đánh giá xếp loại GV, bình bầu các hình thức khen thưởng tại Khoa VTKT được thực hiện minh bạch và công bằng có tác dụng khuyến khích các GV của CTĐT nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường có quy định rõ ràng về định mức hoạt động động nghiên cứu để giao và đánh giá kết quả thực hiện của GV. GV của Ngành QTKD luôn vượt định mức số giờ NCKH của Trường đề ra. GV càng ngày càng nhận thức và nâng tầm bài viết ở các tạp chí uy tín có chỉ số trích dẫn cao.

Những tồn tại nổi bật của tiêu chuẩn

Cơ chế đặc biệt nhằm tạo điều kiện thu hút nhân tài cho các trường hợp như GV thỉnh giảng, GV người nước ngoài tại Ngành QTKD còn nhiều hạn chế.

Hiện tại, việc trả thu nhập tăng thêm cho GV chỉ dựa vào giờ giảng vượt định mức mà chưa thực hiện việc hoán đổi giữa giờ NCKH và giờ giảng cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường chưa có cơ chế đủ hấp dẫn để thu hút các chuyên gia giỏi đến từ các cơ quan bên ngoài. Ngành QTKD khó đưa ra các điều kiện cạnh tranh, hấp dẫn để thu hút các GV, chuyên gia xuất sắc đến làm việc.

Các tiêu chí đánh giá GV ít được điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp với những sự thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế về GD ĐH và CMCN lần thứ 4.

Còn bộ phận GV chưa thực sự tiếp cận được với các cơ hội đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là việc học tập ở nước ngoài. Các GV sau khi được đào tạo ở nước ngoài trở về, chưa tích cực tổ chức các hoạt động trao đổi, phổ biến chia sẻ kinh nghiệm với các GV trong Ngành QTKD.

Kết quả đánh giá chưa được phân tích triệt để và sử dụng trong việc cải tiến chất lượng công việc. Quy trình đánh giá cũng chưa được cập nhật đủ liên tục để đảm bảo phản ánh chính xác các hoạt động của GV, phù hợp với các bước phát triển của đơn vị cũng như Nhà trường.

Các công bố quốc tế chủ yếu tập trung vào một số GV có nhiều kinh nghiệm trong Ngành QTKD.

TIÊU CHUẨN 7. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên được dựa trên Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Trường [H7.07.01.01] trong Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.02],... trong đó, xác định rõ các vị trí việc làm cụ thể và năng lực tương ứng. Nhà trường cũng xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch [H7.07.01.03].

Thực hiện quy hoạch đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc phê duyệt danh sách quy hoạch vào các chức danh viên chức quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Hiệu trưởng [H7.07.01.04]. Hằng năm, Trường các đơn vị có trách nhiệm đề xuất quy hoạch, kế hoạch cho đội ngũ cán bộ của đơn vị. Dựa vào số lượng SV, đơn vị hỗ trợ, khối lượng công việc đảm nhận và kế hoạch đào tạo cán bộ, độ tuổi về hưu, Trường đơn vị xác định được nhu cầu về đội ngũ nhân viên ở đơn vị mình trong các năm và đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng với Phòng TCCB, Phòng TCCB sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định thông báo tuyển viên chức với các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với từng vị trí của các đơn vị. Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng của ĐH GTVT [H7.07.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ Phòng CTCT&SV, thư viện, Phòng ĐTDH, Phòng KT&ĐBCLĐT, VP Đoàn TN và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. [H7.07.01.06].

Trong công tác quản lý và hỗ trợ SV: Phòng CTCT&SV, Trung tâm dịch vụ được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được những yêu cầu về năng lực và phẩm chất trong các hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, nghiên cứu. [H7.07.01.07]. Khoa VTKT có 2 chuyên viên tại Văn phòng Khoa VTKT có kỹ năng giao tiếp ứng xử với SV tốt, thành thạo tin học văn phòng nên hỗ trợ cho công tác chung của Khoa VTKT nói chung và hỗ trợ trong việc tiếp nhận ý kiến của SV, đăng ký thực tập, lập danh sách khen thưởng, cảnh báo học tập, đánh giá điểm rèn luyện... Kết quả đánh giá công chức, viên chức hằng năm cho thấy 2 chuyên viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.07.01.08].

Mỗi lớp SV ngành Ngành QTKD có 1 cố vấn học tập (CVHT) là các GV của Ngành QTKD có trình độ TS và ThS, đã tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về quy định, kiến thức, kỹ năng, cũng như các quy trình vận hành hệ thống văn bản, phần mềm,... nhằm hỗ trợ và tư vấn cho người học một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất về mọi mặt: học tập, NCKH, tư vấn việc làm, tư vấn chọn ngành nghề phù hợp với năng lực... CVHT được bổ nhiệm hằng năm [H7.07.01.09]. Đội ngũ CVHT của Ngành QTKD luôn hoàn thành tốt việc hỗ trợ học tập và nghiên cứu của SV trong quá trình học [H7.07.01.10].

2. Điểm mạnh

Quy trình rõ ràng, kế hoạch, quy hoạch được thực hiện thường xuyên giúp đảm bảo có một đội ngũ cán bộ hỗ trợ đủ về số lượng, thành thạo về chuyên môn hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho người học. Nhà trường đang triển khai đề án vị trí việc làm giúp sử dụng một cách hiệu quả đội ngũ nhân viên hỗ trợ người học một cách hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Một số cán bộ hỗ trợ người học tại các phòng, ban vẫn còn hạn chế về chuyên môn, yếu về công nghệ thông tin nên đôi khi gặp khó khăn trong việc hỗ trợ người học, đặc biệt khi có những thay đổi trong quy chế hoặc quy trình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sớm triển khai thực hiện đề án vị trí việc làm tại các đơn vị hành chính giúp việc quy hoạch, sắp xếp và sử dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hiệu quả.	Phòng TCCB	Trong năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện tốt công tác quy hoạch đảm bảo đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	ĐH GTVT	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường có quy trình tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng được quy định trong Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức của Trường [H7.07.02.01]. Các thông tin tuyển dụng, chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường [H7.07.02.02]. Các tiêu chí được xác định và điều chỉnh cho phù hợp với từng thời kỳ và nhu cầu định hướng phát triển của Nhà trường và CTĐT. [H7.07.02.01].

Căn cứ vào Kế hoạch tuyển dụng, Nhà trường thông báo tuyển dụng trong đó xác định rõ tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ nhân viên, được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng được công khai nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng [H7.07.02.02].

Hội đồng tuyển dụng được thành lập và hoạt động theo quy trình, quy chế chặt chẽ. Ứng viên phải thi chuyên môn, trả lời phỏng vấn trước Hội đồng tuyển dụng. Kết quả thi tuyển được công bố công khai trên website của Trường [H7.07.02.03].

Sau khi trúng tuyển, chuyên viên có thời gian thử việc sau đó mới được ký hợp đồng chính thức **[H7.07.02.01]**.

Trường tiến hành khảo sát, lấy các ý kiến góp ý, phản hồi từ các bên liên quan, từ đó phân tích nhu cầu, tổng hợp ý kiến góp ý của các bên liên quan, tuân thủ đầy đủ quy trình và công bố rõ ràng trên website, làm cơ sở để thực hiện bổ nhiệm **[H7.07.02.04]**. **[H7.07.02.05]**. **[H7.07.02.06]**.

Để đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong hoạt động tuyển dụng, đảm bảo tuyển được cán bộ có năng lực, đáp ứng yêu cầu của CTĐT, các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được lấy ý kiến rộng rãi trước khi ban hành **[H7.07.02.04]**. Sau khi ban hành, các quy định và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm được gửi đến các đơn vị trong toàn trường để thực hiện **[H7.07.02.01]** và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường **[H7.07.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và quy trình triển khai rõ ràng, minh bạch. Những cá nhân được tuyển chọn, bổ nhiệm đáp ứng được vị trí, điều kiện, tiêu chuẩn và năng lực theo đúng quy trình bổ nhiệm và yêu cầu công việc của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Thông tin tuyển dụng mới chỉ công khai trên website của Trường nên hạn chế đối tượng tiếp cận được.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa các kênh tuyển dụng để cung cấp thông tin tuyển dụng cho nhiều đối tượng quan tâm.	Phòng TCCB	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung thêm và cụ thể hóa các tiêu chí nhằm đánh giá toàn diện các ứng viên tuyển dụng cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ.	Phòng TCCB	Từ năm 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Yêu cầu về năng lực của cán bộ viên chức ĐH GTVT nói chung và đội ngũ nhân viên được thể hiện ở khung năng lực vị trí việc làm **[H7.07.03.01]**. Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên trong quá trình công tác **[H7.07.03.02]**. Các đơn vị quản lý, phục vụ đều được

quy định chức năng và nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường cũng như Quyết định về chức năng nhiệm vụ của phòng, ban và được tóm tắt, công khai rộng rãi trên website [H7.07.03.03].

Trong các buổi đối thoại với SV trong khoa VTKT diễn ra hằng năm, đội ngũ trợ lý và CVHT của Khoa VTKT nói chung và Ngành QTKD nói riêng luôn được đánh giá tốt bởi các SV trong CTĐT QTKD về công tác hỗ trợ SV và thái độ khi tiếp xúc SV [H7.07.03.04]. [H7.07.03.05]. Hằng năm, các chuyên viên hành chính của Khoa VTKT đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và xếp loại lao động tiên tiến [H7.07.03.06], [H7.07.03.07]. Tuy nhiên, cả GV và học viên có phần nản về một số nhân viên của các phòng/ban chức năng chưa thực sự nhiệt tình và thân thiện trong việc hỗ trợ GV và người học giải quyết các thủ tục hành chính. [H7.07.03.08].

Hằng tháng, hằng quý, các đơn vị có các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua các buổi giao ban với Ban giám hiệu [H7.07.03.09]. Cuối năm học Nhà trường tổ chức đợt đánh giá CBVC toàn trường, đánh giá năng lực và mức độ làm việc hiệu quả của các phòng ban chức năng và các đơn vị hỗ trợ [H7.07.03.10]. Đây là cơ sở để xếp loại thi đua và khen thưởng cuối năm [H7.07.03.11]. Quá trình bình xét thi đua diễn ra với rất nhiều vòng và có sự tham gia của đồng nghiệp (cấp đơn vị), các cấp lãnh đạo, công đoàn các bộ phận (đối với cấp trường) [H7.07.03.12].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ chuyên viên của Khoa VTKT có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Việc tổ chức đánh giá nhân viên được thực hiện định kỳ với các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, có tác dụng khuyến khích CBVC phát triển năng lực.

3. Điểm tồn tại

Một số nhân viên của các phòng/ban chức năng chưa nhiệt tình và thân thiện hỗ trợ người học trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đánh giá phân loại lao động một cách nghiêm túc nhằm nâng cao chất lượng và thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.	ĐH GTVT	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.	Phòng TCCB	Từ năm 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển năng lực của đội ngũ nhân viên được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Để xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà trường triển khai việc lấy ý kiến trong các cuộc họp, hội nghị của các đơn vị. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Nhà trường tổng hợp, xây dựng kế hoạch và cách thức tổ chức phù hợp [H7.07.04.01]. Để nâng cao công tác quản lý đào tạo - bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên, Trường Đại học GTVT đã ban hành đầy đủ các quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động [H7.07.04.02]. Quy chế cũng là căn cứ cho các chuyên viên, nhân viên xác định quyền hạn và trách nhiệm khi đề xuất nhu cầu về đào tạo - bồi dưỡng...

Hằng năm, Trường triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, phân bổ nguồn ngân sách cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Các đơn vị luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng tập huấn nâng cao nghiệp vụ, trình độ ở trong và ngoài nước. Trường hỗ trợ về thời gian và kinh phí, được cụ thể hóa trong các kế hoạch, quyết định của từng lớp, khóa, đợt đào tạo. Các cá nhân được đào tạo, bồi dưỡng thực hiện chế độ báo cáo tới lãnh đạo đơn vị, Nhà trường về quá trình và kết quả học tập. Trên cơ sở đó, các đơn vị báo cáo và có những đề xuất phù hợp với công việc của đơn vị mình nhằm cải tiến các hoạt động của Nhà trường [H7.07.04.05].[H7.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của chuyên viên được xác định rõ ràng và có các hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu.

3. Điểm tồn tại

Khả năng sử dụng tin học là một rào cản đối với một số chuyên viên lớn tuổi đã cản trở nhóm đối tượng này tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sắp xếp lại đội ngũ nhân viên phù hợp với vị trí việc làm.	ĐH GTVT	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường khảo sát nhu cầu đào tạo cho nhân viên của các đơn vị để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thái độ ứng xử cho nhân viên hỗ trợ.	ĐH GTVT	Từ năm 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tại Trường ĐH GTVT công tác quản trị đều thực hiện theo chu trình quản trị năng lực đầu vào trên cơ sở Đề án vị trí việc làm [H7.07.05.01], Phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên [H7.07.05.02]; kiểm soát quá trình thực hiện và quản trị kết quả đầu ra thông qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối năm [H7.07.05.03], [H7.07.05.04]. Mục đích của việc đánh giá, phân loại kết quả thực hiện công việc của CBVC làm căn cứ thực hiện xét thi đua - khen thưởng ghi nhận những đóng góp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm kịp thời khuyến khích, tạo động lực thúc đẩy nhân viên tích cực trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cho tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường.

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học, các đơn vị trong toàn trường, trong đó có Ngành QTKD, triển khai việc phân công nhiệm vụ cho các cán bộ theo vị trí việc làm [H7.07.05.02]. Trên cơ sở bảng phân công, các đơn vị triển khai các hoạt động giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua chế độ báo cáo tháng và báo cáo quý [H7.07.05.05]. Cuối năm học, các đơn vị tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.05.03], và đánh giá thi đua khen thưởng [H7.07.05.04].

Để đảm bảo tính công khai, dân chủ trong hoạt động đánh giá, thi đua khen thưởng, các quy định về thi đua khen thưởng và đánh giá, phân loại viên chức trước khi ban hành được tổ chức lấy ý kiến góp ý của nhân viên [H7.07.05.06]. Quy chế thi đua sẽ được quyết định sau khi tiếp thu ý kiến của cán bộ nhân viên và ban hành cùng kế hoạch đăng ký thi đua và được phổ biến từ đầu năm học, quá trình này được tiến hành công khai, rộng rãi [H7.07.05.07].

Đầu năm học, Nhà trường gửi thông báo đến toàn thể cán bộ, nhân viên về kế hoạch đăng ký thi đua bằng email [H7.07.05.08]. Các đơn vị quản lý phục vụ dựa vào chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo và công việc khác có liên quan tiến hành đăng ký các mức thi đua và khối lượng hoàn thành theo mẫu đã quy định [H7.07.05.09]. Đối với khối phục vụ, hằng tháng, quý giao ban với Ban giám hiệu và có báo cáo kết quả thực hiện công việc. Kết quả này dùng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và xét lương bổ sung các quý [H7.07.05.10].

Việc đánh giá phân loại viên chức, người lao động ở trường ĐH GTVT được thực hiện theo Quy chế đánh giá, phân loại đơn vị trực thuộc Trường, viên chức, người lao động của Trường ĐH GTVT [H7.07.05.03]. Cuối năm học, viên chức, người lao động được phân loại theo 4 mức sau: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với viên chức, người lao động [H7.07.05.11], [H7.07.05.12].

Từ các kết quả đánh giá hằng năm, viên chức và người lao động được khen thưởng, tùy theo các mức, có thể nhận Bằng khen, Giấy khen được tăng lương định kỳ hoặc trước thời hạn và bổ nhiệm [H7.07.05.04]. Kết quả của Hội đồng khen thưởng được công khai rộng rãi trong toàn trường [H7.07.05.13]. Mức chi khen thưởng tương ứng với thành tích của nhân viên đạt được trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được nêu chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm [H7.07.05.14]. [H7.07.05.15]. [H7.07.05.16].

Hằng năm, các chuyên viên hành chính của Khoa VTKT đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và xếp loại lao động tiên tiến [H7.07.05.17], [H7.07.05.11].

Quy trình đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, dân chủ nên trong giai đoạn đánh giá không có các khiếu kiện. Đội ngũ nhân viên hài lòng về việc đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng [H7.07.05.18].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch tạo động lực cho đội ngũ nhân viên nỗ lực phấn đấu nâng cao năng lực, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Chưa sử dụng triệt để kết quả đánh giá của người học và giáo viên trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và bình bầu các danh hiệu thi đua của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sử dụng triệt để kết quả đánh giá của người học và GV trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và bình bầu các danh hiệu thi đua của đội ngũ nhân viên hỗ trợ	ĐH GTVT	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hoạt động lấy ý kiến của người học và GV về năng lực, nỗ lực và thái độ của đội ngũ nhân phục vụ	ĐH GTVT	Từ năm 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Quy trình rõ ràng, kế hoạch, quy hoạch được thực hiện thường xuyên giúp đảm bảo có một đội ngũ cán bộ hỗ trợ đủ về số lượng, thành thạo về chuyên môn, hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho người học. Nhà trường đang triển khai đề án vị trí việc làm giúp sử dụng một cách hiệu quả đội ngũ nhân viên hỗ trợ người học một cách hiệu quả.

Tiêu chí tuyển dụng và quy trình triển khai rõ ràng, minh bạch. Những cá nhân được tuyển chọn, bổ nhiệm đáp ứng được vị trí, điều kiện, tiêu chuẩn và năng lực theo đúng quy trình bổ nhiệm và yêu cầu công việc của Nhà trường.

Đội ngũ chuyên viên của Khoa VTKT có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình hỗ trợ người học, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. Việc tổ chức đánh giá nhân viên được thực hiện định kỳ với các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, có tác

dụng khuyến khích CBVC phát triển năng lực.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định rõ ràng và có các hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu.

Những tồn tại nổi bật của tiêu chuẩn

Một số cán bộ hỗ trợ người học tại các phòng, ban vẫn còn hạn chế về chuyên môn, yếu về công nghệ thông tin nên đôi khi gặp khó khăn trong việc hỗ trợ người học, đặc biệt khi có những thay đổi trong quy chế hoặc quy trình.

Thông tin tuyển dụng mới chỉ công khai trên website của Trường nên hạn chế đối tượng tiếp cận được.

Một số nhân viên của các phòng/ban chức năng chưa nhiệt tình và thân thiện hỗ trợ người học trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Khả năng sử dụng tin học là một rào cản đối với một số nhân viên lớn tuổi đã cản trở nhóm đối tượng này tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Chưa sử dụng triệt để kết quả đánh giá của người học và giáo viên trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và bình bầu các danh hiệu thi đua của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

TIÊU CHUẨN 8. NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Chính sách và quy định về tuyển sinh của Ngành QTKD rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Tuyển sinh đầu vào của Ngành QTKD được thực hiện theo đúng kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01].

Quy định về tuyển sinh, chính sách và các hình thức, tiêu chí tuyển sinh của Ngành QTKD được cập nhật hằng năm để đảm bảo đa dạng nguồn tuyển sinh, đảm bảo tuyển được người học có chất lượng cho CTĐT. Những thay đổi, cập nhật trong chính sách tuyển sinh được quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh của Trường ĐH GTVT. Nhà trường công bố công khai các chính sách tuyển sinh của Trường theo quy định của Bộ GD&ĐT và dựa trên thảo luận về công tác tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh được thể hiện trong “Đề án tuyển sinh đại học chính quy” của Trường Đại học GTVT” [H8.08.01.01] và được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử tuyển sinh của Trường [H8.08.01.02], trang thông tin điện tử của Bộ môn QTKD [H8.08.01.03], trong cuốn những tài liệu hướng dẫn về tuyển sinh ĐH-CD hằng năm [H8.08.01.04], gồm các thông tin về tiêu chí tuyển sinh, chính sách tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và các chính sách ưu tiên, những lưu ý và hướng dẫn trong tuyển sinh.

Hệ thống thông tin tuyển sinh được công bố một cách minh bạch, xuyên suốt từ lúc SV đăng ký tham dự kỳ xét tuyển đầu vào Đại học, trúng tuyển vào chương trình đều được cập nhật và được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và website của Trường, của Ngành QTKD. Thông báo bao gồm các thông tin: điều kiện được nộp hồ sơ, phương thức tuyển sinh, hình thức xét tuyển, quy định về điểm chuẩn vào trường và điểm chuẩn vào ngành, hướng dẫn sơ bộ cách thức đăng ký xét tuyển [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Bên cạnh việc phổ biến rộng rãi, công khai về quy chế, chính sách và hình thức tuyển sinh, nhằm hỗ trợ tốt nhất cho các đối tượng có nhu cầu tìm hiểu và theo học tại Trường ĐHGTVT đã tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp và trực tuyến, công khai các thông tin liên hệ (email, điện thoại, hotline...), phát triển đa dạng các kênh thông tin bên cạnh website chính thức của Trường như trang fanpage tại địa chỉ <https://www.facebook.com/dhgtvtcaugiai> [H8.08.01.03]. Thông qua các hoạt động này, Nhà trường thu thập dữ liệu, phân tích để dự đoán nguồn tuyển sinh, từ đó tham khảo, điều chỉnh chính sách tuyển sinh [H8.08.01.01]. Ngoài ra, dựa trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu nguồn nhân lực ngành QTKD thông qua các nhà SDLĐ, Nhà trường đánh giá được nhu cầu việc làm và những đòi hỏi về kiến thức kỹ năng, để từ đó thay đổi chính sách tuyển sinh, thay đổi CDR và CTĐT để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động [H8.08.01.05].

Kết thúc năm tuyển sinh, Trường thực hiện việc phân tích số liệu tuyển sinh như chỉ số trúng tuyển theo ngành, chỉ số phân tích về điểm trúng tuyển, số lượng thí sinh trúng tuyển từ kết quả thi THPT quốc gia so với số lượng thí sinh được xét tuyển thẳng và với các hình thức xét tuyển khác từ đó đưa vào báo cáo đánh giá công tác tuyển sinh, làm cơ sở báo cáo Bộ GD&ĐT giúp cho việc điều chỉnh và lập kế hoạch tuyển sinh năm tiếp theo [H8.08.01.05], [H8.08.01.06]. Các chỉ tiêu tuyển sinh, chính

sách tuyển sinh và kết quả tuyển sinh được công khai giúp cho tuyển được nhiều hơn SV có chất lượng cho CTĐT. Chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường cũng tăng qua các năm. **[H8.08.01.05]**. Năm 2022, chỉ tiêu tuyển sinh ngành QTKD toàn trường là 270 chỉ tiêu.

2. Điểm mạnh

Trường Đại học GTVT có chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ thông tin với các tiêu chí tuyển chọn được công bố công khai và cập nhật qua các năm trên các phương tiện truyền thông, báo đài và website chính thức của Trường ĐH GTVT. Đồng thời trường có sử dụng nhiều phương tiện để quảng bá tuyển sinh. Chính sách tuyển sinh và tiêu chuẩn đầu vào ngành QTKD được thông báo rõ ràng, rộng rãi và cập nhật hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Ngành QTKD có các chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ thông tin và được công bố trên nhiều phương tiện khác nhau tuy nhiên vẫn cần sắp xếp lại để ngắn gọn hơn, dễ nhớ và có sự liên kết chặt chẽ hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ngành QTKD kết hợp với Khoa VTKT sẽ phối hợp với Phòng KT&ĐBCLĐT của Nhà trường xây dựng các tiêu chí tuyển sinh linh hoạt, phù hợp theo định hướng phát triển chung của CTĐT.	Ngành QTKD; Phòng KT&ĐBCLĐT	Tháng 4 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Ngành QTKD kết hợp với Khoa VTKT sẽ phối hợp với Phòng KT&ĐBCLĐT của Nhà trường phổ biến các chính sách tuyển sinh, tiêu chí xét tuyển trong các tài liệu tuyển sinh trên website cũng như tài liệu bản cứng giới thiệu cho các trường THPT để hiểu, hấp dẫn hơn nhằm hạn chế các thắc mắc đơn giản của các em học sinh cũng như thu hút sự quan tâm của các học sinh và phụ huynh nhiều hơn.	Ngành QTKD; Phòng KT&ĐBCLĐT	Tháng 5 và tháng 6 hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Đối với tuyển sinh đại học, Ngành QTKD và Nhà trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT **[H8.08.02.01]**. Các thông tin về tiêu chí tuyển sinh/tuyển chọn, các phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn rất rõ ràng.

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lập những ban tư vấn tuyển sinh đại học chính quy cũng như tổ chức các cuộc họp để thảo luận, xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển trên cơ sở những quy định của Bộ GD&ĐT và trên thực tế yêu cầu của các ngành học nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng tốt **[H8.08.02.02]**. Nhà trường đã đưa ra những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, khối tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh **[H8.08.02.03]**.

Ngành QTKD luôn bám sát với các phương thức tuyển sinh của Nhà trường và lựa chọn cho mình những phương thức phù hợp nhất. Năm 2022, ngành QTKD sử dụng 3 phương thức tuyển sinh gồm xét tuyển theo kết quả điểm thi THPT, tuyển thẳng, sử dụng kết quả học bạ THPT, xét tuyển theo kết quả đánh giá tư duy. Dưới đây là bảng tổng hợp về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu theo từng phương thức của ngành QTKD trong các năm vừa qua.

Bảng 8.2.1 Chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh ngành QTKD

Năm	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu			
			Kết quả thi THPT	Xét tuyển học bạ THPT	Xét kết hợp	Xét theo theo kết quả đánh giá tư duy
2019	GHA-01	A00, A01, D01, D07	150	25	0	0
2020	GHA-01	A00, A01, D01, D07	90	40	0	0
2021	GHA-01	A00, A01, D01, D07	85	25	0	0
2022	GHA-01	A00, A01, D01, D07	70	35	0	15

Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành QTKD luôn giữ vững và có xu hướng tăng qua các năm. Các phương thức tuyển sinh đa dạng linh hoạt.

Cùng với các phương thức tuyển sinh là những quy định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các ngành tuyển sinh, khối tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và cách thức tuyển sinh theo đúng Phương án tuyển sinh của Trường. Các tiêu chí tuyển sinh này được trình bày trong Kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Ngành QTKD dựa trên các thông tin tuyển sinh hằng năm của Trường ĐH GTVT. **[H8.08.02.03]**, **[H8.08.02.04]**, **[H8.08.02.05]**. Kết thúc mùa tuyển sinh, Phòng KT&ĐBCLĐT tổng kết công tác tuyển sinh nhằm rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học, nêu rõ kết quả tuyển sinh về số lượng, chất lượng đầu vào, phổ điểm xét tuyển và phân tích các khó khăn, thuận lợi để đưa ra các điều chỉnh cho các năm kế tiếp **[H8.08.02.06]**, **[H8.08.02.07]**. Ngành QTKD cũng rà soát các công việc của Ngành trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

Bảng 8.2.2. Số liệu về kết quả tuyển sinh hằng năm ngành QTKD

	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Quy mô đào tạo	527	568	588	653	749
Số liệu thực tế nhập học	121	143	140	132	124
Điểm chuẩn đầu vào	18.6	20.45	23.3	25.3	25.1
Điểm trung bình đầu vào	21.3	22.95	26.35	28.15	27.95

Quy mô đào tạo hàng năm của ngành QTKD đều trên 500 SV và tăng đều qua các năm. Số lượng SV thực tế nhập học luôn ở mức tỉ lệ cao đạt chỉ tiêu tuyển sinh. Mức điểm chuẩn và điểm trung bình đầu vào luôn nằm trong top các ngành điểm cao của trường, điều đó cho thấy chất lượng đầu vào SV ngành QTKD rất tốt. **[H8.08.02.06]**

Những thông tin về xu hướng chọn ngành học, nguồn gốc thí sinh dự thi cũng được phân tích nhằm thu hút thí sinh từ các trường THPT có uy tín. Các bất cập khác trong quy trình, phương thức tuyển sinh cũng được thảo luận và rút kinh nghiệm. **[H8.08.02.08]**

Các tiêu chí tuyển sinh được điều chỉnh theo tình hình thực tế và được quyết định bởi Hội đồng tuyển sinh hằng năm nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với các ngành đào tạo **[H8.08.02.09]**. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, hội đồng tuyển sinh đưa ra các tiêu chí và phương thức tuyển sinh cho đợt tuyển sinh tiếp theo. Thông qua buổi họp, hội đồng tuyển sinh cũng xác định tiêu chí lựa chọn NH, hình thức thi, xét tuyển cho từng CTĐT **[H8.08.02.08]**. Với các tiêu chí tuyển sinh được áp dụng từ trước đến nay, Trường và Ngành QTKD luôn duy trì và bảo đảm quy mô, chất lượng đầu vào.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Nhà trường và Ngành QTKD luôn công bố phương pháp và tiêu chuẩn xét tuyển hằng năm kịp thời, đảm bảo sự minh bạch trong công tác tuyển sinh trong suốt quá trình tuyển sinh. Các tiêu chí tuyển sinh được rà soát, đánh giá hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường và Ngành QTKD có thực hiện thu thập phản hồi của các bên liên quan về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học nhưng chưa thực sự bài bản.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đánh giá về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, chú trọng đến nguồn thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp mà sau này SV Ngành có cơ hội làm việc lập	Ngành QTKD	Tháng 8 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung và cập nhật các thông tin về tuyển sinh trên Website, FB của Ngành để thông tin tuyển sinh hấp dẫn và thu hút các phụ huynh và học sinh. Tham chiếu kết quả tuyển sinh đầu vào với kết quả đầu ra của quá trình đào tạo Ngành QTKD để xác định tính hiệu quả của việc áp dụng tiêu chí tuyển sinh như hiện nay.	Ngành QTKD	Tháng 4 đến tháng 9 hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quy định chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường thực hiện phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ của các phòng ban đồng thời triển khai các hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H8.08.03.01]. Trên cơ sở kế hoạch của Nhà trường, trực tiếp tham gia vào hệ thống quản lý giám sát theo học chế tín chỉ để giám sát, theo dõi và đánh giá sự tiến bộ của người học bao gồm: (1) GV giảng dạy học phần, (2) Cố vấn học tập, (3) Cán bộ phụ trách khoa, (4) Phòng đào tạo (5) Phòng CTCT&SV, phòng KT và BDCLĐT (6) Hệ thống phần mềm quản lý theo học chế tín chỉ.[H8.08.03.02].

Như vậy, Ngành QTKD có cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH bao gồm (1) GV giảng dạy một số học phần, (2) Cố vấn học tập [H8.08.03.03], (3) Cán bộ phụ trách khoa VTKT [H8.08.03.04].

Đánh giá kết quả học tập rèn luyện của SV được quy định tại Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học GTVT. Về giám sát tiến trình học tập, rèn luyện hiệu quả học tập của NH được Nhà trường triển khai bằng các quy chế, quy định trong hoạt động học tập và rèn luyện của NH, kiểm tra/giám sát của hệ thống CVHT. Giám sát hiệu quả học tập và rèn luyện của NH được thực hiện thông qua đánh giá kết quả rèn luyện SV vào cuối học kỳ/năm học với các tiêu chí cụ thể có tổng điểm là 100; tập thể lớp tổ chức hợp kiểm điểm, đánh giá, xếp loại rèn luyện cho từng SV và báo cáo gửi Phòng CTCT&SV. [H8.08.03.05].

Bảng 8.3.1. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm RLSV qua các năm học

Xếp loại	Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
<i>Xuất sắc</i>	1559	1625	1273	1302	1690	1411
<i>Tốt</i>	6122	5140	5677	5244	6089	5768
<i>Khá</i>	3441	2760	4038	3267	4100	3453
<i>TB</i>	365	316	648	324	652	381
<i>Yếu</i>	272	118	137	42	58	23
<i>Kém</i>	109	82	34	82	83	50
Tổng số SV	11868	10041	11807	10261	12672	11086

Bộ môn QTKD tuân thủ quy trình, quy định của Trường để giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, thành quả học tập, khối lượng học tập của người học trên cơ sở thu thập, khai thác và sử dụng các thông tin liên quan đến: (1) Chuẩn mực đạo đức của người học (tình trạng khen thưởng, kỷ luật) [H8.08.03.9] [H8.08.03.10]; (2) Số lượng tín chỉ hoàn thành theo kế hoạch học tập và Kết quả học tập [H8.08.03.07].

Cán bộ phụ trách Khoa phụ trách mảng SV giám sát và theo dõi quá trình và tiến độ học tập của SV. Vào cuối mỗi học kỳ, SV phải tự đánh giá về kết quả học tập

và rèn luyện của mình, tự chấm điểm phân loại. Phiếu tự đánh giá sẽ được cán bộ lớp và CVHT cùng toàn thể lớp họp bình xét, kết quả. Phiếu tự đánh giá được nộp lại cho Văn phòng Khoa. Khoa sẽ tiến hành họp xét điểm rèn luyện cho SV. Đây cũng là căn cứ để đề nghị xét học bổng và các khen thưởng năm học cho SV theo quy định **[H8.08.03.08]**.

Để NH có thể theo dõi và tra cứu thời khóa biểu, đề cương các học phần, lịch giảng dạy của GV, kết quả học tập, Nhà trường đã sử dụng hệ thống công thông tin cho NH tại website của Nhà trường **[H8.08.03.07]**. Mỗi SV có một tài khoản truy cập riêng để theo dõi kết quả học tập, rèn luyện theo từng năm học và kết quả này được lưu trữ tại hệ thống cơ sở dữ liệu do Phòng ĐTDH **[H8.08.03.07]**. Hệ thống thông tin trên được kết nối với phần mềm Hệ thống thông tin SV và Văn phòng điện tử để quản lý và giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV **[H8.08.03.09]**. Việc đánh giá quá trình học tập học phần được GV và phòng đào tạo giám sát thông qua các lần đánh giá giữa và cuối học phần. Kết quả học tập học phần của SV là tổng hợp các điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần. Căn cứ điểm trung bình chung học kỳ và trung bình chung tích lũy, Phòng ĐTDH phối hợp với Khoa sẽ đưa ra cảnh báo đối với những SV có kết quả học tập thấp, thuộc diện có nguy cơ không đạt yêu cầu tối thiểu trong những học kỳ tới để được tiếp tục theo học. Bảng thống kê các thành tích trong học tập, tình trạng vi phạm quy chế được gửi tới Khoa, CVHT, Ban cán sự các lớp để thông báo và tìm giải pháp cho các vấn đề của người học **[H8.08.03.10]**.

Nhà trường cùng Bộ môn và các CVHT cũng luôn cố gắng xây dựng hệ thống theo dõi tình hình học tập của SV có sự liên kết giữa Nhà trường với gia đình SV thông qua việc gửi kết quả học tập về cho gia đình hoặc qua tin nhắn điện thoại **[H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát học tập rèn luyện có sự tham gia đồng bộ của các bên liên quan từ Trường ĐH GTVT đến Khoa VTKT và Ngành QTKD đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động giám sát. Quy trình giám sát chặt chẽ, đảm bảo đánh giá được sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo của Trường để quản lý và giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí cụ thể giám sát thường xuyên sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Việc Ngành cung cấp thông tin cho gia đình NH chưa hiệu quả do thông tin gia đình cung cấp đôi khi bị thay đổi nhưng không cập nhật kịp thời nên đôi khi vẫn còn trường hợp gia đình chưa nắm bắt kịp kết quả học tập của NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm, Ngành QTKD tổ chức cho SV năm 3 và 4 tự đánh giá tích lũy kiến thức theo CDR của CTĐT của Khoa. Thường xuyên liên hệ giữa gia đình, cố vấn học tập, khoa và nhà trường để hướng dẫn NH trong quá trình học tập.	Ngành QTKD, Khoa VTKT	Tháng 4-5 hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Bổ sung, điều chỉnh quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH dựa trên quy trình/ quy định của Trường	Ngành QTKD, Khoa VTKT	Tháng 8- 9/2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Các hoạt động liên quan đến NH luôn được Nhà trường, Khoa Vận tải kinh tế, Bộ môn QTKD quan tâm, tổ chức triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và đã đạt được những kết quả tốt.

Để tạo cơ sở cho các đơn vị phòng ban thực hiện các hoạt động hỗ trợ SV, Nhà trường đã thực hiện phân giao triển khai công tác hỗ trợ tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, thi đua hỗ trợ SV theo chức năng nhiệm vụ cụ thể của các phòng ban. Việc phân giao nhiệm vụ cho các phòng ban được cụ thể hoá thành các văn bản thành lập, giao nhiệm vụ. Cụ thể như sau:

- Các Khoa phân công GV làm cố vấn học các lớp có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ SV trong các hoạt động **[H8.08.04.01]**. Đội ngũ này được Nhà trường tập huấn công tác hỗ trợ NH, như chương trình đào tạo, logic môn học, chế độ chính sách...). Hàng năm, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá hoạt động của công tác CVHT thông qua khảo sát SV. Khoa VTKT hàng năm tổ chức các buổi hội nghị công tác CVHT để tổng kết, trao đổi kinh nghiệm và tiến hành kiện toàn hội đồng CVHT, hội đồng đánh giá RLSV. **[H8.08.04.02]**.

- Các đơn vị như: Phòng ĐTDH, Phòng CTCT & SV, các Khoa quản lý SV phân công các chuyên viên hỗ trợ thủ tục cho SV trong quá trình học tập học tập, định hướng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kết nối SV và doanh nghiệp, hỗ trợ về tài chính (học bổng...), chế độ chính sách. Các hoạt động tư vấn việc làm của SV và hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp được tổ chức thực hiện thông qua các hoạt động của Bộ phận Cố vấn học tập, Đoàn Thanh niên, Hội SV, các câu lạc bộ SV **[H8.08.04.03]**.

Ngành QTKD cũng có nhân sự chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho SV. Các thông tin về việc làm được đăng tải trên trang web của Khoa Vận tải kinh tế và Ngành QTKD **[H8.08.04.04]**.

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có kế hoạch phân công cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, để triển khai các hoạt động hỗ trợ SV **[H8.08.04.01]**. Trong đó:

Hoạt động tư vấn học tập cho SV

Đối với các tân SV, ngay tuần đầu tiên của năm học Phòng CTCT& SV phối hợp cùng với Phòng đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa **[H8.08.04.05]** để cung cấp cho SV các thông tin về các quy định, quy chế đào tạo, cơ sở vật chất, chính sách và các dịch vụ hỗ trợ (đăng ký ký túc xá, kiểm tra sức khỏe và cũng như các chính sách miễn giảm học phí...). Ngoài ra, Nhà trường còn cung cấp cho mỗi SV 01 quyển “Sổ tay sinh viên” **[H8.08.04.06]**. SV cũng có thể tìm được các thông tin này trên website của Nhà trường **[H8.08.04.04]**.

Đối với SV đang học tập tại Ngành QTKD, cùng với các phòng ban chức năng, Ngành QTKD là đơn vị trực tiếp quản lý, tư vấn và hỗ trợ SV ngành QTKD trong quá trình học tập. SV được giải đáp các thắc mắc qua CVHT **[H8.08.04.07]**, ban cán sự lớp. Hình thức tư vấn có thể thông qua email, tài khoản trực tuyến của SV, mục diễn đàn, góp ý trên website chính thức của trường, hoặc gặp trực tiếp trong giờ làm việc của các đơn vị, hoặc thông qua các buổi gặp mặt, họp lớp, sinh hoạt học thuật, hoặc các buổi đối thoại SV... được tổ chức cho SV **[H8.08.04.08]**. Nhà trường cũng

triển khai lấy ý kiến đánh giá các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH, cụ thể là kết quả đánh giá đội ngũ cố vấn học tập của NH. Qua rà soát cho thấy, đội ngũ CVHT của Nhà trường đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, đồng thời Nhà trường đã đổi mới các tiêu chí đánh giá CVHT phù hợp với thực tế để đánh giá thực chất công tác CVHT, giúp cho SV có được môi trường, điều kiện hỗ trợ tốt nhất.

Bảng 8.4.1. Bảng thống kê kết quả thực hiện việc chấm điểm CVHT qua các năm học

Xếp loại CVHT	Năm học 2016 - 2017		Năm học 2017 - 2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020	
	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II	Kỳ I	Kỳ II
A	207	196	95	81	85	82	130	143
B	87	78	213	191	219	190	183	137
C	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số CVHT	294	274	308	272	304	272	313	280

Ngành QTKD tạo điều kiện cho các SV ngành QTKD tham dự các cuộc hội thảo chuyên môn có sự tham gia của các giáo sư trong và ngoài nước. Các SV được khuyến khích tham gia NCKH, hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế do Trường tổ chức. GV tích cực hướng dẫn SV NCKH, **[H8.08.04.09]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức các buổi tổng kết năm học của SV nhằm thông báo về kết quả, chất lượng học tập của SV và phương hướng hoạt động cho năm học tiếp theo. Nhà trường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng, lãnh đạo các đơn vị đào tạo và phục vụ của Nhà trường với SV, cung cấp và giải thích các thông tin đào tạo, lắng nghe và chia sẻ với NH các vấn đề được quan tâm **[H8.08.04.08]**.

Các hoạt động ngoại khóa

Có nhiều CLB để các SV tham gia như: CLB Kỹ sư tương lai; Tiếng Anh, Tin học, Diễn thuyết, Logistics, Phát triển kỹ năng số lượng hoạt động ngoại khóa. Hàng năm, ĐTN cùng với các Khoa lên kế hoạch tổ chức các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ giúp cho SV được trang bị đầy đủ hơn ngoài kiến thức về chuyên môn, Nhà trường đã ký hợp tác với các trường để tăng cường việc trao đổi SV giữa các trường trong khu vực **[H8.08.04.03]**. Hội SV của trường thường xuyên tổ chức những hoạt động đào tạo, rèn luyện kiến thức, kỹ năng mềm, các Câu lạc bộ sở thích, văn hóa, tạo một môi trường tốt giúp các bạn SV có thể tự phát huy khả năng của mình **[H8.08.04.10]**. CLB Nhà doanh nghiệp tương lai ngành QTKD cũng thường xuyên tổ chức các buổi workshop, tọa đàm và talkshow chia sẻ nội dung chuyên môn, rèn luyện các kỹ năng mềm, kiến thức thực tế cho các bạn SV.

Ngày 26/06/2021, CLB Nhà Doanh Nghiệp Tương Lai CFB – Ngành QTKD – Khoa VTKT – Đại học GTVT đã phối hợp cùng với Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS đồng tổ chức sự kiện “Workshop online: Chứng khoán – Cơ hội việc làm, cơ hội đầu tư” trên nền tảng Zoom Meeting. Chương trình đã thu hút sự tham gia nhiệt tình của 200 bạn SV trong và ngoài trường trên cả nước với mong muốn học hỏi kiến thức về Chứng khoán. **[H8.08.04.11]**.

Ngày 04/09/2021 CLB Nhà Doanh Nghiệp Tương Lai CFB UTC – Ngành QTKD – Khoa Vận Tải Kinh Tế, Trường Đại học GTVT đã tổ chức sự kiện Workshop Online “ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - CƠ HỘI KINH DOANH”. Chương trình đã nhận được sự chào đón nồng nhiệt của đông đảo của hơn 150 bạn SV trong và ngoài trường với sự tham gia của diễn giả Nguyễn Trung Kiên – CEO & Founder TUKI

Group. Anh Kiên còn được biết đến với tên gọi Kiên Shopee là người có chuyên môn, kinh nghiệm và là gương mặt quen thuộc với các bạn trẻ trong cộng đồng Shopee Việt Nam. **[H8.08.04.11].**

Ngày 27/11/2021 CLB Nhà Doanh Nghiệp Tương Lai UTC - Ngành QTKD - Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học GTVT đã tổ chức buổi tọa đàm: “Trao đổi phương pháp học tập và định hướng nghề nghiệp” trên nền tảng MS Teams dành cho các bạn SV, đặc biệt là SV năm nhất cần quan tâm. Chương trình đã nhận được sự tham gia nhiệt tình của hơn 300 bạn SV trong và ngoài trường với mong muốn tìm cho mình một phương pháp học tập phù hợp với bản thân, thích nghi với môi trường học tập hoàn toàn mới lạ. **[H8.08.04.11].**

Ngày 23/01/2022, CLB Nhà Doanh Nghiệp Tương Lai UTC - Ngành QTKD - Khoa Vận tải - Kinh tế, Trường Đại học GTVT đã tổ chức buổi Workshop Online “Chuyển đổi số - Hướng đi tất yếu của Doanh nghiệp” trên nền tảng MS Teams dành cho các bạn SV. Chương trình đã nhận được sự tham gia nhiệt tình của hơn 200 bạn SV trong và ngoài trường với mong muốn tiếp cận với sự chuyển đổi số trong tương lai. **[H8.08.04.11].**

Ngành QTKD thường xuyên động viên, hỗ trợ SV tham gia các CLB nhằm tạo môi trường tâm lý, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho SV.

Ngoài ra, mỗi năm một lần, trường và các câu lạc bộ có tổ chức các cuộc thi nhằm hỗ trợ giao lưu kiến thức, kỹ năng của SV như hội diễn văn nghệ, giải bóng đá, thi hùng biện tiếng Anh, khéo tay hay làm là những sân chơi thú vị, mới mẻ, bổ ích và lành mạnh cho các bạn SV để cân bằng cuộc sống **[H8.08.04.11]**. Kết thúc năm, các câu lạc bộ gửi về Đoàn trường, Hội SV các báo cáo tổng kết hằng năm về các hoạt động của câu lạc bộ mình **[H8.08.04.12]**. Hướng ứng hoạt động của các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá này, SV ngành QTKD cũng rất tích cực tham gia **[H8.08.04.11]**.

Ngoài ra, Ngành QTKD và Nhà trường cũng tích cực tham gia mở rộng các hình thức phối hợp, liên kết với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác nhau trong việc hỗ trợ đào tạo, thực tập, thực hành và tuyển dụng cho SV thông qua các biên bản ký kết hợp tác. **[H8.08.04.13]**.

Với mục tiêu cùng nhau xây dựng các chương trình, giải pháp kết nối việc làm tốt nhất cho SV của ngành QTKD nói riêng và SV Khoa Vận tải Kinh tế cũng như Nhà trường nói chung.

Ngày mùng 8 tháng 1 năm 2020, Đại diện Câu lạc bộ Nhà doanh nghiệp tương lai - Đại học GTVT đã tiến hành ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác với Công ty Cổ phần Worksvn tại trụ sở chính của công ty số 54 Lê Văn Thiêm – phường Nhân chính – quận Thanh Xuân – TP. Hà Nội. Thông qua sự phối hợp giữa Câu lạc bộ và Doanh nghiệp, các bạn SV sẽ có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận với việc làm thêm theo đúng chuyên môn trong quá trình còn là SV và ngồi trên ghế Nhà trường. Điều này sẽ giúp SV có một lợi thế cực kỳ lớn đó là đã có kinh nghiệm đi làm trước khi ra trường.

Ngày 22/1/2021 CLB Nhà Doanh Nghiệp Tương Lai - Đại học GTVT và Khoa Đào Tạo Quốc Tế - Trường Đại học GTVT đã có buổi thực tế tại 2 Doanh nghiệp Logistic lớn và rất nổi tiếng tại Hải Phòng đó là Công ty Tân Cảng 128 Hải Phòng và Công ty BeeLogistics. SV được trực tiếp tiếp cận với doanh nghiệp, trực tiếp tìm hiểu và trao đổi với các cán bộ của 2 công ty nhằm giúp SV nâng cao ý thức học tập và tích lũy kiến thức thực tế phục vụ cho ngành học mà bản thân đang theo

đuôi.

Ngày 06/10/2022, hành trình xuất phát từ Trường Đại học GTVT đưa các bạn SV đến nhà máy HONDA - Vĩnh Phúc. Tổng kết chuyến tham quan nhà máy Honda Vĩnh Phúc, SV được học hỏi về quy trình sản xuất lắp ráp ô tô và xe máy, tìm hiểu thông tin, yêu cầu về năng lực của nhà tuyển dụng đối với ứng viên, tìm hiểu văn hóa doanh nghiệp... Chuyến đi cũng đánh dấu sự khởi động các sự kiện của CLB Nhà Doanh Nghiệp Tương Lai CFB UTC - Ngành QTKD - Khoa Vận tải Kinh tế - Trường ĐH GTVT cho một năm học mới tràn đầy nhiệt huyết và tinh thần học hỏi của tuổi trẻ khi còn ngồi trên ghế Nhà trường.

Ngoài ra, ngành QTKD cùng các thầy cô trong bộ môn QTKD luôn cố gắng liên hệ tạo điều kiện để SV có những cơ hội được đi thực tập, trải nghiệm và học hỏi thực tế tại các doanh nghiệp với các lĩnh vực đa dạng: Xây dựng giao thông, xây dựng dân dụng, GTVT, Logistics... trong các kỳ thực tập.

Hằng năm, Nhà trường thực hiện lấy các thông tin phản hồi của SV về các hoạt động, đơn vị của Nhà trường thông qua các phiếu khảo sát định kỳ **[H8.08.04.14]**. Kết quả khả quan và ngày càng tăng trong năm năm vừa qua từ báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp hàng năm thể hiện rõ mức độ hỗ trợ cao để giúp cải thiện khả năng có việc làm của NH. **[H8.08.04.15]**.

2. Điểm mạnh

Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ SV trong học tập, NCKH và phát triển định hướng nghề nghiệp đa dạng, có tác động đến việc hình thành năng lực tư duy học tập, NCKH và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tạo cơ hội cho SV được học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế tại Hà Nội hoặc các tỉnh lân cận...

3. Điểm tồn tại

Thông tin của các cuộc thi do Trường hoặc các câu lạc bộ SV của Nhà trường tổ chức (thi Olympic, thi tranh biện tiếng Anh...), các hoạt động ngoại khóa còn chưa thu hút sự tham gia đông đảo SV của Ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Giao trách nhiệm, tăng cường vai trò của GV trong công tác CVHT nhằm thúc đẩy quá trình rèn luyện của SV đạt kỳ vọng và tìm kiếm SV tài năng	Ngành QTKD.	Tháng 9 đến tháng 12 hằng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng các hoạt động thực tập thực tế theo chiều sâu và xem xét tăng thêm cơ hội trải nghiệm kiến thức và kỹ năng nghề tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Phối hợp với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế để xây dựng & thực hiện các chủ đề bổ sung vào chương trình đào tạo dựa trên các bối cảnh thực tế/ các dự án thực tế của DN nhằm tăng cơ hội rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho NH trước khi tốt nghiệp	Ngành QTKD.	Tháng 1 đến tháng 6 hằng năm	
---	--------------------	---	-------------	------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT và Ngành QTKD có cơ sở vật chất hiện đại với có môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu **[H8.08.05.01]**.

Khu phòng làm việc, giảng đường, các phòng/ khoa...ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của CTĐT. Khu hiệu bộ là tòa A1 và toàn văn phòng A6, A9 được bố trí cho các phòng ban chức năng, khoa chuyên môn nhằm tạo thuận lợi cho quan khách, GV và SV liên hệ và làm việc theo cơ chế một cửa và phát triển các hoạt động hợp tác đào tạo liên kết quốc tế. Văn phòng bộ môn rộng rãi, sạch đẹp, khang trang, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp và trao đổi với SV cần liên hệ công việc. Khu giảng đường có các hướng dẫn và quy định về ứng xử của NH/GV trong trường **[H8.08.05.02]**. SV được tạo điều kiện ở trong KTX của Trường và KTX được trang bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho SV có nhu cầu **[H8.08.05.01]**.

Cảnh quan môi trường sư phạm của Trường ĐH GTVT và Ngành QTKD thuận lợi, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các đối tượng trong Trường và đảm bảo các quy định về vệ sinh học đường của Bộ GD&ĐT. Mỗi phòng học đều được trang bị điều hòa, máy chiếu, bảng thông minh, bảng phấn, bảng viết bút, **[H8.08.05.03]**. Đặc biệt, các phòng học đều được trang bị hệ thống cửa chắn ánh sáng chiếu máy chiếu, bàn ghế mới 100%, thiết bị âm thanh loa - mic vận hành trơn tru. Wifi miễn phí nhằm đáp ứng kịp thời tốt nhất nhu cầu thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và tại khu ký túc xá có nơi tập thể dục, nhà ăn... tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong sinh hoạt.

Trạm y tế của trường có 3 phòng, 2 giường bệnh, được trang bị đủ các thiết bị y tế và có đủ số nhân viên y tế có chuyên môn để chăm sóc sức khỏe cho SV và cán bộ, phối hợp với các đơn vị chức năng tuyên truyền vận động, đôn đốc, kiểm tra vệ sinh môi trường, nơi làm việc, giảng đường, ký túc xá SV và phòng chống dịch bệnh. SV và cán bộ của Nhà trường đều có bảo hiểm y tế. Nhà trường kết hợp trạm y tế liên tục cập nhật và thông báo về các nguy cơ bệnh tật theo mùa và cách phòng tránh, xử lý nhằm và đảm bảo sức khỏe cho cán bộ giáo viên và SV. Nhà trường có tổ giám sát công tác y tế học đường. Trạm Y tế chịu trách nhiệm thông báo, lựa chọn đơn vị và ký kết hợp đồng khám sức khỏe cho toàn thể CBGV và SV trong toàn trường **[H8.08.05.04]**.

Về công tác an toàn, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy được chú trọng. Trường tổ chức tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho toàn thể cán bộ và SV của Trường và thường xuyên kiểm tra thiết bị, hệ thống chữa cháy **[H8.08.05.03]**

Hàng năm Ngành QTKD tiến hành lấy ý kiến tham khảo và phản hồi của SV và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của cơ sở giảng dạy. Các ý kiến phản hồi đều cho rằng Trường đã tạo điều kiện môi trường thuận lợi tối đa cho người học, các phòng ban được bố trí thuận lợi, cảnh quan môi trường sạch sẽ, văn minh **[H8.08.05.05]**.

2. Điểm mạnh

Môi trường cảnh quan, cơ sở vật chất của Nhà trường và Ngành QTKD được trang bị hiện đại hoàn toàn đáp ứng tốt nhu cầu của SV. Ngành QTKD và Nhà trường

luôn quan tâm chăm lo sức khỏe, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho SV.

3. Điểm tồn tại

Việc phổ biến rộng rãi kiến thức & quyền lợi của NH liên quan đến vấn đề chăm sóc và đảm bảo sức khỏe cho việc học tập rèn luyện còn hạn chế. Trang thiết bị y tế và các tủ thuốc tại các giảng đường chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của SV và GV-CB-NV. Hệ thống wifi đã có nhưng hoạt động không đều ở các toà nhà.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Truyền thông phổ biến rộng rãi kiến thức và quyền lợi của SV liên quan đến việc đảm bảo và nâng cao sức khỏe đảm bảo cho NH.	Ngành QTKD và Phòng CTCT & SV	Tháng 8-9 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng hotline tiếp nhận các phản ánh của các bên liên quan về các điều kiện môi trường, cảnh quan... và công bố các số hotline này tại các bản tin tại các giảng đường	Phòng CTCT & SV; Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

CTĐT Ngành QTKD và trường Đại học GTVT có chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ thông tin với các tiêu chí tuyển chọn được công bố công khai và cập nhật qua các năm trên các phương tiện truyền thông, báo đài và website chính thức của Trường ĐH GTVT. Đồng thời ngành QTKD và Nhà trường có sử dụng nhiều phương tiện để quảng bá tuyển sinh. Chính sách tuyển sinh và tiêu chuẩn đầu vào ngành QTKD được thông báo rõ ràng, rộng rãi và cập nhật hằng năm.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Nhà trường cùng bộ môn QTKD luôn công bố phương pháp và tiêu chuẩn xét tuyển hằng năm kịp thời, đảm bảo sự minh bạch trong công tác tuyển sinh trong suốt quá trình tuyển sinh. Các tiêu chí tuyển sinh được rà soát, đánh giá hằng năm.

Hệ thống giám sát học tập rèn luyện có sự tham gia đồng bộ của các bên liên quan từ Trường ĐH GTVT đến Khoa VTKT, Ngành QTKD đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động giám sát. Quy trình giám sát chặt chẽ, đảm bảo đánh giá được sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV. Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo của Trường để quản lý và giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV.

Hoạt động ngoại khóa hỗ trợ SV trong học tập, NCKH và phát triển định hướng nghề nghiệp đa dạng, có tác động đến việc hình thành năng lực tư duy học tập, NCKH và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tạo cơ hội cho SV được học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế tại Hà Nội hoặc các tỉnh lân cận.

Môi trường cảnh quan, cơ sở vật chất của Nhà trường và Ngành QTKD được trang bị hiện đại hoàn toàn đáp ứng tốt nhu cầu của NH. Ngành QTKD và Nhà trường luôn quan tâm chăm lo sức khỏe, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho NH.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Mặc dù ngành QTKD có các chính sách tuyển sinh rõ ràng, đầy đủ thông tin và được công bố tuy nhiên cần triển khai trên nhiều phương tiện khác nhau, cần sắp xếp lại để ngắn gọn hơn, dễ nhớ hơn.

Chưa có tiêu chí cụ thể giám sát thường xuyên sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Việc cung cấp thông tin cho gia đình SV chưa hiệu quả do thông tin gia đình cung cấp đôi khi bị thay đổi nhưng không cập nhật kịp thời nên đôi khi vẫn còn trường hợp gia đình chưa nắm bắt kịp kết quả học tập của SV.

Thông tin của các cuộc thi do Trường hoặc các câu lạc bộ SV của Nhà trường tổ chức (thi Olympic, thi tranh biện tiếng Anh...), các hoạt động ngoại khóa còn chưa thu hút sự tham gia đông đảo SV của ngành QTKD.

Việc phổ biến rộng rãi kiến thức & quyền lợi của SV liên quan đến vấn đề chăm sóc và đảm bảo sức khỏe cho việc học tập rèn luyện tại Ngành QTKD còn hạn chế. Trang thiết bị y tế và các tủ thuốc tại các giảng đường chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của NH và GV-CB-NV.

TIÊU CHUẨN 9. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, Nhà trường đầu tư mạnh CSVC nhằm đáp ứng yêu cầu các bên liên quan. Trường có diện tích khuôn viên đất 21,69 ha bao gồm cả Hà Nội (5,54 ha) và Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại Tp.HCM (16,15 ha). Tổng diện tích khuôn viên Ký túc xá là 9,87 ha (Hà Nội 1,15 ha và Phân hiệu tại Tp.HCM 8,72 ha) tạo ra không gian học tập hiện đại, năng động, thoải mái cho SV [H9.09.01.01] [H9.09.01.02].

Bảng 9.1.1. Thông kê số lượng phòng học và thực hành

STT	Vị trí	Tổng số (phòng)	Hà Nội	Phân hiệu TP HCM
1	Hội trường, giảng đường, phòng học	208	141	67
2	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	110	71	39
	Tổng cộng	318	212	106

Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022

Bảng 9.1.2. Thống kê số lượng máy tính phục vụ đào tạo và nghiên cứu

STT	Đơn vị	Tổng số (máy tính)	Hà Nội	Phân hiệu TP HCM
1	Phòng ban chức năng	278	213	65
2	Bộ môn	131	115	16
3	Phòng thực hành TT UDCNTT	814	504	310
4	Phòng Thí nghiệm	75	59	16
5	Tra cứu thư viện	42	26	16
6	Giảng đường, p.học (máy tính, bảng tương tác)	116	116	0
	Tổng cộng	1456	1033	423

Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022

Bảng 9.1.3 Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc giáo sư, phó giáo sư, GV hữu cơ	308	44345
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	4366
3	Phòng học từ 100-200 chỗ	37	8614
4	Phòng học từ 50-100 chỗ	108	16276
5	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	4474
6	Số phòng học đa phương tiện	4	447
7	Phòng làm việc giáo sư, phó giáo sư, GV hữu cơ	106	10168
8	Thư viện, trung tâm học liệu	2	4566
94	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	108	24898

Với quy mô đào tạo hiện nay, Nhà trường đáp ứng đủ nhu cầu về CSVC, phòng học, giảng đường, phòng làm việc, phòng thực hành... phục vụ cho người học thuộc các hệ đào tạo của Trường. Giảng đường, phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm được đầu tư xây dựng, sửa chữa và hiện đại hóa các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập. Phòng học được phân loại theo diện tích có khả năng đáp ứng nhu cầu tổ chức đào tạo đối với lớp học phân, quy mô SV từ 30 SV đến trên 100 SV, giảng dạy các môn học từ cơ bản đến cơ sở ngành và chuyên ngành. 100% phòng học tại Hà Nội đã được trang bị máy chiếu, bảng tương tác, điều hòa không khí, hệ thống âm thanh, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo **[H9.09.01.03] [H9.09.01.04]**.

Với môi trường học tập năng động, Trường Đại học GTVT không chỉ sở hữu hệ thống phòng học, thực hành hiện đại mà còn xây dựng không gian thể thao, giải trí chuyên nghiệp cho SV. Hội trường lớn có khả năng đáp ứng trên 500 chỗ ngồi, cho phép tổ chức các sự kiện lớn và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa. Nhà trường đã đầu tư xây dựng nhà thi đấu cầu lông, bóng bàn, sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, sân tập thể chất với không gian rộng rãi, thoáng đãng, hiện đại, tạo tâm lý thoải mái cho SV khi tập luyện tại đây dù trong tiết học chính khóa hay ngoài giờ lên lớp **[H9.09.01.03] [H9.09.01.04]**. Ngoài ra, Nhà trường còn bố trí hệ thống không gian mở ở các khu vực khuôn viên trường để SV có thể tập nhạc, tập nhảy, ... tạo điều kiện cho SV phát huy tối đa năng khiếu và đam mê văn nghệ, sinh hoạt tập thể. Đây cũng là những giá trị mà Trường Đại học GTVT đã và đang mang đến cho các bạn SV **[H9.09.01.03]**.

Đối với Ngành QTKD, Nhà trường trang bị đầy đủ hệ thống phòng làm việc GV tại phòng 501, Tòa nhà A9 tổng diện sử dụng khoảng 30m². Văn phòng Ngành QTKD được bố trí đầy đủ hệ thống máy văn phòng và thiết bị hỗ trợ giảng dạy, NCKH như bàn làm việc, bàn họp, hệ thống máy tính, máy in, máy chiếu, bảng ghi chú, tủ lưu trữ hồ sơ,... các điều kiện ánh sáng, điều hòa nhiệt độ phù hợp, hệ thống

wifi phủ sóng đảm bảo hỗ trợ tốt các hoạt động phục vụ đào tạo và NCKH của GV và người học. Đây là nơi tổ chức các buổi họp bộ môn, sinh hoạt khoa học của GV và cũng là nơi bố trí cho GV tiếp và làm việc với SV hằng ngày trong tuần. **[H9.09.01.04].**

Đối với SV của CTĐT ngành QTKD, hiện nay Ngành QTKD đang quản lý theo danh sách có 749 SV gồm 4 khóa: K60 (2019-2023); K61 (2020-2024); K62 (2021-2025); K63 (2022-2026). Tất cả các CSVC của Nhà trường, SV ngành QTKD đều được sử dụng như tất cả các SV khác trong toàn trường. Nhu cầu phòng học hằng năm của CTĐT đều được Nhà trường lên kế hoạch và bố trí đầy đủ các phòng học cho SV của CTĐT và được thông báo đến Khoa và SV trước đầu mỗi học kỳ. Các phòng học được bố trí cho khá rộng rãi, đảm bảo điều kiện về ánh sáng và nhiệt độ, tạo ra sự tiện lợi cho hoạt động học tập của các SV của CTĐT **[H9.09.01.03].**

Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường, trong đó có văn phòng Khoa và các Bộ môn trực thuộc Khoa, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong các phòng học, hội trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt hệ thống âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống điều hoà, hệ thống chiếu sáng. Hệ thống camera được lắp ở khắp các toà nhà để đảm bảo an ninh. **[H9.09.01.03].**

Để đảm bảo các hoạt động quản lý, hoạt động đào tạo và NCKH, Nhà trường đã đầu tư, cải tạo/bổ sung và hiện đại hóa: (i) các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động quản lý chung của Nhà trường; (ii) hệ thống các phòng học giảng đường; (iii) bổ sung, cung cấp thiết bị, vật tư phục vụ các hoạt động thực hành/thí nghiệm tại các PTN bằng nguồn ngân sách nhà nước được trích từ quỹ phát triển sự nghiệp của Nhà trường đảm bảo kế hoạch được phê duyệt theo quy định **[H9.09.01.05].**

Đánh giá và bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị, cơ sở vật chất như bảo dưỡng/bảo trì thang máy các tòa nhà làm việc và giảng đường, bảo dưỡng hệ thống máy phát điện dự phòng, bảo dưỡng hệ thống cấp/thoát nước được thực hiện định kỳ, tuân thủ các quy định và kế hoạch được duyệt **[H9.09.01.03].**

Tại các phòng học, phòng thực hành đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng **[H9.09.01.07]**, **[H9.09.01.06]** cũng như có đầy đủ các sổ sách dùng để theo dõi và quản lý trang thiết bị, phương thức vận hành, bảo trì, sửa chữa định kỳ phục vụ hoạt động đào tạo. Bởi vậy, mỗi khi có sự cố liên quan đến trang thiết bị phòng học đều được Tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời **[H9.09.01.06]**, **[H9.09.01.08]**.

Hằng năm, để có cơ sở kiến nghị về điều kiện CSVC phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập của NH và GV, Nhà trường, thực hiện lấy ý kiến của GV thông qua các buổi họp tổng kết năm học về CSVC của trường **[H9.09.01.09]**. Đối với SV, Nhà trường đã sử dụng một số kênh khác nhau để thu thập thông tin phản hồi của SV về CSVC như ghi nhận ý kiến đóng góp của SV về CSVC của Nhà trường trong buổi đối thoại giữa SV với Khoa VTKT và Nhà trường, hoặc thực hiện khảo sát ý kiến đánh giá của các SV đang học về mức độ đáp ứng của CSVC Nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy đa số các ý kiến của các SV của CTĐT đánh giá từ mức hài lòng trở lên **[H9.09.01.10]** về mức độ đáp ứng của hệ thống giảng đường, phòng học, phòng thực hành,... phục vụ hoạt động dạy học và NCKH.

2. Điểm mạnh

Với CSVC của Trường Đại học GTVT được tích lũy, đầu tư, đổi mới trong thời gian qua, Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học,

phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại theo chuẩn quốc tế để hỗ trợ tốt cho nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của GV và SV toàn trường nói chung và ngành QTKD nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Việc bố trí lịch học của các lớp đôi khi chưa phù hợp với quy mô các lớp, một số giảng đường khá hiện đại phù hợp với các hoạt động hội thảo nhưng chưa phù hợp với hoạt động dạy học. Các phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại, đôi khi các thiết bị còn bị lỗi, hệ thống mạng wifi trong trường còn yếu nên chưa đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của GV-SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại các phòng học và thực hành để đảm bảo đầy đủ chỗ ngồi cho SV. Có kế hoạch bố trí TKB hợp lý hơn trong việc xếp lớp SV, tránh trường hợp số lượng SV nhiều hơn số lượng đáp ứng được của phòng học hoặc ngược lại.	Phòng ĐTDH	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhân rộng mô hình lớp học thông minh nhằm ứng dụng CNTT nhiều hơn nữa vào các hoạt động dạy và học.	Phòng ĐTDH và TT ứng dụng CNTT	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trung tâm thông tin thư viện (TT.TTTV), được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ–BGD&ĐT–TCCB ngày 21/2/2002, có chức năng tham mưu cho Nhà trường về tổ chức, quản lý thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin phục vụ đào tạo và NCKH và CGCN (cụ thể bao gồm: xây dựng vốn tài liệu; xử lý tài liệu; bộ máy tra cứu; tổ chức tài liệu; bảo quản tài liệu; kiểm kê thanh lọc tài liệu; dịch vụ thư viện; hoạt động truyền thông) [H9.09.02.01].

Về cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng thông tin, thư viện và phòng đọc được trang bị đồng bộ (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, phần mềm tra cứu, nội quy Thư viện và hướng dẫn tra cứu sử dụng,...) phù hợp và hệ thống các phòng đọc được kết nối liên hoàn và phủ sóng wifi, đáp ứng nhu cầu của một Thư viện hiện đại [H9.09.02.01]. Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, Thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở

cửa. Người đọc khi sử dụng thư viện phải tuân thủ đầy đủ các nội quy của thư viện, nội quy này được thông báo rộng rãi đến người học thông qua thông báo tại thư viện và trên trang Website của thư viện. Công tác truyền thông giữa TT.TTTV với bạn đọc được thực hiện qua website, fanpage của thư viện, được công bố chính thức 02/2019, trung bình 900 lượt truy cập/ngày. Câu lạc bộ bạn yêu sách UTC được TT.TTTV phối hợp với Đoàn thanh niên, tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày sách Việt Nam 21/4, ngày sách chú trọng và thường xuyên tham gia nhằm mục tiêu truyền thông, quảng bá và xây dựng hình ảnh của Nhà trường **[H9.09.02.02]**. Diện tích phòng đọc rộng rãi cùng các không gian đọc sách tiện ích, chỗ ngồi đầy đủ với trang thiết bị hiện đại, nguồn lực thông tin cực lớn bao trùm cả hệ thống thư viện truyền thống (với tài liệu in) và Thư viện hiện đại đã và đang hỗ trợ rất tốt cho các hoạt động giảng dạy-học tập và NCKH của GV, SV của CTĐT.

Công tác bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn học liệu thư viện được TTTTV chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện quy trình bổ sung tài liệu theo học kỳ (02 lần/năm học). Cuối mỗi học kỳ, các tài liệu (giáo trình, bài giảng, luận văn, luận án, đề tài NCKH, tài liệu tham khảo, đồ án tốt nghiệp, tạp chí) được thống kê, rà soát về số lượng, căn cứ nhu cầu của NH/bạn đọc, TT.TTTV chủ động đề xuất kế hoạch tăng cường nguồn tài liệu in, tài liệu điện tử; nổi bản, tái bản/viết mới trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Các đơn vị phòng ĐTDH, phòng Đào tạo sau đại học triển khai các thủ tục về đầu tư, bổ sung nguồn tài liệu. Sau khi đăng ký xuất bản và quyết định xuất bản, xưởng in thực hiện công tác chế bản và in ấn, in và nộp lưu chiểu. Tài liệu sau khi được nghiệm thu được chuyển về các phòng đọc, phòng mượn và bàn giao cho TT.TTTV trực tiếp quản lý và lưu trữ theo chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác số hóa tài liệu, cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ NH và bạn đọc tra cứu thư viện số online được đã được TT.TTTV trực tiếp thực hiện, TT.UD CNTT phối hợp hoàn thiện CSDL và đưa vào khai thác sử dụng từ năm học 2018 □ 2019, bao gồm: 4517 luận văn, 124 luận án, 180 đề tài NCKH (năm học 2018 □ 2019); 4000 luận văn; 200 luận án; 800 đề tài NCKH; 3000 bài báo khoa học (năm học 2019 □ 2020). Phần mềm tra cứu online nâng cao Libol 6.0 đã được hoàn thiện, CSDL số hóa được tích hợp vào phần mềm Libol 6.0 cho phép NH và bạn đọc thực hiện các tra cứu online nâng cao, tra cứu lịch sử mượn/trả tài liệu. TT.TTTV là đơn vị được giao quản lý sử dụng, trực tiếp đề xuất chủ trương trình Ban Giám hiệu phê duyệt, các đơn vị TT.UDCNTT phối hợp giám sát kỹ thuật, chất lượng dự án CNTT (về các tính năng của phần mềm, cài đặt phần mềm, kiểm thử, chuyển đổi dữ liệu, đào tạo chuyển giao, bản quyền phần mềm), phòng TBQT thực hiện các thủ tục đầu tư giám sát việc thực hiện hợp đồng (về nội dung, khối lượng và tiến độ), phòng TC-KT phối hợp các thủ tục tài chính và thanh quyết toán. CSDL bài giảng trực tuyến, bài giảng mẫu được thực hiện bởi Trung tâm đào tạo trực tuyến **[H9.09.02.04]**.

Công tác thống kê số lượng bạn đọc đến thư viện, tại các phòng đọc sách thư viện, phòng đọc sách nhân viên, phòng đọc điện tử, phòng mượn giáo trình (83 983 lượt năm học 2017 – 2018; 39 204 năm học 2018 – 2019; 56 293 lượt năm học 2019 – 2020); giáo trình bán cho NH (10 491 năm học 2017 – 2018; 9 735 năm học 2018 – 2019; 7283 lượt năm học 2019 – 2020) được TT.TTTV thống kê tại các báo cáo tổng kết năm học để theo dõi, đánh giá nhu cầu của bạn đọc làm cơ sở để nâng cấp/cải tạo TT.TTTV về quy mô; tăng cường nguồn học liệu phục vụ bạn đọc và tăng cường chất lượng dịch vụ tại thư viện; đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng, khai thác nguồn lực học tập tại thư viện

Trung tâm Thông tin - Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham

khảo (*bản cứng/bản mềm*) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đảm bảo cung cấp đủ các tài liệu bắt buộc và các tài liệu tham khảo chính trong các đề cương học phần của các CTĐT của Nhà trường nói chung và của ngành QTKD nói riêng **[H9.09.02.03], [H9.09.02.04]**.

Các tài liệu, học liệu (*bản in và điện tử*) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Trong thời gian qua, Trung tâm TTTV của Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của CB, GV và SV của Nhà trường và ngành QTKD thể hiện qua việc bổ sung sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo đề cương môn học đã được xây dựng của ngành QTKD. Bảng 9.2.1 dưới đây thống kê đầu sách trong năm 2021. **[H9.09.02.05] [H9.09.02.03] [H9.09.02.08]**.

Bảng 9.2.1 Tài liệu giáo trình, học liệu

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng đầu sách
1	Khối ngành I	159283
2	Khối ngành II	113849
3	Khối ngành III	458416
4	Khối ngành IV	248056
5	Khối ngành V	637592
6	Khối ngành VI	8
7	Khối ngành VII	520416

(*Nguồn: TT.TTTV Trường ĐH GTVT*)

Kế hoạch bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập, nguồn học liệu thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám hiệu chủ trì, thành phần tham gia bao gồm toàn thể lãnh đạo các đơn vị chức năng. TT.TTTV gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng HCTH. Phòng HCTH tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại hội nghị giao ban. Thông qua giao ban công tác tháng; Ban Giám hiệu đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết. Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại hội nghị để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của lãnh đạo các đơn vị (*bao gồm cả trưởng và phó trưởng đơn vị*) được Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo trường đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng CBVC. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Nhà trường phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học **[H9.09.02.07]**.

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và khắc phục những tồn tại có thể phát sinh trong quá trình tiếp cận các tài liệu học tập và NCKH cho GV, NH của CTĐT, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi đánh giá mức độ hài lòng người học, các bên liên quan về các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Thư viện cho CTĐT. Kết quả cho thấy trên 80% SV của hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư

viện [H9.09.02.09].

2. Điểm mạnh

Nguồn tài liệu Trung tâm TTTV phong phú về thể loại, đầy đủ về số lượng, đa dạng về loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu của GV, SV toàn Trường nói chung và của ngành QTKD nói riêng. Nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục.

3. Điểm tồn tại

Việc khai thác nguồn tài liệu mua của nước ngoài vẫn còn hạn chế, các đầu sách phục vụ cho người học thiếu các sách hướng dẫn học kèm theo ...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục đề xuất Thư viện tăng cường những đầu sách nước ngoài, đặc biệt là các sách mới xuất bản với các trình độ từ sơ cấp đến nâng cao nhưng phải kèm theo đầy đủ các tài liệu hướng dẫn dạy học cho SV, GV.	Ngành QTKD lập danh sách các tài liệu cần mua bổ sung	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu và hướng dẫn chi tiết cụ thể để người đọc dễ dàng tiếp cận. Đặc biệt, bổ sung đa dạng hơn nữa sách điện tử.	Ngành QTKD đề xuất với Thư viện, TT ứng dụng CNTT	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư trang thiết bị cho các phòng thực hành nhằm phục vụ tốt nhất cho việc học tập, giảng dạy qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, kỹ năng thực hành cho SV, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Nhà trường trang bị đầy đủ các phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho toàn trường. Hiện tại, với tổng diện tích các phòng thực hành, thực tập cho SV của Nhà trường là 24898 m², có 4 phòng học đa phương tiện [H9.09.03.01]. Tại các phòng thực hành Nhà trường đều trang bị máy tính GV; máy tính người học; máy chiếu; thiết bị âm thanh và phần mềm theo chương trình đào tạo đã được cài đặt, điều kiện ánh sáng và nhiệt độ đảm bảo yêu cầu [H9.09.03.02], [H9.09.03.03].

Hiện tại các máy tính được Nhà trường trang bị tại các phòng thực hành mà SV ngành QTKD được sử dụng đều có cấu hình đáp ứng được nhu cầu của công tác giảng dạy thực hành. Các bàn máy tính kiên cố, an toàn, 100% ghế ngồi có lưng dựa. Hệ thống điện âm tường, hệ thống máy lạnh trung tâm toàn khu vực [H9.09.03.03].

Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các phòng thực hành mà SV sử dụng phục vụ công tác giảng dạy và học tập đều có nội quy sử dụng, phân công nhân viên phụ trách cụ thể, có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị, được bố trí đầy đủ chỗ ngồi và các trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc gia phục vụ công tác giảng dạy và học tập [H9.09.03.02], [H9.09.03.03].

Được thành lập theo Quyết định số 105/QĐ-TCCB ngày 17/01/2001, Ban Quản lý giảng đường (QLGD) có chức năng [H9.09.03.04].: (i) xây dựng kế hoạch quản lý và tổ chức điều độ giảng đường; (ii) quản lý trang thiết bị giảng đường; (iii) lập kế hoạch sửa chữa, thay thế thiết bị giảng đường theo phân cấp. Đối với kế hoạch sửa chữa nhỏ, thay thế kịp thời các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, Ban QLGĐ chủ động lập kế hoạch và thực hiện theo phân cấp sau khi được Ban Giám hiệu phê duyệt. Đối với kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị hỗ trợ giảng dạy, phòng TBQT/QLDA là đơn vị tiếp nhận đề xuất hoặc chủ trì kế hoạch đề xuất thường xuyên/dự án đầu tư, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và thực hiện. Quá trình thực hiện, phòng TBQT/QLDA có chức năng quản lý dự án về thủ tục pháp lý về lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ dự án; trình phê duyệt/thẩm định dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công; giám sát quá trình thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng. Ban QLGĐ đóng vai trò phối hợp giám sát yêu cầu của dự án thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Kết thúc dự án, Ban QLGĐ là đơn vị được bàn giao để quản lý, khai thác, vận hành thiết bị hỗ trợ giảng dạy; và chủ động xử lý các vấn đề kỹ thuật được phân công và phân cấp khi có yêu cầu từ CBGV trong quá trình sử dụng [H9.09.03.05].

Các trang thiết bị của các phòng thực hành của Nhà trường luôn được duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Nhà trường luôn quan tâm đầu tư, nâng cấp sửa chữa các phòng thực hành và trang bị CSVC phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch dạy học, phù hợp với quy mô đào tạo của Trường [H9.09.03.06]. Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH đều được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình [H9.09.03.07].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến SV đã cho thấy SV được hỏi đều hài lòng và rất hài lòng về mức độ đáp ứng của phòng thực hành mà SV sử dụng trong quá trình học tập [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Các phòng thực hành với các trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc gia, thường xuyên được bảo dưỡng, cập nhật, đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học và NCKH của người học tại CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch triển khai bảo dưỡng, thay thế các trang thiết bị phòng học, CSVC phục vụ dạy và học còn chậm đã ảnh hưởng ít nhiều đến công tác đào tạo. Đôi khi học kỳ đã bắt đầu mà hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa vẫn chưa hoàn thành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, thay thế trang thiết bị ngay từ đầu năm và phải hoàn thành công tác này trước đầu mỗi học kỳ.	Ngành QTKD sẽ đề xuất BGH chỉ đạo Phòng TBQT	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Cần có đánh giá mức độ đáp ứng của các trang thiết bị thường xuyên hơn để có kế hoạch bảo dưỡng và thay thế trước khi kỳ học mới bắt đầu.	Ngành QTKD kết hợp với TT UD CNTT và Phòng TBQT	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử,...) của Nhà trường được trang bị đầy đủ, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT.

Nhà trường đầu tư và cung cấp đầy đủ thiết bị CNTT cho công tác giảng dạy đào tạo, NCKH của Trường và hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Nhà trường đầu tư đang hoạt động rất hiệu quả. Hiện các phòng thực hành máy tính được bố trí tại tầng 4, tòa nhà A4 với hệ thống máy tính được trang bị cấu hình đủ mạnh phục vụ

cho các hoạt động của SV **[H9.09.04.01]**. Các giảng đường, các phòng học 100% đã được lắp máy chiếu. Hệ thống mạng wifi đã phủ sóng mạng không dây trong cả khu làm việc và các giảng đường trong Trường **[H9.09.04.01]**, **[H9.09.04.02]**. Mỗi CB-GV-NV và SV của Khoa VTKT nói chung và Ngành QTKD nói riêng đều được cấp tài khoản điện tử miễn phí với tên miền của trường (@utc.edu.vn) để tra cứu thông tin, lấy số liệu, bài viết, giáo trình phục vụ cho quá trình dạy học và NCKH. Đối với SV ngành QTKD, thông qua tài khoản điện tử, SV có thể truy cập được vào các cổng thông tin của Nhà trường để sử dụng được các nguồn tài nguyên học liệu, các thông tin về lịch học, thông báo điểm học phần kết thúc học phần... Đối với Cán bộ quản lý, nhân viên phòng ban đều được cấp máy tính bàn để làm việc **[H9.09.04.01]**. Khoa và các Bộ môn đều được trang bị máy tính bàn, trợ lý và văn thư và các Bộ môn; máy photocopy, máy chiếu, TV... được quản lý tập trung tại cấp Khoa nhằm phục vụ giảng dạy, NCKH và quản lý **[H9.09.04.01]**.

Bảng 9.4.1 Số máy tính, phần mềm phục vụ hành chính, đào tạo và NCKH

TT	Danh mục hàng hóa	Xuất xứ nước SX	ĐV tính	Số lượng
1	Máy vi tính nhập khẩu, đồng bộ nguyên chiếc Gồm: Kiểu máy: Destop Tower CPU: Intel Core i5-4590 3.3 GHz, 6Mb Cache Bo mạch chủ: Intel H81 Express Chipset, VGA Onboard Bộ nhớ trong: 4Gb DDR3 1600 Mhz Ổ đĩa cứng: 500B SATA Card đồ họa rời: 01 Gb (DP and DVI-I) Ổ đĩa quang: DVD-RW Card mạng: Gigabit Ethernet Hệ điều hành: Window 10 Home 64 bit Chuột và bàn phím: chuẩnUSB Màn hình: LCD 22.5” Bảo hành: 3 năm	Malaysia, singapor hoặc tương đương	Bộ	100
2	Phụ kiện kèm theo phòng máy gồm: Thiết bị chuyển mạch cisco Bộ chuyển mạch : Cisco C2960S-24TS-S-02 khe cắm quang SFP -24 x RJ-45 10/100/1000Mbs - Switch Layer 2, Cisco OS Managment: DHCP, QoS, VLAN, SNMP, CLI...	Trung Quốc	Chiếc	05
	Tủ mạng Rack 10U:10U Kích thước H.550x W.540 x D.500, có bánh xe	Việt Nam	Chiếc	02
	Cable mạng 6: AMP UTP Cat 6 Cable, 4-Pairs, 24 AWG, CM, Blue, 305 Meter/Box	Trung Quốc	Thùng	08
	Ổ để mạng nhân AMP Chuẩn RJ45	Trung Quốc	ổ	100
	Ghen, vít nở, phụ kiện	Việt Nam	Phòng	02
	Ổ cắm điện 3 châu	Việt Nam	Chiếc	100

	Camera IP 20. Mps DVTECH VDT-315TVI2.0/1080P Full HD (1920 x 1080), hồng ngoại 20-25 mét	Việt Nam	Chiếc	02
--	---	----------	-------	----

Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin (TTUD CNTT), được thành lập theo Quyết định số 794/QĐ-ĐH GTVT ngày 29/4/2011, có chức năng tham mưu cho Nhà trường về xây dựng kế hoạch; quản lý; khai thác; quản trị thiết bị CNTT (phần cứng, phần mềm, an ninh và an toàn hệ thống) và cơ sở hạ tầng CNTT; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa và khắc phục sự cố kỹ thuật an toàn hệ thống mạng, máy tính và các thiết bị CNTT; xây dựng cơ sở dữ liệu; quản lý, phát triển và nâng cấp các phần mềm ứng dụng CNTT **[H9.09.04.04]**. Các hoạt động về đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thực hiện bởi các phòng TBQT. Quá trình thực hiện, phòng TBQT có chức năng quản lý dự án về thủ tục pháp lý về lựa chọn nhà thầu lập hồ sơ dự án; trình phê duyệt/thẩm định dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công; giám sát quá trình thực hiện hợp đồng; tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán hợp đồng, TT.UD CNTT đóng vai trò phối hợp giám sát kỹ thuật của dự án CNTT. Kết thúc dự án, TT.UD CNTT là đơn vị được bàn giao để quản lý, khai thác, vận hành, quản trị thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT; giải quyết các vấn đề kỹ thuật về CNTT trong quá trình khai thác, vận hành. Các đề xuất liên quan đến đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và bảo trì thiết bị CNTT được xuất phát từ các đơn vị và được gửi đến phòng TBQT; TT.UD CNTT là đơn vị phối hợp để đánh giá, kiểm tra hiện trạng kỹ thuật, tham mưu và đề xuất phương án; phòng TBQT sau khi nhận được phương án đề xuất của TT.UD CNTT, căn cứ các điều kiện về đầu tư (tiêu chuẩn, định mức; quy định về quản lý tài sản công; nguồn đầu tư) để trình Ban Giám hiệu phê duyệt phương án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

Các kế hoạch đầu tư, bảo trì, nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được TT.UD CNTT chủ động lập kế hoạch năm học. Trên cơ sở báo cáo của phòng TC-KT về kế hoạch chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển CNTT năm học, Ban Giám hiệu xem xét và phê duyệt kế hoạch được đề xuất từ TT.UD CNTT, phòng TBQT sau đó tổ chức thực hiện các hoạt động về đầu tư theo nguồn vốn được phê duyệt **[H9.09.04.03]**.

Với nền tảng cơ sở hạ tầng CNTT được Nhà trường trang bị khá đồng bộ trong thời gian qua đã giúp Khoa VTKT và Ngành QTKD triển khai công nghệ thông tin điện tử của Khoa và Ngành có hiệu quả hơn. Ngành QTKD đã xây dựng và đưa Website vào hoạt động nhằm cung cấp thông tin cho SV và các bên liên quan **[H9.09.04.01]**. Các phòng học/phần mềm trực tuyến cũng đã triển khai, không những phục vụ các công tác đào tạo, hội thảo trực tuyến với các giáo sư ở các trường đại học ở nước tiên tiến trên thế giới **[H9.09.04.07]**. Nhà trường đã triển khai học tập và thi kết thúc học phần online với sự hỗ trợ của phần mềm hoctructuyen.utc.edu.vn/MS Teams cho toàn bộ các SV **[H9.09.04.07]**.

Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Về hệ thống mạng: Nhà trường đã xây dựng hệ thống mạng dưới dạng hữu tuyến và không dây nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài nguyên CNTT **[H9.09.04.02]**. Công tác tin học hoá các hoạt động quản lý của Trường đã được tiến hành liên tục trong nhiều năm qua. Nhờ sự đồng bộ ứng dụng sử dụng các phần mềm tin học hoá trong toàn Trường, ngành QTKD đang sử dụng các gói phần mềm như: Quản lý đào tạo hệ chính quy, Đánh giá rèn luyện SV; phần mềm Thư viện; Quản lý nhân sự; Quản lý công văn, Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy, Hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning...; đã mang lại hiệu quả và thuận lợi

trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH cho GV và SV của ngành QTKD [H9.09.04.05], [H9.09.04.07]. Dựa trên nền tảng CNTT được nhà trường cung cấp đã giúp ngành QTKD triển khai các hoạt động hỗ trợ dạy và học ngày càng hiệu quả, các thông tin từ Nhà trường, thông qua các phần mềm quản lý đã được Ngành QTKD chuyển tải đầy đủ tới GV và SV. Đồng thời, giúp ngành QTKD tổ chức được một số buổi tọa đàm trực tuyến với một số chuyên gia ở các lĩnh vực chuyên ngành.

Hàng năm, Trường thường tiến hành lấy ý kiến của SV và GV về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Ý kiến phản hồi từ SV và GV của CTĐT cho thấy các bên liên quan đều khá hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Nhà trường [H9.09.04.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT của trường gồm mạng lưới máy chủ, máy trạm, hệ thống dự phòng, bảo mật và bộ máy quản trị mạng được Nhà trường chú trọng đầu tư, rà soát, cải tiến, hiện đang hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.

3. Điểm tồn tại

Các phòng họp trực tuyến để hỗ trợ công tác quản lý và đào tạo và các phòng học thông minh mới chỉ được triển khai ở diện hẹp. Việc triển khai phần mềm tổng thể còn chậm làm giảm hiệu quả các công tác liên quan quản lý đào tạo, NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch xây dựng phòng họp trực tuyến, mở rộng mô hình phòng học thông minh, đẩy nhanh ứng dụng phần mềm tổng thể vào công tác quản lý đào tạo và NCKH.	Ngành QTKD, Phòng Quản trị thiết bị và Trung tâm ứng dụng CNTT	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cấp hệ thống phát wifi của Nhà trường, tăng dung lượng đường truyền và thường xuyên có kế hoạch bảo dưỡng hệ thống CNTT	Trung tâm ứng dụng CNTT	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trạm Y tế được thành lập theo Quyết định số 4198/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 17/9/2002, có chức năng tham mưu cho Nhà trường về quản lý, giáo dục chăm sóc sức khỏe; thực hiện các giải pháp chăm sóc sức khỏe cho NH, CBVC bao gồm các nhiệm vụ cụ thể: (i) xây dựng kế hoạch và kinh phí hoạt động năm học; (ii) tổ chức kế hoạch, phối hợp khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBVC, NH tại các thời điểm nhập học và tốt nghiệp; (iii) quản lý hồ sơ sức khỏe; (iv) tổ chức thực hiện vệ sinh môi trường, giảng đường, an toàn vệ sinh thực phẩm; (v) tổng kết và báo cáo kết quả triển khai công tác y tế **[H9.09.05.01]**.

Được thành lập theo Quyết định số 105/QĐ-TCCB ngày 17/01/2001, Ban Quản lý giảng đường có chức năng đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường khu giảng đường. Ban Quản lý Ký túc xá được thành lập theo Quyết định số 390/QĐ-TC ngày 24/10/1981 có chức năng đảm bảo an toàn, vệ sinh cảnh quan khu vực giảng đường A5 và khu ký túc xá **[H9.09.05.01]**. NH được khám sức khỏe tuyển sinh tại thời điểm nhập học, phân loại sức khỏe, quản lý và tư vấn kịp thời cho SV. 100% SV được tham gia khám sức khỏe khi nhập học. Trạm Y tế là đơn vị chức năng, trực tiếp liên hệ với các bệnh viện, căn cứ quy mô SV và khả năng của đơn vị y tế phối hợp thực hiện, trạm Y tế trình Ban Giám hiệu phê duyệt kế hoạch và đơn vị phối hợp thực hiện khám sức khỏe cho SV đầu vào. Các đơn vị chức năng như phòng ĐTDH, phòng Bảo vệ, Đoàn thanh niên và Ban QLGD phối hợp trong việc cung cấp quy mô SV, thời gian nhập học, bảo vệ và giữ gìn an ninh trật tự; SV tình nguyện tư vấn, hướng dẫn ghi hồ sơ và công tác trật tự; cung cấp nước và tăng cường vệ sinh giảng đường. Bên cạnh việc thực hiện theo kế hoạch được duyệt, trạm Y tế thực hiện khám sức khỏe và khám chữa bệnh cho các SV của Nhà trường mỗi khi có nhu cầu. Ngoài ra, trạm Y tế trực tiếp được giao nhiệm vụ lập kế hoạch về BHYT SV, gửi thông báo đến các lớp SV toàn trường triển khai hoạt động BHYT (đối tượng tham gia, mức đóng BHYT, hình thức và thời gian nộp tiền BHYT, quy trình thực hiện), bao gồm cả SV thuộc nhóm đối tượng chính sách, SV đang tham gia BHYT tại địa phương **[H9.09.05.02, H9.09.05.03]**.

Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ năm học cho CBVC toàn trường; theo dõi, quản lý hồ sơ sức khỏe của CBVC; khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được trạm Y tế lập, tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm (vào các tháng 6 và tháng 11) cho CBVC toàn trường trình Ban Giám hiệu. Sau khi kế hoạch được phê duyệt, trạm Y tế có trách nhiệm thông báo kế hoạch khám sức khỏe định kỳ đến toàn thể CBVC chi tiết về lịch khám theo đơn vị, nội dung khám, đồng thời kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng, hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán và báo cáo Nhà trường theo quy định. Nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ cho CBVC được trích từ phúc lợi của Nhà trường theo quy định **[H9.09.05.01]**.

Đối với xử lý vệ sinh môi trường; diệt và kiểm soát chuột; phun thuốc diệt muỗi, diệt côn trùng có hại; thu gom và xử lý chất thải y tế, trạm Y tế là đơn vị xây dựng kế hoạch phun khử khuẩn vệ sinh môi trường định kỳ/đợt xuất khi có yêu cầu tại các khu nhà làm việc, các giảng đường và ký túc xá (trong đó số liệu diện tích xử lý được thống kê chi tiết theo địa điểm, số tầng, diện tích, tổng diện tích) **[H9.09.05.04]**.

Phòng CTCT&SV phối hợp với trạm Y tế và phòng Bảo vệ trong việc lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá cải tiến môi trường giảng đường, sức khỏe và sự an toàn đối với NH **[H9.09.05.05]**.

Phòng Bảo vệ, Ban Quản lý KTX của trường có chức năng đảm bảo an toàn tại các khu giảng đường và khu ký túc xá. Tại thư viện, các xưởng thực tập, phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính của Nhà trường đều xây dựng các nội quy nhằm đảm bảo an toàn cho NH. Nhà trường luôn chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các nội quy, quy định của Trường để SV thực hiện nghiêm túc, đảm bảo môi trường giáo dục hiệu quả, an toàn, vững mạnh cũng như công bố các số điện thoại cần thiết để SV liên hệ trong trường hợp khẩn cấp. Công tác an ninh trật tự được Trường thường xuyên triển khai thực hiện, có tác dụng tốt đối với người học, được lồng ghép tuyên truyền hiệu quả tại Tuần sinh hoạt công dân - SV đầu khoá mỗi năm học. Nhằm phòng ngừa, ứng phó với các tình huống cháy nổ có thể xảy ra, bên cạnh việc thường xuyên tuyên truyền các nội quy, quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự, Nhà trường còn tổ chức các buổi tập huấn về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy để mọi người nắm rõ và thực hiện. **[H9.09.05.06]**.

100% phòng học của Nhà trường đều được trang bị hệ thống điều hòa không khí, đã hoàn thành trong năm học 2019 - 2020 tạo môi trường học tập thuận lợi, đảm bảo môi trường sức khỏe cho NH và GV tại các khu giảng đường trong điều kiện thời tiết mùa hè. Hội trường lớn với hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp được sử dụng cho việc tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ miễn phí cho NH và cho CBVC toàn trường. Sân vận động, khu vui chơi trong khuôn viên trường phục vụ miễn phí cho NH **[H9.09.05.07]**.

Các câu lạc bộ văn hóa thể thao SV được hoạt động thường xuyên, ổn định theo kế hoạch của Quỹ văn thể do phòng CTCT&SV quản lý. Thông qua kế hoạch đã được xây dựng, trường đã tổ chức cho NH tham gia rất nhiều hoạt động vui chơi giải trí, các cuộc thi, tìm hiểu kiến thức, các hoạt động TDDT, rèn luyện sức khỏe. Các khu vực sân bóng đá; sân bóng chuyền; các nhà luyện tập cầu lông, bóng bàn, bóng rổ; sân thể thao ngoài trời cả khu vực giảng đường và khu ký túc xá được Nhà trường đầu tư, nâng cấp và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng phục vụ các hoạt động thể thao của SV ngoài giờ học/kể cả buổi tối nhằm tăng cường sức khỏe cho NH **[H9.09.05.07]**.

Đối với các kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe định kỳ/thường xuyên được các đơn vị chức năng trạm Y tế, Ban QLGD, Ban QLKTX, phòng CTCT&SV dự kiến trong phương hướng của năm học tiếp theo tại các báo cáo tổng kết năm học và được thông qua tại hội nghị tổng kết năm học của đơn vị. Chi tiết kế hoạch đầu tư CSVC thường xuyên năm học (về nội dung/hạng mục, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện và các đơn vị phối hợp) sau đó được trạm Y tế/phòng TBQT trình Ban Giám hiệu và phòng TC-KT phối hợp bố trí nguồn để triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, các đơn vị liên quan đến môi trường, sức khỏe có thể gửi đề xuất đến trạm Y tế/phòng TBQT để xây dựng kế hoạch, trình duyệt và triển khai thực hiện. Hàng năm, trạm Y tế, Ban QLGD, Ban QLKTX, phòng CTCT&SV/TBQT chủ động đề xuất/thống kê kinh phí cho các hoạt động năm học (môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận cho người có nhu cầu đặc biệt). Căn cứ hoạt động tài chính của năm học trước, nguồn thu dự kiến của năm kế hoạch, các quy định hiện hành, phòng TC-KT tổng hợp, phân tích và cân đối để lập dự toán chi tiết trình Ban Giám hiệu và báo cáo Bộ GD&ĐT thống nhất và phê duyệt

phân bổ kinh phí cho năm học. Tổng kinh phí đầu tư cho chăm sóc sức khỏe ban đầu trong 5 năm từ 2016 đến 10/2020 gần 1,88 tỷ, dao động từ 330 - 460 triệu/năm học, trung bình gần 376 triệu/năm học **[H9.09.05.08]**.

Những hoạt động hỗ trợ NH về chế độ chính sách, khám sức khỏe và các hoạt động khác mang đến cho NH chất lượng cuộc sống tốt. Điều này được ghi nhận tại báo cáo tổng kết công tác hằng năm và ý kiến đánh giá của CB-CN-VC, SV. Kế hoạch thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường sức khỏe cho SV, CBVC, hoạt động khám chữa bệnh được tổng kết và đánh giá hàng tháng tại hội nghị giao ban công tác tháng do Ban Giám hiệu chủ trì, thành phần tham gia bao gồm toàn thể lãnh đạo các đơn vị chức năng. Trạm Y tế; các ban QLGD/QLKTX; các phòng CTCT&SV/TBQT gửi báo cáo kết quả đã thực hiện vào cuối tháng và kế hoạch triển khai của tháng tiếp theo cho phòng HCTH. Phòng HCTH tổng hợp báo cáo từ các đơn vị và công khai tại hội nghị giao ban. Thông qua giao ban công tác tháng; Ban Giám hiệu đánh giá, tổng kết các công việc đã thực hiện, ghi nhận ý kiến từ các đơn vị phối hợp, lắng nghe các đơn vị chức năng giải trình tồn tại, khó khăn, chỉ đạo hướng giải quyết. Lãnh đạo các đơn vị ghi nhận kết luận tại hội nghị để triển khai thực hiện tại đơn vị. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của lãnh đạo các đơn vị (bao gồm cả trưởng và phó trưởng đơn vị) được Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo trường đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được quy định thống nhất và thực hiện theo nguyên tắc phân cấp đánh giá, cấp trên đánh giá cấp dưới cho đến từng CBVC. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho phép Nhà trường phân bổ hưởng thu nhập tăng thêm hàng tháng; và công tác thi đua, khen thưởng cuối năm học. **[H9.09.05.09]**

Công tác thống kê số lượng thẻ khám, chữa bệnh được trạm Y tế thống kê tại các báo cáo tổng kết năm học (trung bình trên 11 000 thẻ khám chữa bệnh/năm học) để theo dõi, đánh giá nhu cầu của SV, CBVC toàn trường làm cơ sở để nâng cao chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp phục vụ tốt hơn đối với hoạt động y tế, cải tiến môi trường và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trạm **[H9.09.05.09]**.

Các báo cáo tổng kết công tác năm học của Trạm Y tế, Ban QLGD, các phòng CTCT&SV/TBQT thông tin về các kết quả công tác năm học về cải tiến môi trường, chăm sóc sức khỏe, sự an toàn đối với NH, các vấn đề còn tồn tại được ghi nhận tại các báo cáo và được trao đổi/thảo luận tại hội nghị cán bộ viên chức toàn trường đối thoại giữa Nhà trường, các đơn vị chức năng và CBVC làm cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, rà soát và kịp thời điều chỉnh đáp ứng yêu cầu về theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện môi trường, sức khỏe, sự an toàn đối với NH, người có nhu cầu đặc biệt **[H9.09.05.09]**.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, y tế học đường, an toàn được Nhà trường xác định và triển khai hiệu quả, tạo môi trường học tập và làm việc tốt cho toàn thể GV-CB-NV và SV của Trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù CTĐT chưa có NH cần hỗ trợ đặc biệt (người khuyết tật), tuy nhiên hiện nay Nhà trường đã tiếp nhận một số NH cần hỗ trợ đặc biệt nhưng một số cơ sở vật chất như nơi ở và các công trình phục vụ đào tạo cho người khuyết tật chưa hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Kiến nghị BGH chỉ đạo Phòng TBQT lên kế hoạch hoàn thiện các CSVC hỗ trợ cho SV khuyết tật, đảm bảo các SV này được hưởng thụ các dịch vụ về CSVC như các SV khác của trường.	Ngành QTKD, Phòng TBQT	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác an toàn, vệ sinh thực phẩm, cải thiện cảnh quan môi trường và trồng nhiều cây xanh.	Phòng TBQT Phòng CTCT & SV	Từ năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn.

Với CSVC của Trường Đại học GTVT được tích lũy, đầu tư, đổi mới trong thời gian qua, Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại theo chuẩn quốc tế để hỗ trợ tốt cho nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của GV và SV ngành QTKD.

Nguồn tài liệu Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường Đại học GTVT phong phú về thể loại, đầy đủ về số lượng, đa dạng về loại hình, đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu của GV, SV toàn Trường nói chung và Ngành QTKD nói riêng. Nguồn học liệu cũng như cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục.

Các phòng thực hành với các trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc gia, thường xuyên được bảo dưỡng, cập nhật, đáp ứng tốt nhu cầu dạy, học và NCKH của người học tại CTĐT.

Hệ thống CNTT của trường gồm mạng lưới máy chủ, máy trạm, hệ thống dự phòng, bảo mật và bộ máy quản trị mạng được Nhà trường chú trọng đầu tư, rà soát, cải tiến, hiện đang hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, y tế học đường, an toàn được Nhà trường xác định và triển khai hiệu quả, tạo môi trường học tập và làm việc tốt cho toàn thể GV-CB-NV và SV của Trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn.

Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài tại thư viện chưa thực sự phong phú về chủng loại; công tác khảo sát chất lượng phục vụ thư viện chưa được đều đặn;

Văn bản phổ biến quy định, quy chế an toàn, an ninh cho toàn thể cán bộ và SV trong trường còn hạn chế; hệ thống phòng cháy chữa cháy đã được đầu tư nhưng chưa được cấp chứng chỉ an toàn của đơn vị chức năng có thẩm quyền.

Chưa đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích đất được giao đối với cơ sở GDDH về: diện tích KTX trên 25% tổng số SV đào tạo tập trung với mục tiêu 6m²/SV; diện

tích phòng làm việc cho cán bộ, GV tối thiểu 15m²/người;

Kế hoạch triển khai bảo dưỡng, thay thế các trang thiết bị phòng học, CSVC phục vụ dạy và học còn chậm đã ảnh hưởng ít nhiều đến công tác đào tạo. Đôi khi học kỳ đã bắt đầu mà hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa vẫn chưa hoàn thành

Các phòng họp trực tuyến để hỗ trợ công tác quản lý và đào tạo, các phòng học thông minh mới chỉ được triển khai ở diện hẹp. Việc triển khai phần mềm tổng thể còn chậm làm giảm hiệu quả các công tác liên quan quản lý đào tạo, NCKH.

Cơ sở vật chất nơi ở và các công trình phục vụ đào tạo cho người khuyết tật chưa hoàn thiện.

TIÊU CHUẨN 10. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đại học

1. Mô tả

Để đánh giá mức độ đáp ứng của SV sau tốt nghiệp với thị trường lao động, Trường ĐH GTVT đã xây dựng một hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan gồm: các chuyên gia, CBQL, GV, NCV, NV, SV, Nhà tuyển dụng và cựu SV. Ban giám hiệu đã phân công trách nhiệm cho Phòng KT&ĐBCLĐT (<https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/phong-khao-thi-dam-bao-cldt>) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan như kết hợp với Phòng CTCT&SV, Phòng ĐTDH và Khoa chuyên ngành tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, công tác giảng dạy của GV, công tác phục vụ học tập của người học (qua việc thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của SV, học viên, cựu SV và của nhà tuyển dụng) [H10.10.01.01]. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi được triển khai thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết và được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển các CTDH trong toàn trường nói chung và của CTĐT Cử nhân ngành QTKD nói riêng. Việc tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan với nhiều hình thức đa dạng như: khảo sát online, phát phiếu giấy, phỏng vấn, thông qua các cuộc họp giao ban,... [H10.10.01.02]. [H10.10.01.03].

Các thông tin được Ngành QTKD tiến hành thu thập bao gồm các khảo sát từ các thông tin thứ cấp về thị trường lao động và thu thập các thông tin sơ cấp thông qua phỏng vấn, tổ chức các buổi tọa đàm/thảo luận, trao đổi nhóm để lấy ý kiến của GV, CBQL, các nhà khoa học, đại diện tổ chức sử dụng lao động liên quan đến CTDH, NH và cựu SV của CTĐT [H10.10.01.04], [H10.10.01.05].

Ngành QTKD luôn xác định việc rà soát và bổ sung CTĐT là một trong những yêu cầu cơ bản nhằm phù hợp với xu hướng của thị trường lao động, đáp ứng tốt hơn CDR, mục tiêu đào tạo. Đồng thời, đảm bảo tính thống nhất và logic của toàn bộ CTĐT qua đó nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của chương trình. Dựa trên kết quả khảo sát các bên liên quan, Hội đồng Ngành QTKD đã tiến hành thảo luận, phân tích để thống nhất sự cần thiết phải thay đổi các nội dung của CTĐT [H10.10.01.05], [H10.10.01.06].

Bên cạnh đó, CTĐT của Ngành QTKD được thiết kế, rà soát và cải tiến dựa trên khảo sát, đối sánh CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước để qua đó đề xuất những kiến nghị cải tiến CTĐT [H10.10.01.07]. Thông tin phản hồi, phản ánh nhu cầu của các bên liên quan được Ngành QTKD sử dụng làm căn cứ để cập nhật, điều chỉnh và phát triển CTDH.

Trong quá trình cải tiến CTĐT, nhiều học phần được điều chỉnh theo hướng tinh gọn kết hợp với việc bổ sung các PPGD nhằm đảm bảo cung cấp các kiến thức cần thiết cho SV, nâng cao khả năng tự học. [H10.10.01.08], [H10.10.01.09].

Khi có sự thay đổi trong CTĐT và ĐCCT học phần, những điều chỉnh này được thảo luận và phản ánh trong bài giảng của GV, phương thức tổ chức giảng dạy. [H10.10.01.10].

2. Điểm mạnh

Quy trình thu thập thông tin và phản hồi từ các bên liên quan đã được khai thác và sử dụng để cập nhật, bổ sung và phát triển CTDH của Ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Hướng dẫn, chỉ đạo công tác lấy ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường và Ngành QTKD trong quá trình xây dựng và phát triển CTDH còn nhiều hạn chế, chưa có biện pháp hiệu quả nhằm tăng ý thức của SV trong quá trình điền phiếu khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông qua Phòng KT &ĐBCL kiến nghị với Nhà trường thiết lập quy trình chuẩn cho việc thu thập thông tin các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH.	Ngành QTKD	Học kỳ II năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Khai thác triệt để hơn nữa những thông tin phản hồi của nhà sử dụng lao động để cập nhật CTDH	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Nhà trường có quy trình thiết kế và phát triển CTDH và có văn bản hướng dẫn cụ thể và tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT bao gồm: mục tiêu, CĐR, phương pháp đánh giá, bản mô tả CTDH, ĐCCT học phần... [H10.10.02.01].

Việc triển khai thực hiện việc phát triển CTDH của Ngành QTKD được thực hiện theo sự chỉ đạo chung của Nhà trường, các bước thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.02] cơ bản tuân theo các quy định, hướng dẫn bổ sung cập nhật và phát triển CTDH của Nhà trường và các văn bản của Nhà nước và Bộ GD&ĐT [H10.10.02.03], [H10.10.02.04].

Nhà trường đã rà soát và điều chỉnh CTĐT lần 1 vào năm 2017 và ban hành CTĐT Ngành QTKD vào năm 2017 [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Năm 2019 và năm 2021, khi chỉnh sửa, cập nhật và bổ sung Ngành QTKD: (i) Đã tiếp cận Khung Trình độ quốc gia Việt Nam [H10.10.02.06], [H10.10.02.07]; (ii) Đã hệ thống hóa và hướng dẫn thực hiện cụ thể các PPGD; (iii) Đã điều chỉnh tỷ trọng điểm quá trình đối với các bài kiểm tra giữa học phần của các ĐCCT học phần theo hướng dẫn mới của Nhà trường. (iv) Đã cập nhật CTDH theo các biểu mẫu mới ban hành năm 2021 và sử dụng thống nhất trong biên soạn, xây dựng CTĐT, Bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết các học phần và Chương trình dạy học trình độ ĐH chính quy [H10.10.02.01].

Trong mỗi lần cập nhật, điều chỉnh, Nhà trường đều thành lập Ban chỉ đạo rà soát CĐR và CTĐT và xây dựng kế hoạch chung toàn trường về rà soát cập nhật CĐR

và CTĐT [H10.10.02.08], [H10.10.02.09], [H10.10.02.10] . Trên cơ sở kế hoạch của Trường, Ngành QTKD đều có nhóm công tác phụ trách việc điều chỉnh, cập nhật CTĐT, xây dựng kế hoạch lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, cựu SV, giáo viên, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], [H10.10.02.13].

Căn cứ vào CDR ban hành trong các giai đoạn của CTĐT Ngành QTKD, Ngành QTKD đã tiến hành rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần, xây dựng ma trận liên kết giữa CDR học phần với CDR của CTĐT,... [H10.10.02.14], [H10.10.02.15].

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa và Nhà trường định kỳ tổ chức các hoạt động khảo sát ý kiến của SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của GV về chất lượng CTĐT, để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt KQHT mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Định kỳ 2 năm/lần, Ngành QTKD đã lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các chuyên gia về CTĐT, nhằm tiếp thu ý kiến của các nhà tuyển dụng và chuyên gia để làm cơ sở thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.16].

Để cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH, bên cạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Ngành QTKD luôn chủ động cập nhật những xu hướng mới về phương thức giảng dạy các học phần (Massive Open Online Course, Blended learning, v.v.), các nguồn học liệu mới phục vụ cho quá trình dạy học (các nguồn học liệu mở như openstax.org, core-econ.org, v.v). Việc tích hợp những phương pháp giảng dạy mới, học liệu với mức độ cập nhật cao là những sự điều chỉnh cần thiết của CTDH trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. [H10.10.02.17].

Việc điều chỉnh, cập nhật, phát triển CTDH có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.18].

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng và phát triển CTDH được tiến hành định kỳ theo kế hoạch của Trường ĐH GTVT. Quy trình phát triển CTDH đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc tiến hành thu thập thông tin phản hồi để cải tiến về CTĐT thường khá chậm và bị động do phụ thuộc vào kế hoạch, hướng dẫn rà soát, phát triển CTĐT của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Kiến nghị với Nhà trường cho Ngành QTKD được chủ động thiết kế và phát triển CTDH theo định kỳ hằng năm để chủ động xử lý các thông tin phản hồi từ các bên liên quan đến phát triển CTDH hiệu quả hơn.	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc tham khảo những xu hướng hiện đại trong việc thiết kế CTDH, đặc biệt là việc ứng dụng tài nguyên số và học liệu mở	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được ban hành, rà soát và điều chỉnh năm 2017, 2019 và 2021 gồm các CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H10.10.03.01].

Để đảm bảo tương thích giữa CDR, nội dung CTDH, phương pháp dạy-học và KTĐT, CDR của CTĐT sau khi được rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, nội dung CTDH [H10.10.03.02], hệ thống các phương pháp dạy-học và KTĐG cũng được điều chỉnh tương ứng để đảm bảo đạt được CDR của CTĐT [H10.10.03.03].

Việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường do Phòng ĐT làm đầu mối, trên cơ sở kế hoạch này, các Khoa và Bộ môn tiến hành rà soát các hoạt động dạy-học, KTĐG để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR [H10.10.03.04], [H10.10.03.05].

Để rà soát quá trình dạy-học và KTĐG, hằng năm, Phòng KT&ĐBCLĐT tiến hành khảo sát người học đang học tại trường về hoạt động giảng dạy của GV, công tác phục vụ dạy-học, CSVC, môi trường và văn hóa học đường. Các câu hỏi trong phiếu khảo sát được thiết kế để đánh giá được sự tương thích và phù hợp với CDR của các học phần về phương pháp, lượng kiến thức. Kết quả khảo sát được phòng KT&ĐBCLĐT thông báo bằng văn bản về Ngành, Ngành dựa vào kết quả đánh giá đó để yêu cầu các GV có sự điều chỉnh kịp thời hoạt động giảng dạy cho phù hợp với thực tế cũng như phối hợp với các đơn vị liên quan để nâng cao, cải tiến chất lượng giảng dạy. [H10.10.03.06].[H10.10.03.07].[H10.10.03.08].

Hầu hết các ý kiến của SV cho rằng, các PP dạy-học và KTĐT trong CTĐT là phù hợp, đánh giá được mức độ đạt được CDR của học phần và CTĐT. GV sử dụng các PPDH phù hợp, phương pháp đánh giá KQHT của SV công bằng và khách quan [H10.10.03.09].

Ngoài khảo sát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học trên đối tượng SV đang học, Ngành QTKD đã chủ động lấy ý kiến của cựu SV, nhà tuyển dụng, Nhà khoa học về CDR và CTDH, thông qua các hình thức online và offline,

Ngành QTKD lồng ghép việc lấy ý kiến để đánh giá KQHT của người học với sự tương thích và phù hợp với CĐR, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của các Nhà SDLĐ [H10.10.03.10]. [H10.10.03.02].

Kết quả của quá trình dạy và học, được đánh giá qua KQHT của người học. Hàng năm, sau mỗi năm học Nhà trường triển khai Hội nghị tổng kết công tác đào tạo, khảo thí năm học, đánh giá các kết quả đạt được trong năm học, đánh giá mặt mạnh và mặt yếu trong quá trình dạy và học, đưa ra các bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H10.10.03.11], [H10.10.03.12].

2. Điểm mạnh

Việc rà soát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được thực hiện thường xuyên theo các quy định của Nhà trường, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT.

Hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, phù hợp đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR của học phần và CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại và đề xuất phương án đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập	Ngành QTKD, Phòng KT &ĐBCLĐT,	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động hơn nữa trong việc triển khai đánh giá quá trình dạy và học	Ngành QTKD và các đơn vị liên quan	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Các GV Ngành QTKD luôn tích cực tham gia thực hiện các đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn của mình. Trong thời gian 5 năm gần đây, các thành viên của Ngành QTKD đã và đang tham gia 2 đề tài cấp Nhà nước và tương đương, 2 đề tài cấp bộ và tương đương, 10 đề tài cấp cơ sở **[H10.10.04.01]. H10.10.04.02]**. Trong thời gian 2017-2022, các cán bộ, GV Ngành QTKD đã công bố 9 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 108 bài báo trên các tạp chí trong nước. **[H10.10.04.03]**

Bảng 10.4.1 Khối lượng NCKH của ngành QTKD từng năm

Năm học	Định mức giờ NCKH đã giảm trừ	Thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp từ nguồn vốn ngân sách	Tham gia hội đồng đánh giá, tuyển chọn đề xuất, nhiệm vụ KHCN, hội đồng chấm luận án tiến sĩ; phản biện bài báo khoa học, nhiệm vụ KHCN các cấp, luận án tiến sĩ	Tham gia các hoạt động truyền thông về KHCN của Trường	Bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện (có chỉ số ISSN)	Bài báo, báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, seminar khoa học	Biên soạn, tái bản có bổ sung tài liệu trong hoạt động đào tạo	Xây dựng chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy	Hướng dẫn sinh viên NCKH, tham gia Olympic và các cuộc thi sáng tạo, nghệ thuật, thể thao	Tổng số giờ qui đổi	Tổng số giờ NCKH qui đổi bắt buộc theo mục IV. 2, IV. 3 trong QĐ 1293 và 1917
2017-2018	1221	50	120	80	1650	106,67	100	0	225	2331,67	2046,67
2018-2019	1314	516,67	205	70	2298,32	560	245,2	0	195	4090,19	3820,19
2019-2020	1306	178,17	145	40	2186,66	165	572	30	130	3446,83	3271,83
2020-2021	1305	515,56	125	40	1766,01	300	988,58	260	335	4330,15	3970,15
2021-2022	1320	365,56	125	0	2253,33	130	0	100	345	3318,89	3148,89

Số lượng các đề tài NCKH của SV ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Hàng năm, Trường ĐH GTVT luôn tiến hành thành lập các tiểu ban nghiệm thu đề tài NCKH của SV qua đó đánh giá chất lượng các đề tài cũng như tuyển chọn được những đề tài NCKH của SV xuất sắc nhằm đưa lên cấp cao hơn để khen thưởng **[H10.10.04.04]**. Sự tham gia của SV trong NCKH đã giúp nâng cao năng lực tư duy độc lập, kỹ năng ứng dụng những kiến thức được học để trả lời các câu hỏi thực tiễn đặt ra, cũng như giúp ích rất nhiều cho SV của Ngành QTKD khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động **[H10.10.04.05], [H10.10.04.06]**.

Bảng 10.4.2 Số lượng đề tài NCKH của SV ngành QTKD

STT	Năm học	Số lượng đề tài NCKH của SV
1	2016-2017	14
2	2017-2018	13
3	2018-2019	13
4	2019-2020	4
5	2020-2021	18
6	2021-2022	20
7	2022-2023	18

Nguồn: Phòng KHCN

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV hỗ trợ SV nghiên cứu khoa học chưa nhiều. Số lượng bài báo công bố quốc tế ở những tạp chí đầu ngành còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất cơ chế khuyến khích GV tích cực hỗ trợ SV trong NCKH.	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh hơn nữa việc tích hợp các kết quả NCKH vào giảng dạy trong CTĐT	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Hiện tại Nhà trường thông qua việc quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị Khoa, Trung tâm, Phòng ĐTĐH, Phòng KT&ĐBCLĐT, Phòng CTCT&SV, ... để thực hiện các hoạt động về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. Bên cạnh đó, những vấn đề bất cập liên quan đến dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của sinh viên cũng được

trao đổi và thảo luận trong những buổi đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo trường ĐH GTVT [H10.10.05.01]. Những buổi đối thoại giữa sinh viên và lãnh đạo Khoa VT-KT trong đó có sự tham gia đầy đủ của lãnh đạo ngành QTKD, những buổi đối thoại này được thực hiện ngay từ khi sinh viên vào trường khi tham gia lịch sinh hoạt chính trị đầu năm cũng như những buổi đối thoại vào cuối năm học [H10.10.05.02]. Ngoài ra, ngành QTKD cũng xây dựng thêm các kênh thông tin như Fanpage với tên gọi Ngành Quản Trị Kinh Doanh Trường Đại học Giao thông Vận tải (<https://www.facebook.com/profile.php?id=100046026559769>), Đối thoại với SV, Cố vấn học tập,... để tìm hiểu nhu cầu, vướng mắc của SV trong quá trình học tập, [H10.10.05.03]. Trên cơ sở đó, Ngành QTKD đưa ra các đề xuất với Trường nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

Ở cấp trường, Phòng CTCT&SV là đầu mối để hỗ trợ, cung cấp các tiện ích giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, Bộ phận hỗ trợ SV và truyền thông cũng thiết lập các kênh thông tin, các fanpage để những khó khăn, vướng mắc của người học có thể nhanh chóng được giải quyết. Phòng KT&ĐBCLĐT thiết lập các kênh thu thập thông tin về đánh giá của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.05.04].

Trong quá trình thu thập thông tin phản hồi từ người học, Ngành QTKD luôn chú ý tới những đánh giá về chất lượng của dịch vụ hỗ trợ. Nhìn chung, SV Ngành QTKD đánh giá tốt về chất lượng dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H10.10.05.05].

Ngoài ra, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong Trường để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Trường cũng đã triển khai áp dụng dịch vụ công thông qua ứng dụng điện thoại di động để tạo sự thuận tiện tốt nhất cho người học [H10.10.05.06].

Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập cũng được Nhà trường đặc biệt chú trọng. Trung tâm UD CNTT được thành lập với mục tiêu tạo dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại, phổ biến và áp dụng công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học [H10.10.05.07]. Theo kế hoạch của Trường, phối hợp với Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo trực tuyến đã triển khai việc giảng dạy và học tập theo phương pháp E Learning từ tháng 02/2019 [H10.10.05.08], [H10.10.05.09].[H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, trong những năm gần đây các hoạt động này liên tục được cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Các tiện ích hỗ trợ riêng của Ngành QTKD cho SV trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo còn hạn chế, việc đưa SV đi thực tế còn ít. Một số cơ sở hạ tầng của Nhà trường chưa đáp ứng đáp ứng tốt như mong đợi của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đưa SV đi học tập thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Thành lập mạng lưới cựu SV nhằm tạo ra các quỹ học bổng để động viên, hỗ trợ SV tốt hơn trong quá trình học tập	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích SV tận dụng tốt hơn nữa học liệu số của Trường	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả.

Phòng KT&ĐBCLĐT có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo. Hiện nay, Phòng là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, các CTĐT và thực hiện các hoạt động đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01]. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên. [H10.10.06.02].

Nhà trường lấy ý kiến của các bên liên quan bằng nhiều cách khác nhau [H10.10.06.03].

Để có được cơ chế phản hồi tốt hơn từ các bên liên quan, Trường đã lập các fanpage dành cho các nhóm GV, SV, cựu học viên, v.v. Điều này giúp tạo dựng môi trường thông tin thông suốt với tốc độ phản hồi nhanh [H10.10.06.04]. GV và SV Ngành QTKD cũng được thu hưởng lợi ích từ những cải tiến này.

Hiện nay, theo quy định mỗi năm học, tất cả các GV của Ngành QTKD phải thực hiện hoạt động tự đánh giá các nhiệm vụ: nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ NCKH; nhiệm vụ quản lý đào tạo và nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và các hoạt động Phục vụ cộng đồng. [H10.10.06.05]. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về chất lượng người học tốt nghiệp, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về CTĐT được thực hiện 2 năm/lần [H10.10.06.06], [H10.10.06.07].

Ngành QTKD cũng đã lập riêng fanpage của Ngành để giúp GV và SV có thể nhanh chóng chia sẻ và cập nhật thông tin của đơn vị [H10.10.06.04].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Ngành QTKD, Trường ĐH GTVT đánh giá và sử dụng một cách hiệu quả để cải tiến chất lượng [H10.10.06.08]. [H10.10.06.08].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, GV, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) đều được phân tích, tổng hợp [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11], và sử dụng cải tiến chất lượng CTĐT ngành QTKD [H10.10.06.12], [H10.10.06.13], [H10.10.06.14].

2. Điểm mạnh

Trường đã thiết lập cơ chế phản hồi hiệu quả, có tính hệ thống. Các phản hồi đã được sử dụng làm cơ sở để cải tiến, điều chỉnh CTĐT, phương pháp giảng dạy các học phần.

3. Điểm tồn tại

Công tác truyền thông của Ngành QTKD còn hạn chế, chính điều này đã làm người học và các bên liên quan chưa quan tâm đến ý nghĩa của việc khảo sát và tham gia còn mang tính đối phó, chiếu lệ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác truyền thông để các bên liên quan hiểu rõ hơn ý nghĩa của việc cung cấp thông tin cho các cuộc khảo sát trong những lần kế tiếp.	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa hơn nữa các kênh thu thập thông tin	Ngành QTKD	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Quy trình thu thập thông tin và phản hồi từ các bên liên quan đã được khai thác và sử dụng để cập nhật, bổ sung và phát triển CTDH của Ngành QTKD.

Việc xây dựng và phát triển CTDH được tiến hành định kỳ theo kế hoạch của Trường ĐH GTVT. Quy trình phát triển CTDH đảm bảo sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Việc rà soát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được thực hiện thường xuyên theo các quy định của Nhà trường và của Ngành QTKD, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT. Hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, phù hợp đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR của học phần và CTĐT.

Hoạt động NCKH được triển khai bài bản, có hiệu quả.

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho người học được đánh giá tốt, trong những năm gần đây các hoạt động này liên tục được cải tiến.

Trường và Ngành QTKD đã thiết lập cơ chế phản hồi hiệu quả, có tính hệ thống. Các phản hồi đã được sử dụng làm cơ sở để cải tiến, điều chỉnh CTĐT, phương pháp giảng dạy các học phần.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Hướng dẫn, chỉ đạo công tác lấy ý kiến của các bên liên quan của Nhà trường và Ngành QTKD trong quá trình xây dựng và phát triển CTDH còn nhiều hạn chế, chưa có biện pháp hiệu quả nhằm tăng ý thức của SV trong quá trình điền phiếu khảo sát.

Việc tiến hành thu thập thông tin phản hồi để cải tiến về CTĐT thường khá chậm và bị động do phụ thuộc vào kế hoạch, hướng dẫn rà soát, phát triển CTĐT của Trường.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học còn chưa đa dạng.

Số lượng GV hỗ trợ SV nghiên cứu khoa học chưa nhiều. Số lượng bài báo công bố quốc tế ở các tạp chí đầu ngành còn hạn chế.

Các tiện ích hỗ trợ riêng của Ngành QTKD cho SV trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo còn hạn chế, việc đưa SV đi thực tế còn ít. Một số cơ sở hạ tầng của Nhà trường chưa đáp ứng đáp ứng tốt như mong đợi của SV.

Công tác truyền thông của Ngành QTKD còn hạn chế, chính điều này đã làm người học và các bên liên quan chưa quan tâm đến ý nghĩa của việc khảo sát và tham gia còn mang tính đối phó, chiếu lệ.

TIÊU CHUẨN 11. KẾT QUẢ ĐẦU RA

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hằng năm, tỷ lệ SV Ngành QTKD thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Qua số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp trong 5 năm cho thấy số SV được tuyển vào CTĐT tăng theo thời gian và số SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn được cải thiện rõ rệt. Ngành QTKD luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Cố vấn học tập [H11.11.01.01]. Vào mỗi học kỳ, Hội đồng CVHT Khoa VTKT bao gồm đại diện ban chủ nhiệm khoa VTKT, đại diện Cán bộ lớp, đại diện Cố vấn học tập, chuyên viên VP Khoa VTKT tiến hành họp đều đặn để nắm được tình hình học tập của SV [H11.11.01.02]. Tỷ lệ SV thôi học của Ngành QTKD hằng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ (so với tổng số SV của khóa học). Với những SV thôi học, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ, Cố vấn học tập, cán bộ lớp đều nắm được tình hình SV thôi học. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo [H11.11.01.03].

Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình 5 năm qua của SV ngành QTKD đạt khoảng 98%. Qua đó cho thấy, công tác quản lý và nắm bắt tình hình học tập của SV chuyên ngành được Ngành QTKD làm tương đối tốt. Để phát huy hơn nữa công tác này, từ năm học 2023- 2024, Ngành QTKD sẽ phân công các CVHT phối hợp chặt chẽ hơn nữa với cả gia đình các SV để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ SV trong quá trình học tập. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động liên kết, trao đổi thông tin giữa Ngành QTKD với các SV và thông báo thông tin tới gia đình các SV [H11.11.01.04].

2. Điểm mạnh

Các Cố vấn học tập luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa VTKT để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Đặc biệt, trong năm 2022, Ngành QTKD đã triển khai nhiều hơn các buổi làm việc giữa CVHT với SV để thông báo kế hoạch và thực trạng các vấn đề SV gặp phải ở từng lớp.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động giám sát và cảnh báo SV tuy có được tăng cường những năm gần đây nhưng còn nhiều hạn chế, đôi khi còn thụ động theo kế hoạch của Nhà trường. Bởi vậy, các hoạt động diễn ra vẫn còn chậm trễ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Chủ động trong việc giám sát tình hình học tập của SV. Tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học.	Bộ môn QTKD, CVHT	Học kỳ II năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo việc báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.	Bộ môn QTKD, CVHT	Học kỳ II năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV của Ngành QTKD bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm. Tỷ lệ cao phần trăm SV của Ngành QTKD hoàn thành CTĐT qua từng niên khóa. Điều này được lý giải do SV đã có được đầy đủ thông tin chi tiết về điều kiện để hoàn thành chương trình học, từ đó xây dựng kế hoạch để đạt được mục tiêu một cách hiệu quả. Trên thực tế, Ngành QTKD và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ **[H11.11.02.01]**. Số lượng GV tham gia hướng dẫn thực tập tốt nghiệp và đồ tốt nghiệp cho SV hằng năm được Ngành QTKD bố trí đầy đủ và chính điều này đã giúp SV có thể sớm hoàn thành đồ tốt nghiệp **[H11.11.02.02]**, **[H11.11.02.03]**.

Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng đáng kể SV tốt nghiệp muộn. Đặc biệt là những yêu cầu liên quan đến việc tích lũy đủ số tín chỉ bắt buộc trong các khối kiến thức, hay quy định về điều kiện chuẩn đầu ra về ngoại ngữ **[H11.11.02.04]** và tin học **[H11.11.02.05]**. SV của Ngành QTKD, nhìn chung, chưa chủ động đưa ra các kế hoạch cá nhân phù hợp về lựa chọn môn học và có kế hoạch để đáp ứng các điều kiện chuẩn đầu ra **[H11.11.02.06]**.

Đối sánh

Để cải thiện thời gian tốt nghiệp của SV, Ngành QTKD thường xuyên tổ chức các buổi gặp mặt các CVHT và lớp trưởng để đánh giá lại các biện pháp đưa ra trong học kỳ trước **[H11.11.02.07]**, **[H11.11.02.08]**, **[H11.11.02.09]**. Thông qua buổi gặp mặt, Ngành QTKD cũng tiến hành giải đáp thắc mắc của SV sắp tốt nghiệp và hướng dẫn các nơi thực tập cho SV nhằm rút ngắn thời gian tìm kiếm nơi thực tập. Những nỗ lực cải thiện này của Ngành QTKD đã đem lại những kết quả tích cực được ghi nhận bởi sự giảm mạnh số SV tốt nghiệp muộn trong năm học 2017-2021 **[H11.11.02.10]**, **[H11.11.02.11]**. Nhìn chung, thời gian tốt nghiệp trung bình của Ngành QTKD thuộc ĐH GTVT cao hơn so với ngành QTKD của một số trường ĐH khác. Tuy nhiên, với những nỗ lực hỗ trợ SV và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình, niên khóa 2017-2021, Ngành QTKD đã có được sự cải thiện rõ ràng và có được số liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình tương đương với thời gian tốt nghiệp trung

bình của các chương trình đào tạo này. [H11.11.02.10], [H11.11.02.11].

2. Điểm mạnh

Ngành QTKD luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cố vấn học tập để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT. Về phía Nhà trường: Ban Giám hiệu, Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV gửi thông báo cảnh báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học...

3. Điểm tồn tại

SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân. Mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra. Việc thiếu chủ động của SV trong việc lựa chọn môn học, và thiếu kế hoạch chuẩn bị đầy đủ các tiêu chuẩn đầu ra vẫn còn là một nguyên nhân lớn dẫn tới việc chậm trễ trong thời gian ra trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành rà soát, nhắc nhở SV kịp thời hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ. Xây dựng và lưu thông tin cá nhân của SV đầy đủ hơn để có thể gửi các cảnh báo học tập nhanh nhất đến SV.	Ngành QTKD, CVHT, Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV	Học kỳ II Năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát tiến độ học tập của SV để đảm bảo việc SV hoàn thành CTĐT. Tăng cường sự kết nối với Phòng chức năng để nắm thông tin và gửi thông báo cảnh báo tới các SV bị chậm tiến trình, nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học	Ngành QTKD, CVHT, Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV	Học kỳ II Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng đào tạo và hướng tới mục tiêu đào tạo đáp ứng tốt nhất yêu cầu xã hội. Định kỳ hằng năm phòng CTCT và SV là đơn vị đầu mối thực hiện khảo sát, tổng hợp và báo cáo tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp. Phòng CTCT và SV phối hợp với Khoa VTKT, bộ môn QTKD trong việc thực hiện, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, đối sánh hàng năm của Trường ĐH GTVT [H11.11.03.01]. Việc lấy ý kiến được thực hiện thông qua nhiều kênh khảo sát khác nhau trong đó có kênh khảo sát online. Kết quả tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên tất cả các ngành trong toàn trường đều được Phòng KT&ĐBCLĐT xác lập công khai cũng như giám sát hàng năm trong đề án tuyển sinh của Trường ĐH GTVT [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04].

Thông qua việc lấy ý kiến của SV tốt nghiệp sau một năm, Ngành QTKD đã nắm được tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp và xác định chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá thực tế của thị trường lao động. Đến nay Ngành QTKD đã hình thành một CSDL về SV sau khi tốt nghiệp khá đầy đủ và tin cậy. Đây là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp Ngành QTKD có bức tranh chung về chất lượng đầu ra và hiệu quả của CTĐT; từ đó xác định các vấn đề cần phải hoàn thiện để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động [H11.11.03.02], [H11.11.03.03], [H11.11.03.04]. Kết quả này cho thấy chương trình đào tạo của Ngành QTKD hiện nay được đánh giá là khá phù hợp và sát với thực tiễn yêu cầu của công việc [H11.11.03.05].

Khu vực làm việc của SV tốt nghiệp Ngành QTKD là đa dạng bao gồm khu vực nhà nước, tư nhân và liên doanh nước ngoài, tuy nhiên tỷ lệ SV tốt nghiệp làm việc ở khu vực liên doanh nước ngoài chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ chủ yếu do hạn chế về khả năng ngoại ngữ. Điều này đặt ra việc Ngành QTKD cần phải có nhiều hơn nữa những hỗ trợ và khuyến khích SV học và không ngừng trau dồi vốn ngoại ngữ không chỉ để đáp ứng CĐR về ngoại ngữ của trường mà còn phải có khả năng giao tiếp và làm việc tốt trong môi trường nước ngoài [H11.11.03.03], [H11.11.03.04].

Kết quả về khảo sát tình hình việc làm SV sau tốt nghiệp trong vòng 1 năm sẽ là căn cứ quan trọng để Ngành QTKD tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo, điều chỉnh CTĐT, đặc biệt điều chỉnh thêm một số học phần mới đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Để hỗ trợ tốt nhất cho SV tìm kiếm việc làm sau khi ra trường, Ngành QTKD cùng với trường đã tổ chức nhiều các chương trình hỗ trợ tìm việc và hướng nghiệp cho SV như tổ chức Ngày hội Hướng nghiệp và Việc làm năm 2019: “Khơi nguồn lực, đón thành công”; NGÀY HỘI VIỆC LÀM cùng các Công ty Xây dựng Nhật Bản - JOBFair 2022 [H11.11.03.06], Ngành QTKD phối hợp với đoàn thanh niên tổ chức các buổi hỗ trợ SV kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc.

2. Điểm mạnh

Ngành QTKD đã thiết lập được cơ sở dữ liệu về người học có việc làm sau tốt nghiệp. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau khi ra trường 01 năm cao, đáp ứng tốt các yêu cầu của các tổ chức/doanh nghiệp sử dụng lao động. Điều đó khẳng định ngành QTKD có chất lượng dạy và học khá tốt, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các chương trình học trong năm 2022-2023, Ngành QTKD cũng thiết lập mạng lưới kết nối giữa GV, nhà tuyển dụng và SV tốt hơn, nhằm mục tiêu hỗ trợ các SV tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV sau khi tốt nghiệp làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài còn thấp do hạn chế về ngoại ngữ giao tiếp. Kênh kết nối với các SV sau khi ra trường còn lỏng lẻo, do đó việc khảo sát, thu thập ý kiến vẫn còn hạn chế. Sự kết nối với các tổ chức tuyển dụng với ngày Hội việc làm dành cho SV CTĐT còn hạn chế.

Các số liệu thống kê về kết quả việc làm của SV sau khi tốt nghiệp chưa cho thấy được vị trí việc làm hiện tại của SV có phù hợp với chuyên ngành đào tạo không. Điều này khiến công tác hỗ trợ SV trong học tập cũng như sau khi tốt nghiệp chưa thực sự hoàn hảo. Việc hỗ trợ mới chỉ dừng lại ở việc đưa thông tin việc làm, các kỹ năng mềm để xin việc đến với những SV chuẩn bị tốt nghiệp, còn đối với những SV đã tốt nghiệp hơn 01 năm nhưng chưa có việc làm thì vẫn chưa có sự giúp đỡ cần thiết và kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các cuộc thi Tiếng anh dành cho SV chuyên ngành QTKD nhằm khuyến khích các SV tự tin giao tiếp bằng tiếng anh cũng như sử dụng tiếng anh nhiều hơn trong học tập và nghiên cứu. Phối hợp với đại diện các cựu SV ở các khóa học đã tốt nghiệp để xây dựng và mở rộng mạng lưới cựu SV để tạo thuận lợi cho việc kết nối cũng như nhận những thông tin phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp. Qua đó nhằm tăng tính kết nối các nhà tuyển dụng với CTĐT.	Ngành QTKD, chi đoàn thanh niên	Tháng 10 năm 2023	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng CSDL về người học có việc làm sau tốt nghiệp. Dựa trên cơ sở dữ liệu này, Ngành QTKD cũng nâng cao chất lượng của CTĐT theo định hướng ngày càng đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.	Ngành QTKD	Tháng 5 năm 2023	
---	--------------------	--	------------	------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trường ĐH GTVT đã có những hướng dẫn cụ thể về loại hình nghiên cứu, cụ thể công trình NCKH của SV được xác định là một đề tài NCKH có nội dung gắn với những kiến thức của các môn học/học phần đã được học, đó phải là công trình nghiên cứu chưa từng được công bố và không có sự trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đó; thể thức trình bày NCKH của SV có thể bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt; kế hoạch và tiến độ thực hiện. Tất cả những nội dung này đều được thông báo công khai và rõ ràng trên các thông báo NCKH SV hàng năm được đăng tải trên website Nhà trường [H11.11.04.01].

Bảng 11.4.1. Nhiệm vụ đề tài NCKH của SV Trường ĐH GTVT

STT	Năm	Số lượng đề tài NCKH của SV
1	2016	540
2	2017	556
3	2018	572
4	2019	590
5	2020	607
6	2021	577
7	2022	599

Nguồn: Phòng KHCN

Việc triển khai hoạt động NCKH của SV có sự giám sát của nhiều bên như Phòng KHCN, Phòng CTCT&SV, các Khoa chuyên trách. Tháng 10 hàng năm, Trường sẽ có Thông báo kế hoạch hoạt động NCKH SV hàng năm trên website của Nhà trường, website của P.KHCN, website của Phòng CTCT&SV [H11.11.04.02]. Trong tháng 10, các Khoa sẽ gửi Kế hoạch về P.KHCN và tổ chức phát động phong trào NCKH SV ở đơn vị mình. Tháng 4 năm sau Khoa tổ chức Hội nghị và góp ý cho các công trình NCKH SV; tổ chức đánh giá chấm điểm, xét giải các công trình dự thi ở cấp Khoa và xét chọn các công trình gửi dự thi giải thưởng cấp trường. Khoa sẽ gửi Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH SV về P.KHCN. P.KHCN sẽ thành lập Hội đồng chấm công trình và tổ chức xét giải “SV nghiên cứu khoa học cấp Trường”, thành lập Hội đồng giám khảo xét chọn các công trình gửi dự thi cấp Bộ, công bố công trình đạt giải và thông báo các công trình được xét chọn dự thi “SV nghiên cứu khoa học cấp Bộ” vào tháng 7. Với quy trình, cách thức thực hiện như vậy thì từng bước triển khai hoạt động NCKH SV được giám sát, có sự phối hợp nhịp nhàng của nhiều bên. Mọi vấn đề phát sinh hay những thắc mắc của người học về NCKH đều được phản ánh và giải quyết kịp thời. Quy trình Tổ chức NCKH SV được công bố

công khai trên website của Trường ĐH GTVT [H11.11.04.02], [H11.11.04.03]. Khoa VTKT nói chung và Ngành QTKD với tư cách là đầu mối trực tiếp triển khai hoạt động NCKH SV đến từng SV sẽ có kế hoạch phát động NCKH của SV thông qua website của Khoa VTKT và phổ biến kế hoạch đến từng Ngành cũng như lớp chuyên ngành. Ngành QTKD cũng có những buổi định hướng NCKH cho SV nhằm giúp SV lựa chọn vấn đề nghiên cứu cũng như phân công giáo viên hướng dẫn, giúp đỡ SV thực hiện NCKH. Hoạt động này sẽ được phổ biến đến SV thông qua cố vấn học tập của từng lớp.

Bảng 11.4.2. Số lượng đề tài NCKH của SV ngành QTKD

STT	Năm học	Số lượng đề tài NCKH của SV
1	2016-2017	14
2	2017-2018	13
3	2018-2019	13
4	2019-2020	4
5	2020-2021	18
6	2021-2022	20
7	2022-2023	18

Nguồn: Phòng KHCN

Định hướng nghiên cứu cũng được thực hiện nhằm đảm bảo việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu của SV phù hợp với định hướng phát triển của trường và phù hợp với CDR của Chương trình đào tạo ngành QTKD cả về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm [H11.11.04.04].

Để thuận lợi trong việc quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV, danh mục các công trình NCKH SV được lưu trữ, quản lý trên hệ thống quản lý Văn phòng điện tử trước năm 2020 (https://vanphongdientu.utc.edu.vn/#UTC/Studentresearch?view_type=0&s=&year=2017) và trên hệ thống quản lý Usmart (https://usmart.utc.edu.vn/qlhc/nckh/sinh-vien-nckh/dang-ky#_p=2&y=2022&v=1&s=NaN) từ năm 2020 đến nay [H11.11.04.05]. Ngoài ra, hằng năm trường đã có những quyết định khen thưởng cho cá nhân SV đoạt giải, khen thưởng GV hướng dẫn và khen thưởng tập thể xuất sắc trong hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.06]. Đây được coi là sự khích lệ, động viên của trường không chỉ với SV mà cả GV hướng dẫn và các khoa, viện trong đó có Ngành QTKD nhằm đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH của SV.

Hằng năm, trường cũng đều có những báo cáo tổng kết cuộc thi NCKH của SV trong đó thống kê các công trình SV NCKH của từng Khoa. Với sự tích cực triển khai các hoạt động NCKH của SV, trong những năm qua, Ngành QTKD được đánh giá là một trong những Ngành tích cực tham gia các hoạt động NCKH của SV. Trong các năm gần đây NCKH của SV Ngành QTKD được đánh giá cao [H11.11.04.06].

2. Điểm mạnh

Công tác triển khai NCKH SV được Ngành QTKD thực hiện tương đối tốt, các đề tài khoa học có ý nghĩa thực tiễn cao, phù hợp với chuyên ngành đào tạo cũng như khả năng thực hiện của SV. Hoạt động NCKH ngày càng thu hút được sự quan

tâm từ phía SV.

3. Điểm tồn tại

SV chưa mạnh dạn, chủ động tham gia NCKH, số lượng SV tham gia NCKH có xu hướng giảm trong những năm gần đây. SV mới chỉ tham gia các hoạt động NCKH do trường tổ chức và chưa có nhiều công bố nghiên cứu của SV trên các tạp chí chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thành lập các nhóm nghiên cứu có sự tham gia của cả GV và SV, các SV sẽ được tiếp cận với cách thức nghiên cứu khoa học bài bản ngay từ những năm đầu học đại học, được nghiên cứu cùng các thầy cô sẽ giúp SV tự tin, mạnh dạn hơn. Khuyến khích SV cùng với GV trong Ngành QTKD công bố nghiên cứu trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.	Ngành QTKD	Học kỳ II năm học 2022-2023	
	Phát huy điểm mạnh	Tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể cho hoạt động NCKH SV trong đó các mục tiêu về số lượng công trình tham gia và lĩnh vực nghiên cứu sẽ được xây dựng trên cơ sở đối sánh với các CTĐT cùng chuyên ngành.	Ngành QTKD	Học kỳ II năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức (5/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Sự hài lòng của các bên liên quan được đánh giá qua hai nhân tố chính: quá trình giảng dạy-học tập và kết quả đầu ra. Như vậy, bốn đối tượng hướng tới để khảo sát là SV đang học, cựu SV, các nhà tuyển dụng và GV. Quá trình khảo sát được tiến hành online hoặc gửi phiếu trực tiếp với các câu hỏi được thiết kế để phục vụ cho từng nhóm đối tượng cụ thể. Kết quả khảo sát được báo cáo trong giai đoạn 2018-2022. Quy trình thực hiện các cuộc khảo sát mức độ hài lòng và các phương pháp giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được quy định rõ ràng và thực hiện đầy đủ [H11.11.05.01].

(1) Sự hài lòng của SV đang học

Vấn đề quan trọng đầu tiên được quan tâm đối với người học đó là về đội ngũ GV ở các khía cạnh: trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, việc hỗ trợ SV tự học, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Đây là một trong những yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới mức độ hài lòng của người học đối với CTĐT. Việc khảo sát được tiến hành định kỳ theo phương thức bảng hỏi online và lấy ý kiến khảo sát trực tiếp bằng việc gửi câu hỏi khảo sát đến các em SV trong giai đoạn từ năm 2018 tới 2022 [H11.11.05.02]. Việc thực hiện khảo sát này đều được thực hiện theo các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường được ban hành bởi Nhà trường [H11.11.05.01].

Bảng 11.5.1. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên ngành QTKD

	Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022	
	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 1	Kỳ 2
PGS.TS. Nguyễn Hồng Thái	8.96 Tốt				8.89 Tốt		8.76 Tốt		8.90 Tốt	8.84 Tốt
Ths. Nguyễn Thị Loan	9.28 Rất tốt	9.49 Rất tốt		9.62 Rất tốt	9.09 Rất tốt		9.23 Rất tốt	9.06 Rất tốt	9.43 Rất tốt	8.53 Tốt
Ths. Ngô Thị Thanh Hoa	8.88 Tốt	8.22 Tốt		8.65 Tốt	8.66 Tốt		8.66 Tốt	8.70 Tốt	8.70 Tốt	8.91 Tốt
Ts. Nguyễn Thị Vân Hà					8.76 Tốt		8.58 Tốt	8.84 Tốt	8.47 Tốt	8.46 Tốt
PGS.TS. Nguyễn Cao Ý	9.28 Rất tốt	9.19 Rất tốt		8.87 Tốt	8.86 Tốt	8.40 Tốt	8.66 Tốt	9.11 Rất tốt	8.92 Tốt	8.87 Tốt
Ths. Trần Quang Bằng	9.05 Rất tốt	9.20 Rất tốt			9.08 Rất tốt	8.73 Tốt	8.86 Tốt	9.09 Rất tốt	8.87 Tốt	8.58 Tốt
Ths. Đoàn Trọng Ninh	8.96 Tốt	8.67 Tốt		9.12 Rất tốt	8.69 Tốt		7.84 Khá	8.17 Tốt	8.63 Tốt	
Ths. Chu Tổng Khánh Linh	9.33 Rất tốt	8.90 Tốt		8.61 Tốt	9.56 Rất tốt		9.44 Rất tốt	8.85 Tốt	9.36 Rất tốt	8.88 Tốt
Ths. Phạm Chu Thủy Dương		9.03 Rất tốt		9.28 Rất tốt	8.87 Tốt		8.88 Tốt	8.94 Tốt	8.68 Tốt	8.73 Tốt
Ths. Đới Thị Huyền Thư	9.27 Rất tốt	9.23 Rất tốt		8.76 Tốt	8.63 Tốt		8.19 Tốt	8.86 Tốt	8.60 Tốt	8.78 Tốt

Nguồn: Kết quả khảo sát của Phòng KT&ĐBCLĐT và Phòng CTCT&SV

Thống kê phản hồi từ SV sau mỗi kỳ là đặc biệt hữu ích cho mục đích cải thiện việc giảng dạy hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng SV. Nhìn chung, đa số SV hài lòng với CTĐT, chất lượng đào tạo và hoạt động giảng dạy của GV của Ngành QTKD. **[H11.11.05.03]**.

Bên cạnh việc lấy ý kiến qua phiếu khảo sát, hằng năm Khoa VT-KT nói riêng và Trường ĐH GTVT nói chung đều tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với các em SV nhằm giải đáp các thắc mắc về học tập, sinh hoạt, NCKH, định hướng tương lai. Ngành QTKD đều có đại diện tham gia đầy đủ những buổi đối thoại trực tiếp này. Hoạt động này nhận được nhiều ý kiến phản hồi tích cực từ phía SV. Ngược lại, Ngành QTKD cũng nắm được vấn đề của SV gặp phải để từ đó đưa ra phương hướng giải quyết phù hợp. Tất cả những điều này đều đem lại môi trường học tập chất lượng hướng tới nâng cao chất lượng CTĐT **[H11.11.05.04]**.

(2) Sự hài lòng của cựu SV

Việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau tốt nghiệp được Nhà trường quan tâm. Các cuộc khảo sát đối với các cựu SV của Ngành QTKD được tiến hành online **[H11.11.05.05]**. Việc thực hiện khảo sát này đều được thực hiện theo các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường được ban hành bởi Nhà trường **[H11.11.05.01]**.

Việc làm sau khi tốt nghiệp của các SV rất đa dạng, được phân bố từ khu vực nhà nước, khu vực tư nhân cho tới các doanh nghiệp nước ngoài **[H11.11.05.06]**. Các phản hồi của cựu SV là cơ sở để Ngành QTKD và Nhà trường có những sự điều chỉnh để nâng cao chất lượng của CTĐT và để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của xã hội.

Bảng 11.5.2. Kết quả tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành QTKD

Năm	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi
		Tổng số	Nữ	
2018	Quản trị kinh doanh	80	60	100%
2019	Quản trị kinh doanh	74	56	97.3%
2020	Quản trị kinh doanh	88	59	97.7%
2021	Quản trị kinh doanh	86	49	91.76%
2022	Quản trị kinh doanh	84	72	97.59%

Nguồn: Kết quả khảo sát của Phòng KT&ĐBCLĐT và Phòng CTCT&SV

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ mức độ hài lòng tương đối cao (trên 80%) của cựu SV. Người được khảo sát phần lớn cho rằng các kiến thức và kỹ năng thu được ở chương trình đào tạo bao gồm kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề, các kỹ năng mềm... đóng vai trò quan trọng để giúp họ đáp ứng với nội dung công việc tại nơi làm việc. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ đánh giá các kiến thức này thu

được ở mức độ bình thường. Vì vậy, việc tiếp tục bổ sung và cải thiện chất lượng CTĐT cần được tiếp tục tiến hành [H11.11.05.06].

(3) Sự hài lòng của các nhà tuyển dụng

Việc đánh giá chất lượng đào tạo của các đơn vị tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp của trường là vấn đề rất quan trọng. Đây là đơn vị trực tiếp sử dụng lao động, vì vậy sẽ có những đánh giá chính xác về trình độ và ý thức của SV tốt nghiệp. Các cuộc khảo sát đối với các nhà tuyển dụng sử dụng SV tốt nghiệp chuyên ngành của Ngành QTKD được tiến hành online [H11.11.05.07]. Việc thực hiện khảo sát này đều được thực hiện theo các quy định về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường được ban hành bởi Nhà trường [H11.11.05.01].

Các ý kiến đánh giá của đơn vị tuyển dụng đối với SV của CTĐT sau khi tốt nghiệp, được Ngành QTKD thu thập và phân tích thống kê [H11.11.05.08]. Kết quả cho thấy rằng các nhà tuyển dụng, nhìn chung, đều khá hoặc rất hài lòng với chất lượng của SV tốt nghiệp của Ngành QTKD. Ngoài ra, tỷ lệ phần trăm hài lòng của các nhà tuyển dụng đối với chất lượng SV chuyên Ngành QTKD cải thiện dần qua các năm. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, SV cũng được đánh giá cao ở hầu hết các khía cạnh như đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành tổ chức kỷ luật, và luôn tự giác và trách nhiệm với công việc; khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; hay năng lực kế hoạch, điều phối, phát huy năng lực của tập thể [H11.11.05.08].

(4) Sự hài lòng của GV

Với mục đích không ngừng đổi mới để nâng cao chất lượng của CTĐT, Ngành QTKD cũng tiến hành khảo sát đối với đối tượng là GV giảng dạy [H11.11.05.09]. Khảo sát này tập trung đánh giá sự hài lòng của GV đối với CĐR; bản mô tả CTĐT; cấu trúc và nội dung CTĐT; và hoạt động dạy học [H11.11.05.01]. Phương pháp khảo sát được tiến hành ở đây là tiến hành trực tiếp thông qua làm việc với các GV.

Kết quả khảo sát đã chỉ ra một mức độ hài lòng cao của GV đối với hầu hết nội dung được khảo sát [H11.11.05.10].

Trên cơ sở kết quả khảo sát từ người học, cựu SV, nhà tuyển dụng, và GV Ngành QTKD đã và đang tiến hành các biện pháp nâng cao chất lượng CTĐT và chất lượng của SV sau khi ra trường. Dựa trên việc phân tích và chỉ ra những điểm đạt được và những hạn chế của các nhóm đối tượng được khảo sát, các biện pháp được đề xuất theo hướng tập trung nhằm đem lại một CTĐT chất lượng hơn cho SV. Việc duy trì hoạt động khảo sát theo từng năm đóng vai trò rất quan trọng để quan sát tính hiệu quả của các chương trình, chính sách được triển khai thông qua việc quan sát sự thay đổi trong mức độ hài lòng của người học và của các đơn vị thuê lao động.[H11.11.05.11].

2. Điểm mạnh

Kết quả lấy ý kiến phản hồi, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng và GV cho thấy mức hài lòng với chất lượng đào tạo của Ngành QTKD. Các kết quả khảo sát đều được Ngành QTKD khai thác, phân tích, đánh giá và đối sánh để làm cơ sở cho cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt NCKH của NH.

3. Điểm tồn tại

Thông tin về khảo sát mặc dù đã được thực hiện bằng nhiều hình thức để phù hợp với nhiều dạng đối tượng khảo sát khác nhau nhưng vẫn còn có hạn chế về mặt số lượng. Việc thu thập thông tin đối với các nhà quản lý, nhà tuyển dụng chưa được

đa dạng. Hơn nữa, kết quả khảo sát còn chỉ ra một mức độ hài lòng về tiếng Anh giao tiếp phục vụ cho nhu cầu công việc chưa được như mong muốn của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành định kỳ (hàng năm) khảo sát tất cả các nhóm đối tượng để thu thập thông tin một cách đầy đủ hơn. Hoạt động này cần tiếp tục duy trì để đảm bảo thông tin đầy đủ các đánh giá của các đối tượng tới chất lượng CTĐT. Lên kế hoạch để tổ chức các lớp ngắn hạn bổ trợ kỹ năng mềm cho NH, tăng cường rèn luyện tiếng Anh giao tiếp, tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu của SV.	Ngành QTKD	Tháng 8-12 năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác kết quả khảo sát để đưa ra những chiến lược thay đổi và điều chỉnh cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT trong thời gian tới.	Ngành QTKD	Tháng 8-12 năm 2023	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Cố vấn học tập luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ngành QTKD để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Ngành QTKD đã triển khai nhiều buổi làm việc giữa cố vấn học tập với SV để thông báo kế hoạch và thực trạng các vấn đề SV gặp phải ở từng lớp.

Ngành QTKD luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cố vấn học tập để hỗ trợ SV. Về phía Nhà trường: Ban Giám hiệu, Phòng ĐTDH gửi thông báo cảnh báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học...

Ngành QTKD đã thiết lập được cơ sở dữ liệu về người học có việc làm sau tốt nghiệp. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau khi ra trường 01 năm cao, đáp ứng tốt các yêu cầu của các tổ chức/doanh nghiệp sử dụng lao động. Điều đó khẳng định

Ngành QTKD có chất lượng dạy và học khá tốt, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các chương trình học, Ngành QTKD cũng thiết lập mạng lưới kết nối giữa GV, nhà tuyển dụng và SV tốt hơn, nhằm mục tiêu hỗ trợ các SV tốt nhất.

Công tác triển khai NCKH SV được Ngành QTKD thực hiện tương đối tốt, các đề tài khoa học có ý nghĩa thực tiễn cao, phù hợp với chuyên ngành đào tạo cũng như khả năng thực hiện của SV. Hoạt động NCKH ngày càng thu hút được sự quan tâm từ phía SV.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng và GV cho thấy mức hài lòng với chất lượng đào tạo của Ngành QTKD. Các kết quả khảo sát đều được Ngành QTKD khai thác, phân tích, đánh giá và đối sánh để làm cơ sở cho cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt NCKH của NH.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Các hoạt động giám sát và cảnh báo SV tuy có được tăng cường những năm gần đây nhưng còn nhiều hạn chế, đôi khi còn thụ động theo kế hoạch của Nhà trường. Bởi vậy, các hoạt động diễn ra vẫn còn chậm trễ.

SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra. SV vẫn lúng túng trong việc tìm môn học phù hợp để thay thế hoặc học phân trong CTĐT nhưng lại không nằm trong tiến trình học tập của năm học. Ngành QTKD đã thực hiện các hoạt động trao đổi đầu năm để giải quyết các vấn đề của SV trong quá trình lựa chọn môn học. Tuy nhiên, việc thiếu chủ động của SV trong việc lựa chọn môn học, và thiếu kế hoạch chuẩn bị đầy đủ các tiêu chuẩn đầu ra vẫn còn là một nguyên nhân lớn dẫn tới việc chậm trễ trong thời gian ra trường.

Tỷ lệ SV sau khi tốt nghiệp làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài còn thấp do hạn chế về ngoại ngữ giao tiếp. Kênh kết nối với các SV sau khi ra trường còn lỏng lẻo, do đó việc khảo sát, thu thập ý kiến vẫn còn hạn chế. Sự kết nối với các tổ chức tuyển dụng với ngày Hội việc làm dành cho SV CTĐT còn hạn chế.

SV chưa mạnh dạn, chủ động tham gia NCKH, số lượng SV tham gia NCKH còn ít. SV mới chỉ tham gia các hoạt động NCKH do trường tổ chức và chưa có nhiều công bố nghiên cứu của SV trên các tạp chí chuyên ngành.

Thông tin về khảo sát mặc dù đã được thực hiện bằng nhiều hình thức để phù hợp với nhiều dạng đối tượng khảo sát khác nhau nhưng vẫn còn có hạn chế về mặt số lượng. Việc thu thập thông tin đối với các nhà quản lý, nhà tuyển dụng chưa được đa dạng. Hơn nữa, kết quả khảo sát còn chỉ ra một mức độ hài lòng về tiếng Anh giao tiếp phục vụ cho nhu cầu công việc chưa được như mong muốn của các bên liên quan.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Giao Thông Vận Tải**

Mã trường: GHA

Tên CTĐT: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

Mã CTĐT: 7340101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,33	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,86	7	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					

Tiêu chí 6.4				5					
Tiêu chí 6.5			4						
Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7				5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>							4,80	5	100
Tiêu chí 7.1				5					
Tiêu chí 7.2				5					
Tiêu chí 7.3				5					
Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5			4				4,80	5	100
<i>Tiêu chuẩn 8</i>									
Tiêu chí 8.1				5					
Tiêu chí 8.2				5					
Tiêu chí 8.3				5					
Tiêu chí 8.4			4				5,00	5	100
Tiêu chí 8.5				5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>									
Tiêu chí 9.1				5					
Tiêu chí 9.2				5					
Tiêu chí 9.3				5					
Tiêu chí 9.4				5			5,00	6	100
Tiêu chí 9.5				5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>									
Tiêu chí 10.1				5					
Tiêu chí 10.2				5					
Tiêu chí 10.3				5					
Tiêu chí 10.4				5			5,00	5	100
Tiêu chí 10.5				5					
Tiêu chí 10.6				5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>									
Tiêu chí 11.1				5					
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5					
Tiêu chí 11.4				5					
Tiêu chí 11.5				5					
Đánh giá chung CTĐT cử nhân QTKD							4,90	50	100